

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015



MỤC LỤC

5	CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT
6 7	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
9 14	TỔNG QUAN VỀ VPBANK
16 20	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015
22 27	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NỔI BẬT
29 33	CÁC THÀNH TỰU VỀ XÂY DỰNG NỀN TẢNG
35 54	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
56 112	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2015
113	KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016



TẦM NHÌN ĐẾN NĂM

2017

VPBank trở thành **1** trong

5 Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam

3 Ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH NỘI BẬT

MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tỷ đồng)	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng tài sản	82.818	102.673	121.264	163.241	193.876
Vốn chủ sở hữu	5.996	6.709	7.727	8.980	13.389
Huy động khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá	32.009	59.680	88.345	119.163	152.131
Dư nợ cấp tín dụng	39.376	44.965	66.263	95.675	131.463
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	<i>29.184</i>	<i>36.903</i>	<i>52.474</i>	<i>78.379</i>	<i>116.804</i>
Thu nhập hoạt động thuần	2.515	3.133	5.085	6.271	12.066
Lợi nhuận trước thuế	1.064	949	1.355	1.609	3.096

MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ	2011	2012	2013	2014	2015
ROA	1,12%	0,77%	0,91%	0,88%	1,34%
ROE	14%	11%	14%	15%	21%
Hệ số an toàn CAR	11,90%	12,5%	12,5%	11,3%	12,2%
Số lượng nhân viên	3.548	4.326	6.795	9.501	12.927
Số lượng điểm giao dịch		204	207	209	208
Số lượng Khách hàng hoạt động (nghìn KH)		353	635	1.305	2.088

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG + GTCG (tỷ đồng)



CHO VAY KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2015 đã kiểm toán



Thân gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Năm 2015 là năm thứ 4 trong lộ trình triển khai chiến lược 5 năm của VPBank với tầm nhìn trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi bày tỏ sự vui mừng, tự hào và xin thông báo tới Quý vị rằng VPBank đã đạt một số kết quả kinh doanh rất đáng ghi nhận trong năm 2015. Thành tựu này được tạo nên bởi sự tập trung cao độ và nỗ lực không ngừng nghỉ trong năm qua của toàn thể cán bộ nhân viên trên con thuyền VPBank, theo kim chỉ nam do Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đề ra. VPBank đang đến rất gần mục tiêu cuối của chặng đường 5 năm, nếu chưa nói là đã chạm một tay vào đích. Tập thể VPBank tin rằng đây mới chỉ là một trong những thành quả đầu tiên trong rất nhiều mục tiêu mà Ngân hàng có thể đạt được trong hành trình 5 năm tới, với nền tảng đã xây dựng được cũng như tầm nhìn xa của Ban lãnh đạo và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên.

Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã đồng hành và ủng hộ VPBank trong năm vừa qua. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn sự đóng góp của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên VPBank đã chung sức cho sự phát triển của Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2015, huy động tăng hơn 20% so với cùng kỳ năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.096 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng 49%, chi phí trích lập dự phòng rủi ro ở mức 3.277 tỷ đồng, đảm bảo phản ánh đúng thực tế, chất lượng hoạt động, cũng như sự an toàn của Ngân hàng. Kết quả kinh doanh nêu trên đã giúp VPBank củng cố vị trí trong nhóm các ngân hàng TMCP có quy mô và lợi nhuận cao hàng đầu tại thị trường Việt Nam hiện nay.

Về hoạt động kinh doanh, VPBank tiếp tục phát triển hai mảng kinh doanh trọng tâm phục vụ phân khúc Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, đồng thời nhanh chóng thiết lập mảng kinh doanh phục vụ phân khúc tín dụng tiêu thương, một phân khúc tiềm năng đang bị bỏ ngỏ. Kết quả tăng trưởng ấn tượng về quy mô huy động và cho vay của ba phân khúc này trong năm vừa qua rất đáng tự hào và khẳng định các mục tiêu phân khúc khách hàng chiến lược của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp và khả thi. Đối với các mảng kinh doanh tạt sườn, năm 2015 cũng là một năm hết sức thành công, đặc biệt là xét về hiệu quả từ Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Khối Thị trường Tài chính, Khối Quản lý Đầu tư và Dự án, Trung tâm Định chế và Ngân hàng Giao dịch... Các đơn vị kinh doanh này đã chủ động đẩy mạnh khai thác các sản phẩm dịch vụ riêng biệt, song song với phối hợp liên khối và đối tác bên ngoài một cách chặt chẽ để thực hiện các chương trình bán chéo, chương trình tài trợ chuỗi... để có thể vừa phục vụ khách hàng tốt nhất, vừa tối ưu hóa kết quả kinh doanh của toàn Ngân hàng năm 2015.

Năm vừa qua tiếp tục đánh dấu thành công nổi bật trong bức tranh tín dụng tiêu dùng của VPBank, với tốc độ tăng trưởng được duy trì trung bình xấp xỉ 100%/năm tính trên các chỉ số quan trọng về khách hàng và kết quả kinh doanh, đóng góp lớn vào lợi nhuận cho Ngân hàng. Thêm vào đó, Công ty Tài chính TNHH MTV VPBank cũng vinh dự được nhận giải thưởng Công ty Tài chính Tiêu dùng tốt nhất Việt Nam của tạp chí uy tín The Global Banking & Finance Review. Để giữ vững đà phát triển cho hoạt động này, Ban lãnh đạo Ngân hàng đã bắt đầu hoạch định lộ trình chiến lược 5 năm tính đến 2020 cùng nhà tư vấn McKinsey.

Đằng sau bề mặt kết quả kinh doanh nổi trội, không thể không kể đến xương sống cốt lõi góp phần mang lại sự tăng trưởng tại VPBank trong năm 2015 là hệ thống nền tảng của Ngân hàng. Nhằm thích ứng với các xu hướng thị trường,

hành vi tiêu dùng khách hàng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, quản trị nội bộ và của cơ quan quản lý nhà nước, VPBank đã nắm bắt và đi trước trong thiết kế kiến trúc hệ thống, với việc triển khai gần 30 dự án trọng điểm toàn hàng và hơn 500 sáng kiến tối ưu hóa, cải tiến hệ thống, quy trình có mức độ ảnh hưởng sâu rộng trong 3 năm vừa qua. Đa số các hoạt động chuyển đổi này đều hướng tới mô hình kinh doanh và vận hành tập trung hóa, chuyên môn hóa và tách bạch độc lập nghiệp vụ trong bức tranh rõ nét về tài chính, quản trị rủi ro, vận hành, sản phẩm... dựa trên nền tảng tự động hóa với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Các chỉ số tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động được đo lường sát với bản chất, giúp kịp thời xác định và tháo gỡ các khó khăn, liên tục cải thiện hiệu suất, chất lượng hoạt động. Thêm vào đó, VPBank tiếp tục chuẩn bị một mũi nhọn mới và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam thành lập Khối Dịch vụ Ngân hàng số, đưa loại hình dịch vụ tài chính công nghệ trở thành trọng tâm, phù hợp với viễn cảnh và tầm nhìn hiện nay của các tập đoàn, tổ chức quốc tế lớn. Sự thành công trong công tác xây dựng và chuyển đổi các hệ thống này sẽ là yếu tố quyết định thành công khi VPBank vừa tiếp tục tăng trưởng quyết liệt vừa chú trọng vào hiệu quả tăng trưởng trong năm 2016.

Môi trường kinh tế vĩ mô năm 2016 dự kiến còn nhiều biến động phức tạp do tác động từ các bất ổn chính trị - kinh tế thế giới cũng như các yếu tố nội tại của kinh tế vĩ mô Việt Nam, đặc biệt là yêu cầu ngày càng cao từ phía các cơ quan quản lý đối với các chuẩn mực quản trị trong lĩnh vực ngân hàng. Nền kinh tế đang trên đà phục hồi, tạo điều kiện cho bức tranh ngành ngân hàng trở nên sáng hơn sau thời kỳ tái cấu trúc. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các ngân hàng đang lấy lại tư thế, sẵn sàng đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao trên thị trường, đặc biệt là trong phân khúc bán lẻ. VPBank sẽ bước vào năm 2016 với nhiều thử thách lớn hơn các năm trước. Tuy nhiên, VPBank sẽ chào đón những thử thách này như những cơ hội để đưa Ngân hàng đến một sức mạnh mới, tầm cao mới.

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và toàn thể cán bộ nhân viên VPBank tin rằng, khi chung một chí hướng, chúng tôi sẽ cùng vượt qua mọi thách thức để vươn tới mục tiêu là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam trong tương lai không xa.

Xin trân trọng cảm ơn!



Ngô Chí Dũng
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



TỔNG QUAN VỀ VPBANK

CHIẾN LƯỢC



NGÂN HÀNG BÁN LẺ SÁNG TẠO NHẤT VIỆT NAM

Giải thưởng được trao tháng 8/2015 bởi tạp chí Anh Quốc International Banker.

Với mục tiêu trở thành 1 trong 3 ngân hàng bán lẻ lớn nhất Việt Nam, VPBank là ngân hàng tiên phong áp dụng các công nghệ hiện đại, sáng tạo thành công những sản phẩm, dịch vụ đột phá. Chúng tôi cũng luôn dẫn đầu trong việc cải tiến các sản phẩm ngân hàng truyền thống, đáp ứng nhu cầu đa dạng và linh hoạt của mọi khách hàng.

INTERNATIONAL
Banker
BANKING AWARDS 2015

2010

- Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới;
- Thí điểm triển khai mô hình chi nhánh ngân hàng bán lẻ hiện đại với sự hỗ trợ của công ty tư vấn quốc tế McKinsey & Company;
- Thành lập bộ phận Tín dụng tiêu dùng dưới thương hiệu FE Credit.

2011

- Triển khai 6 sáng kiến chiến lược với sự hỗ trợ của công ty McKinsey & Company để chuyển sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại;
- Ra mắt các điểm giao dịch chuẩn đầu tiên theo theo mô hình này;
- Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế vượt 1.000 tỷ đồng

2012

- Xây dựng chiến lược phát triển của VPBank giai đoạn 2012-2017 với sự hỗ trợ của công ty McKinsey & Company;
- Ra mắt không gian giao dịch mới;
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 100 nghìn tỷ đồng;
- Được công nhận là thương hiệu quốc gia

2013

- Xây dựng và triển khai giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi, Xây dựng lộ trình tổng thể cho lĩnh vực quản trị rủi ro và công nghệ thông tin;
- Tổ chức lại các đơn vị kinh doanh, hỗ trợ và mạng lưới phân phối;
- Lần đầu tiên Moody's xếp hạng tín nhiệm VPBank ở mức B3 với triển vọng "Ổn định";
- Lần đầu tiên lợi nhuận sau thuế vượt 1.000 tỷ đồng

2014

- Hoàn thành cơ bản giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi; Là 1 trong 10 ngân hàng hàng đầu Việt Nam được lựa chọn thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II vào năm 2015;
- Được Moody's nâng mức triển vọng từ mức "Ổn định" lên "Tích cực";
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 150 nghìn tỷ đồng;
- Mua lại thành công Công ty Tài chính Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính VPBank (VPB FC);
- Được công nhận là thương hiệu quốc gia lần thứ 2.

2015

- Xếp hạng 21 trong số các đơn vị nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam;
- Thành lập và đẩy mạnh các mảng kinh doanh mới như Dịch vụ Tín dụng Tiêu dùng (Household), Dịch vụ Công nghệ số (Digital);
- Tập trung hóa dịch vụ khách hàng;
- Giành 6 giải thưởng quốc tế

10 VPBANK ĐIỂM SÁNG TIÊU BIỂU



1 KẾT QUẢ KINH DOANH ĐẠT TỐT

Điểm nổi bật trong kết quả kinh doanh năm 2015 của VPBank là lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3.096 tỷ đồng, tăng trưởng 92% so với năm 2014, đạt 124% kế hoạch đề ra. Tổng thu nhập hoạt động thuần đạt 12.066 tỷ, tăng trưởng 92% so với với năm trước. Tổng doanh thu từ phí đạt 1.597 tỷ đồng và thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ đạt 885 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2014

2 KIỂM SOÁT HIỆU QUẢ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng đã triển khai một loạt dự án tối ưu hóa chi phí hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải tiến, rút ngắn quy trình, tự động hóa các hoạt động hỗ trợ cũng như hoạt động phục vụ khách hàng. Những kết quả đạt được ban đầu là rất khả quan, với tăng trưởng chi phí năm 2015 thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng về quy mô kinh doanh cũng như thu nhập. Nhờ vậy, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập thuần giảm từ 59% năm 2014 xuống còn 47% năm 2015.



3

CÁC CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ

Năm 2015, số lượng khách hàng hoạt động của Ngân hàng đạt hơn 2 triệu khách hàng, tăng trưởng 60% so với năm 2014. Đây là cơ sở quan trọng trong việc theo đuổi chiến lược bán lẻ của ngân hàng. Số thẻ mở mới trong năm đạt gần 350 nghìn thẻ, trong đó có hơn 70 nghìn thẻ tín dụng. Ngân hàng duy trì đà tăng trưởng vững chắc so với năm trước, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, hiệu quả sử dụng vốn cũng như các chỉ tiêu về an toàn hệ thống đều được nâng cao.



4

THÀNH LẬP VÀ ĐẨY MẠNH CÁC MẢNG KINH DOANH MỚI

Nhóm khách hàng hộ kinh doanh là một phân khúc bán lẻ quan trọng với dự ước tính lên tới 10 tỷ USD trong vòng 5 năm tới. Tháng 7/2015, VPBank chính thức thành lập Khối Tín dụng Tiêu thụ (Household Banking Division) cung cấp các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế riêng biệt cho phân khúc khách hàng này. Sau sáu tháng đi vào hoạt động, Khối đã thiết lập 35 đơn vị kinh doanh với tổng số 550 nhân viên, thu hút hơn 9.000 khách hàng, với tổng dư nợ đạt hơn 202 tỷ đồng.

VPBank nhận định công nghệ số là trọng tâm trong chiến lược phát triển của mình, do đó năm 2015 Ngân hàng đã chính thức thành lập khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số. Khách hàng sử dụng internet banking và mobile banking của VPBank năm 2015 tăng lên tương ứng 90% và 220% so với năm 2014. Số lượng và giá trị giao dịch cũng tăng hơn 300%, chiếm gần 21% tổng số giao dịch trên toàn hệ thống, số dư tiền gửi tiết kiệm trực tuyến có kỳ hạn tăng 10 lần và các sản phẩm cho vay trực tuyến giành được sự đón nhận tích cực của khách hàng.

5

TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG DỰ ÁN TẬP TRUNG HÓA DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Tập trung hóa DVKH là một trong những dự án trọng điểm của VPBank trong năm 2015 với việc: Thành lập bộ máy vận hành DVKH tại Hội sở; Tập trung hóa thành công bộ phận DVKH tại 133 chi nhánh tại 2 thành phố lớn Hà Nội, Hồ Chí Minh và các tỉnh thành có tiềm năng phát triển kinh doanh mạnh mẽ là Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương; Thiết lập mô hình, chính sách và nâng cao chất lượng dịch vụ chi nhánh bằng việc tiến hành triển khai 40 sáng kiến tập trung hóa.



6 Giải thưởng
UY TÍN QUỐC TẾ
VỊ THẾ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

6

ĐƯỢC TRAO SÁU GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

Với những kết quả kinh doanh khả quan, VPBank đã nhận được sáu giải thưởng danh giá do các tổ chức quốc tế uy tín trao tặng, bao gồm:

- "Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam 2015" và "Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2015" do Tạp chí International Banker bình chọn.
- "Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam 2015" do Tạp chí Asian Banking and Finance (ABF) trao tặng.
- "Ngân hàng điện tử tốt nhất" và "Sản phẩm Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.
- Giải thưởng "Chiến lược Quản lý dữ liệu Doanh nghiệp năm 2015" do Tổ chức TDWI (The Data Warehousing Institute, Mỹ) trao tặng.



7

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC NÂNG LÊN TẦM CAO MỚI

Với mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới hiệu quả làm việc cao, Dự án Văn hóa Doanh nghiệp năm 2015 đã đạt được những thành công đáng kể trong 4 hạng mục công việc:

- Hoàn thành xây dựng Bộ chuẩn hành vi dựa trên 6 giá trị cốt lõi
- Triển khai chương trình tư vấn đồng hành (Mentoring) với sự tham gia của các cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý cấp trung
- Xây dựng môi trường làm việc cộng tác và văn hóa học chủ động
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua việc thực thi nội quy lao động tại các đơn vị Hội sở

8

TRIỂN KHAI NHIỀU DỰ ÁN NỀN TẢNG QUAN TRỌNG

- Dự án tự động hóa các khối hỗ trợ ERP/SAP: ERP/SAP giúp chuẩn hóa và tích hợp các quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Ngân hàng bằng một giải pháp toàn diện. Dự án cũng giúp nâng cao tính chuyên nghiệp, tính hệ thống, kiến thức, kỹ năng cho nhân viên, khai thác thông tin nhanh chóng, an toàn và ổn định. Năm 2015, VPBank đã thực hiện thành công việc tự động hóa các phân hệ thuộc hệ thống tài chính/vận hành và nhiều phân hệ thuộc hệ thống quản trị nhân sự. Dự kiến Dự án ERP/SAP của VPBank sẽ hoàn tất trong tháng 9/2016.
- Giải pháp kho dữ liệu tập trung - Data Warehouse: Dự án Data Warehouse giúp hỗ trợ công tác dự báo, phân tích và ra quyết định kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ khách hàng của ngân hàng. Năm 2015, Dự án đã triển khai thành công 22 báo cáo, 8 Dashboards phục vụ lãnh đạo cao cấp, 3 data mart phục vụ Trung tâm Phân tích kinh doanh và Khối Tài chính.
- Cài đặt ứng dụng Office 365 cho toàn bộ CBNV: mỗi CBNV VPBank sở hữu tài khoản Office 365 được lưu trữ tới đa 50Gb email và 25Gb dữ liệu vào thời điểm hiện tại, thư viện tài liệu OneDrive trên nền tảng điện toán đám mây với dung lượng 1Tb, dung lượng này còn tăng lên gấp nhiều lần trong những năm tới. Office Online tích hợp Word, Excel, Powerpoint cho phép nhiều người truy cập và soạn thảo một văn bản cùng lúc. Với Office 365, việc chia sẻ file giữa các cá nhân hoặc đơn vị không còn bị giới hạn về dung lượng cũng như vị trí địa lý. Toàn bộ email và lịch biểu được đồng bộ giữa nhiều thiết bị hoặc máy tính, cũng như có thể truy cập trực tiếp từ Web.





9

CÁC SỰ KIỆN VĂN HÓA CÓ SỨC LAN TỎA MẠNH MẼ

Năm 2015, VPBank đã khẳng định tầm vóc thương hiệu qua các sự kiện văn hóa có sức lan tỏa mạnh mẽ. Đêm nhạc “Phiêu bạt trở về” với nhạc sỹ Trần Tiến, đêm nhạc “Ngày xanh” do 4 diva thể hiện và “Nơi tình yêu bắt đầu” với cặp song ca Tuấn Hưng – Lệ Quyên đã thu hút hơn 3.000 khách mời tham dự. Gần 4.000 khán giả đã có mặt trong đêm diễn duy nhất của huyền thoại saxophone thế giới Kenny G. Đặc biệt, lần đầu tiên VPBank tổ chức sự kiện Countdown tại TP.HCM với chủ đề “Hòa âm bản sắc” đã thu hút gần nửa triệu người tập trung tại Công viên 23/9 cùng tham gia chào đón năm mới.



10

MỘT NĂM THÀNH CÔNG CỦA CÁC SỰ KIỆN NỘI BỘ

Năm 2015 cũng là một năm thành công của các sự kiện nội bộ VPBank, gây được sức ảnh hưởng lớn tới toàn ngân hàng. Có thể kể đến một số sự kiện thu hút đông đảo CBNV hưởng ứng tham gia như:

- Miss & Mr VPBank: chọn ra người đại diện cho vẻ đẹp toàn diện VPBank
- Trạng Nguyên VPBank: chọn ra người nắm vững chuyên môn nghiệp vụ nhất
- Bikini Sports: khuyến khích CBNV nâng cao tinh thần rèn luyện thể chất
- Sinh nhật VPBank 22 tuổi: sự kiện thường niên dành cho CBNV VPBank
- VPBank's Got Talent Kids: khuyến khích thế hệ mầm non của VPBank tự tin, bản lĩnh để thể hiện năng khiếu bản thân.

2015 ĐÓN NHẬN 6 GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ DANH GIÁ

Trong năm 2015, VPBank được các tổ chức quốc tế bình chọn và trao tặng 6 giải thưởng quốc tế, gồm: Ngân hàng thương mại tốt nhất, Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất, Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất, Ngân hàng điện tử tốt nhất, Sản phẩm Ngân hàng tốt nhất và Chiến lược Quản lý dữ liệu Doanh nghiệp năm 2015.

Trong đó, theo đánh giá của Tạp chí International Banker, VPBank đã đáp ứng các tiêu chí khắt khe về hoạt động kinh doanh, tốc độ tăng trưởng bền vững, uy tín và trách nhiệm xã hội. Đặc biệt, trong năm 2015, VPBank đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về giá trị thương hiệu, hiệu quả tài chính, tính khả thi về chiến lược bán lẻ, năng lực bán hàng và quản lý rủi ro, tối ưu hóa quy trình vận hành và công nghệ thông tin, khả năng thâm nhập vào thị trường bán lẻ, nguồn nhân lực và tiềm năng phát triển trong tương lai. Đây là những ưu thế nổi bật khiến VPBank được bình chọn là “Ngân hàng thương mại tốt nhất” và “Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất” năm 2015.

Với việc sâu sát và đồng hành cùng các khách hàng DN vừa và nhỏ, năm vừa qua VPBank đã đưa ra những giải pháp tài chính linh hoạt, sáng tạo và nhận được những phản hồi rất tích cực từ phía khách hàng, thể hiện qua các con số kinh doanh tăng trưởng vượt bậc so với năm 2014. Với kết quả này, Tạp chí Asian Banking and Finance đã trao tặng VPBank danh hiệu “Dịch vụ ngân hàng DN vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam 2015”.

Năm 2015 cũng là năm VPBank có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ lượng khách hàng trực tuyến, đưa vào ứng dụng nhiều công nghệ bảo mật tiên tiến và nhiều sản phẩm tích hợp thuận tiện, khẳng định chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử xuất sắc, góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam.

Tạp chí Global Banking and Finance Review - Tạp chí điện tử về tài chính ngân hàng uy tín hàng đầu của Anh đã trao tặng VPBank hai giải thưởng “Ngân hàng điện tử tốt nhất” và “Sản phẩm Ngân hàng tốt nhất Việt Nam”.

Sản phẩm được vinh danh năm nay là Visa Smartcash – Thẻ visa trả trước điện tử đầu tiên tại Việt Nam, với ưu thế thanh toán các hoạt động mua sắm online trong nước và quốc tế an toàn tuyệt đối và thuận tiện.

VPBank cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam thiết lập và vận hành thành công nền tảng quản trị dữ liệu, với việc xây dựng tầm nhìn rõ ràng, lộ trình triển khai thiết thực và hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc phân tích kinh doanh, phát triển sản phẩm, qua đó tối đa hóa lợi ích cho khách hàng. Những thành công bước đầu đã giúp cho VPBank nhận được giải thưởng Chiến lược Quản lý dữ liệu Doanh nghiệp năm 2015 do Tổ chức TDWI (The Data Warehousing Institute, Mỹ) trao tặng.

Những giải thưởng quốc tế này một lần nữa khẳng định cho chất lượng sản phẩm, dịch vụ, uy tín và sức cạnh tranh nổi bật của VPBank trên thị trường tài chính, ngân hàng tại Việt Nam, đồng thời khẳng định định hướng phát triển đúng đắn của Ngân hàng trong thời gian qua. Trong thời gian tới, VPBank sẽ tập trung đổi mới sản phẩm, dịch vụ, nhằm đem đến những lợi ích vượt trội cho khách hàng và đặc biệt tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm hướng tới một ngân hàng đạt chuẩn quốc tế.



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015
BEST COMMERCIAL BANK OF THE YEAR



SẢN PHẨM NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015
BEST BANKING PRODUCT



NGÂN HÀNG BÁN LẺ SÁNG TẠO NHẤT VN 2015
BEST INNOVATION IN RETAIL BANKING



NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015
BEST INTERNET BANK



NGÂN HÀNG TỐT NHẤT CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VN 2015
SME OF THE YEAR



CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP TỐT NHẤT 2015
BEST PRACTICES AWARD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015



NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TỐT NHẤT VIỆT NAM

Giải thưởng do tạp chí uy tín hàng đầu Anh Quốc Global Banking and Finance Review. Trao tặng tháng 6/2015.

Bảo mật thông tin bằng công nghệ 3DES với 3 lớp mã khóa tuyệt đối an toàn, VPBank Online đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch điện tử của khách hàng nhanh chóng, chuẩn xác vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày.

TIỀN PHÒNG



PHẦN 1: NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Năm 2015, kinh tế thế giới nhìn chung vẫn tăng trưởng chậm, tốc độ tăng trưởng không đồng đều ở các thị trường và còn tồn tại nhiều yếu tố bất ổn và thiếu chắc chắn. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới.

Tuy vậy, bức tranh kinh tế Việt Nam ổn định hơn các năm trước, thể hiện qua các chỉ số vĩ mô tương đối ổn định: lạm phát được kiểm soát tốt và luôn giữ ở mức thấp; tăng trưởng kinh tế đạt 6,68%, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014. Môi trường và cơ hội kinh doanh có sự cải thiện đáng kể nhờ sự ảm trở lại của thị trường bất động sản, sức mua thị trường trong nước tăng lên, chi phí kinh doanh giảm nhẹ, một số loại thuế giảm và mặt bằng lãi suất cho vay cũng giảm nhẹ.

Hệ thống tài chính, ngân hàng đạt được một số thành công nhờ thực hiện nhiều biện pháp quan trọng để nâng cao tính ổn định và hiệu quả trong hoạt động; dự trữ ngoại tệ đạt mức cao; thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại tiếp tục được cải thiện, đảm bảo khả năng thanh toán và chi trả của hệ thống, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tổng phương tiện thanh toán tăng 13,6%, tăng trưởng tín dụng đạt 17,02% (mức tăng cao nhất kể từ năm 2011). Đồng thời, các giải pháp xử lý nợ xấu đã phát huy tác dụng, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng và giảm tỷ lệ nợ xấu. Nhìn chung, sau gần 4 năm triển khai, đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD đã đạt được mục tiêu cơ bản đã đề ra, sự an toàn, ổn định của hệ thống các TCTD đã được duy trì và cải thiện.

Những yếu tố thuận lợi của nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng đã góp phần giúp VPBank tiếp tục có một năm kinh doanh hiệu quả hơn, bền vững hơn. Sau hai năm 2013 - 2014 tập trung xây dựng và củng cố các hệ thống nền tảng, năm 2015 là năm đầu tiên VPBank chuyển sang giai đoạn hai của Chương trình Chuyển đổi toàn diện trong chiến lược 5 năm 2012-2017 của Ngân hàng, với nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là tăng trưởng quyết liệt để đạt được các mục tiêu về quy mô và mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu vào năm 2017.

Với những định hướng đúng đắn trong phương châm hành động và nhạy bén quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, VPBank đã có một năm tăng trưởng hiệu quả và vững chắc, hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu của năm 2015. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, hiệu quả sử dụng vốn cũng như các chỉ tiêu về an toàn đều được nâng cao, ngày càng khẳng định vị trí vững mạnh trên thị trường, đưa VPBank gần hơn với mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam trong thời gian không xa.



PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2015

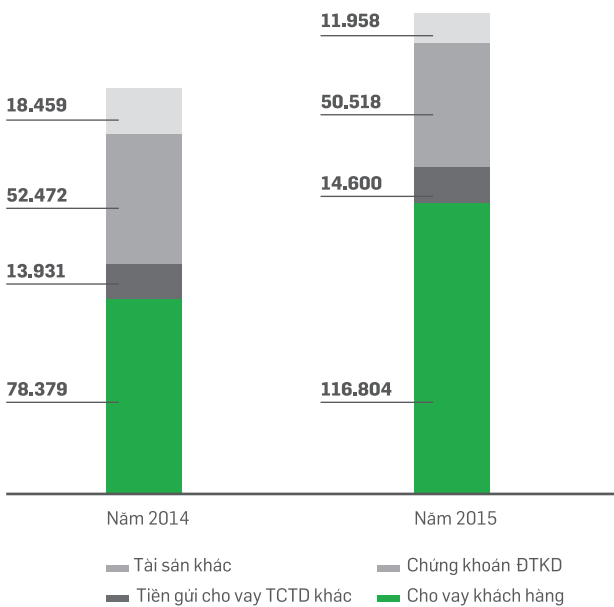
1. QUY MÔ HOẠT ĐỘNG TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG

Nhờ công cuộc chuyển đổi trong mô hình bán hàng tại chi nhánh, chuẩn hóa bộ sản phẩm và củng cố hệ thống hỗ trợ bán trong các năm trước, song song với định hướng nâng cao hiệu quả mạng lưới hoạt động cả nước, quy mô hoạt động kinh doanh năm 2015 của VPBank tiếp tục duy trì mức tăng trưởng đáng kể so với năm trước. Cơ cấu bảng cân đối tiếp tục được cải thiện và hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả trong sử dụng vốn.

1.1. Cấu trúc tài sản tiếp tục được cải thiện, các tài sản có chất lượng tốt, hiệu quả có sự tăng trưởng cao hơn.

Tổng tài sản (TTS) của VPBank đạt 193.876 tỷ đồng, tăng trưởng 18,8% so với cuối năm 2014. Trong đó, cho vay khách hàng tăng trưởng mạnh nhất, đưa tỷ trọng cho vay khách hàng lên 60% TTS (từ mức 48% năm 2014), các danh mục còn lại có sự tăng trưởng nhẹ và giảm (giảm ở tài sản khác và trái phiếu doanh nghiệp).

Biểu đồ: Cơ cấu tổng tài sản (tỷ đồng)



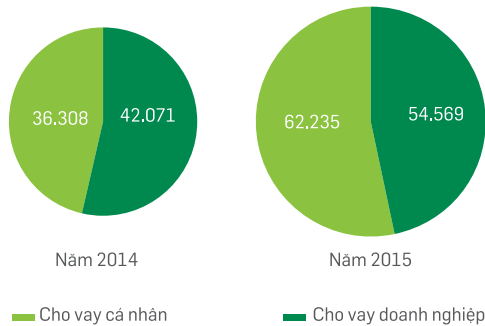
*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Định hướng kinh doanh năm 2015 của VPBank là tập trung thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, huy động và cơ sở khách hàng của hai phân khúc khách hàng chủ chốt là Khách hàng Cá nhân và SME thông qua việc nâng cao năng suất bán và chất lượng của đội ngũ bán hàng đã được đầu tư mạnh trong năm 2014, phát triển các sản phẩm dịch vụ đa dạng, dễ tiếp cận và phù hợp với từng đối tượng khách hàng, hoàn thiện các quy trình phát triển sản phẩm, hệ thống bán hàng chuyên nghiệp và chuyên biệt tương ứng. Nhờ vậy, cuối năm 2015 cho vay khách hàng đạt 116.804 tỷ đồng, tăng 38.425 tỷ so với cùng kỳ năm 2014, trong đó cho vay khách hàng cá nhân tăng 25.927 tỷ đồng, cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 12.498 tỷ đồng.

Biểu đồ: Cho vay khách hàng (tỷ đồng)



Biểu đồ: Cơ cấu Cho vay khách hàng 2014 và 2015 (tỷ đồng)



*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Song song với tăng trưởng quy mô, công tác quản trị rủi ro luôn được thường xuyên quan tâm, chú trọng để kiểm soát và xử lý nợ xấu. Năm 2015, mô hình các lớp kiểm soát trong công tác quản trị rủi ro tại VPBank tiếp tục được hoàn thiện, khả năng quản trị rủi ro được nâng cao thông qua việc nghiên cứu, triển khai và áp dụng các hệ thống công cụ hỗ trợ để nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro tiên tiến. Công tác giám sát rủi ro, dự báo sớm và phòng ngừa rủi ro được triển khai rộng và sâu trong năm 2015 để đảm bảo các danh mục tài sản với chất lượng tốt.

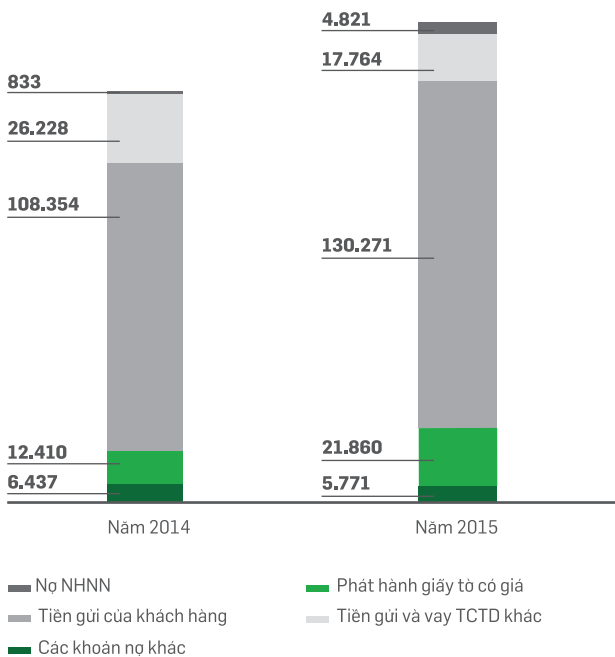
Thêm vào đó, công tác thu hồi nợ (thu hồi sớm và muộn) năm 2015 cũng có những thay đổi tích cực về mặt tổ chức cũng như chiến lược hoạt động và đã đạt được kết quả khả quan, góp phần giảm nợ xấu phát sinh cũng như thu hồi nợ xấu cũ.

Chứng khoán đầu tư và kinh doanh: Hoạt động đầu tư tiếp tục được đa dạng hóa theo hướng tái cấu trúc để tăng khả năng sinh lời và đảm bảo an toàn thanh khoản hệ thống. Theo đó, tổng danh mục chứng khoán đạt 50.518 tỷ đồng, giảm nhẹ 1.954 tỷ đồng so với năm 2014, trong đó Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do TCTD phát hành được Chính phủ bảo lãnh là 32.615 tỷ đồng, tăng trưởng gần 5.000 tỷ (tương đương 18%) so với năm trước và chiếm 65% tổng danh mục đầu tư.

1.2. Nguồn vốn được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và chiến lược huy động vốn

Tổng nợ phải trả đến cuối năm 2015 đạt 180.488 tỷ đồng, tăng gần 26.250 tỷ đồng (tương đương tăng 17%) so với cuối năm 2014, trong đó chủ yếu tăng từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (tăng hơn 31.300 tỷ đồng).

Biểu đồ: Cơ cấu Nợ phải trả (tỷ đồng)



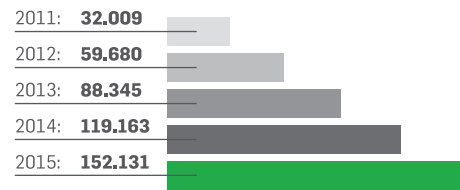
*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Tổng huy động vốn (gồm tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và phát hành giấy tờ có giá) tại thời điểm 31/12/2015 đạt 169.895 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ 2014, trong đó tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (GTCCG) đạt 152.131 tỷ đồng, tăng hơn 31.300 tỷ đồng (tương ứng tăng 26%) so với cùng kỳ năm trước. Ghi nhận tăng trưởng kép của huy động khách hàng và phát hành GTCCG trong 5 năm giai đoạn 2011-2015 đạt 48%.

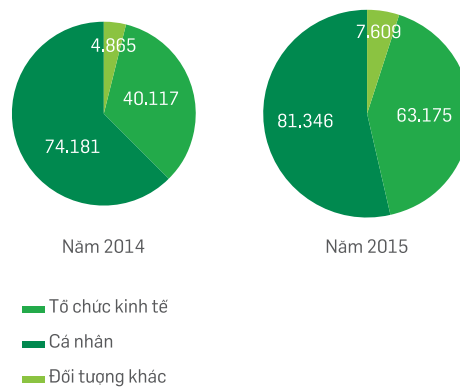
Tiền gửi của khách hàng: tới cuối năm 2015, tiền gửi của khách hàng đạt 130.271 tỷ đồng, tăng ròn gần 22.000 tỷ đồng (tương đương tăng 20%) so với 2014, cao hơn mức tăng trưởng bình quân của toàn ngành ngân hàng và giúp VPBank tiếp tục nằm trong nhóm các ngân hàng TMCP có tăng trưởng cao về huy động.

Phát hành giấy tờ có giá: tổng giá trị phát hành GTCCG tới cuối năm 2015 là 21.860 tỷ đồng, tăng 76% so với năm 2014. Trong năm 2015, Ngân hàng đã phát hành thêm hơn 7.400 tỷ các GTCCG có kỳ hạn từ 1-5 năm. Đây là nguồn vốn ổn định, dài hạn để tài trợ cho tăng trưởng tài sản trung dài hạn, đảm bảo an toàn trong cấu trúc tài sản.

Biểu đồ: Huy động khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá (tỷ đồng)



Biểu đồ: Cơ cấu huy động và Phát hành Giấy tờ có giá (tỷ đồng)



*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Vốn chủ sở hữu cuối năm 2015 đạt 13.389 tỷ đồng, tăng 4.409 tỷ đồng, trong đó cơ cấu vốn chủ sở hữu có thay đổi như sau:

Vốn điều lệ đạt 8.056 tỷ đồng, tăng 1.709 tỷ đồng do trả cổ tức bằng cổ phiếu và trả cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Thặng dư vốn cổ phần đạt 1.289 tỷ đồng, tăng 1.287 tỷ đồng so với cuối năm 2014 do ghi nhận chênh lệch mệnh giá và giá bán cổ phiếu của Ngân hàng.

Lợi nhuận chưa phân phối đạt 2.719 tỷ, tăng 629 tỷ so với 2014.

2. KẾT QUẢ KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC RẤT KHẢ QUAN Ở TẤT CẢ CÁC CHỈ SỐ

Hiệu quả hoạt động tài chính của VPBank năm 2015 có sự tăng trưởng mạnh nhờ cải thiện liên tục chất lượng tài sản, nâng cao năng suất bán hàng, quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí.

Điểm nổi bật trong kết quả kinh doanh năm 2015 của VPBank là lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2015 của VPBank đạt 3.096 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 92% so với năm 2014, đạt 124% kế hoạch đề ra.

Chi tiêu	2014	2015	Thay đổi	
	(tỷ đồng)	(tỷ đồng)	Tỷ đồng	%
Tổng thu nhập hoạt động thuần	6.271	12.066	5.795	92%
Thu nhập lãi thuần	5.291	10.353	5.062	96%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	607	885	278	46%
Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	-90	-290	-201	-123%
Lãi/lỗ từ mua bán chứng khoán	461	73	-388	-84%
Lãi thuần từ hoạt động khác	-7	875	882	N/A
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	171	162	1.863%
Chi phí hoạt động	3.683	5.692	2.009	55%
Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	2.588	6.374	3.786	146%
Chi phí dự phòng rủi ro	979	3.278	2.298	235%
Lợi nhuận trước thuế	1.609	3.096	1.488	92%
Chi phí thuế TNDN	355	700	345	97%
Lợi nhuận sau thuế	1.254	2.396	1.142	91%

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Tổng thu nhập hoạt động thuần tăng trưởng tốt nhờ vào đóng góp lớn từ hoạt động dịch vụ và thu nhập lãi thuần.

Tổng thu hoạt động thuần đạt 12.066 tỷ, tăng trưởng 92% so với năm trước, chủ yếu nhờ tăng trưởng thu lãi và thu từ hoạt động dịch vụ.

Năm 2015, nhờ cơ cấu và chuẩn hóa danh mục sản phẩm, danh mục đầu tư, tập trung tăng trưởng mạnh vào các sản phẩm mang lại thu nhập cao, nâng cao hiệu quả bảng cân đối, hiệu quả sử dụng vốn, chất lượng tài sản nên thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh (tăng 96% so với năm 2014).

Bên cạnh đó, các dự án giúp tăng thu phí tiếp tục được thực hiện và đạt được kết quả tốt. Cơ cấu nguồn thu dịch vụ được chuyển biến tích cực với việc tiếp tục gia tăng các dòng dịch vụ bán lẻ, sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong đó, các dịch vụ thanh toán, thanh toán thẻ, thanh toán các dịch vụ tiện ích... đã gia tăng đáng kể số lượng giao dịch; các dịch vụ phi tín dụng được phát triển mạnh mẽ như nhu nộp thuế điện tử cho doanh nghiệp, nộp tiền điện nước bằng thẻ tín dụng, nạp tiền điện thoại qua ebanking hoặc mobile banking... Tổng doanh thu phí dịch vụ của VPBank đến cuối năm 2015 đạt 1.597 tỷ đồng và thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ đạt 885 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2014, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của VPBank.

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, sử dụng hiệu quả với mức tăng thấp hơn rất nhiều so với tăng trưởng thu nhập

Năm 2015, VBank tiếp tục đầu tư và củng cố các hệ thống nền tảng về con người, quy trình và công nghệ để phục vụ tốt cho tăng trưởng kinh doanh. Đồng thời trong năm, chi phí luôn được kiểm soát ở mức hợp lý, sử dụng hiệu quả và Ngân hàng đã triển khai một loạt dự án tối ưu hóa chi phí hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải tiến, rút ngắn quy trình, tự động hóa các hoạt động hỗ trợ cũng như hoạt động phục vụ khách hàng. Những kết quả ban đầu là rất khả quan, với tăng trưởng chi phí thấp năm 2015 hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng về quy mô kinh

doanh cũng như thu nhập. Nhờ vậy, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập thuần giảm từ 59% năm 2014 xuống còn 47% năm 2015.

Chi phí dự phòng rủi ro được trích lập tăng cao nhằm xử lý nợ xấu và dự phòng nợ xấu

Với chủ trương thận trọng trong việc giảm thiểu rủi ro và quản lý nợ xấu, tổng chi phí dự phòng trích cho năm 2015 là 3.278 tỷ đồng, tăng 2.298 tỷ đồng so với năm trước.

Chi phí dự phòng trích lập cao hơn năm trước chủ yếu do tái cấu trúc các danh mục đầu tư, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro nên các khoản nội bảng trích tăng 1.650 tỷ đồng và do trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán sang Công ty Quản lý tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC).

3. CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 01/02/2015, Thông tư 36/2014/TT-NHNN chính thức có hiệu lực. Đây là văn bản quy định nhiều thay đổi lớn liên quan đến các hạn mức, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Để chuẩn bị cho các yêu cầu của Thông tư 36, ngay trong năm 2014, VPBank đã tiến hành rà soát các chỉ số an toàn, chỉ số cho vay để vừa tuân thủ tinh thần của thông tư, vừa đảm bảo các hoạt động của ngân hàng được duy trì ổn định và bền vững. Vì vậy, trong năm 2015 các chỉ số an toàn luôn được duy trì và đảm bảo tuân thủ trong giới hạn theo quy định của NHNN.

4. CÁC CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH

Sự thành công của VPBank trong năm qua không chỉ dừng lại ở các kết quả tài chính mà các chỉ số phi tài chính cũng đạt được tăng trưởng mạnh mẽ.

Cơ sở khách hàng: năm 2015, số lượng khách hàng hoạt động của Ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh, đạt xấp xỉ 2.088 nghìn khách hàng, tăng trưởng 60% so với năm 2014. Đây là cơ sở quan trọng trong việc theo đuổi chiến lược bán lẻ của

ngân hàng.

Phát hành thẻ: năm 2015, phát hành thẻ của VPBank tiếp tục tốc độ tăng trưởng cao, đạt gần 350 nghìn thẻ mới, trong đó có hơn 70 nghìn thẻ tín dụng được mở mới trong năm.

Số lượng nhân viên: tổng số nhân viên toàn hệ thống tính đến hết năm 2015 là 12.927 người, tăng 3.426 người so với cuối năm 2014.

5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

Nằm trong giai đoạn 2 của lộ trình chuyển đổi toàn hàng để trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP cổ phần hàng đầu Việt Nam, những thành quả của năm 2015 cho thấy hoạt

động của VPBank đã và đang tiếp tục đi đúng lộ trình. Sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên cùng với sự lãnh đạo linh hoạt, nhạy bén của Ban lãnh đạo Ngân hàng đã được ghi nhận bằng kết quả kinh doanh đáng tự hào của năm 2015.

Điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh của VPBank năm 2015 là hầu hết các chỉ tiêu đều gần hoàn thành hoặc vượt kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đã giao, duy trì đà tăng trưởng vững chắc so với năm trước, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, hiệu quả sử dụng vốn cũng như các chỉ tiêu về an toàn hệ thống đều được nâng cao. Kết quả này cho thấy VPBank đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định là một trong những tổ chức tài chính hiệu quả, vững mạnh tại Việt Nam.

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015

Chi tiêu	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2015	% so với KH 2015
Tổng tài sản	193.876	204.000	95%
Huy động khách hàng + Phát hành Giấy tờ có giá	152.131	140.000	109%
Dư nợ cấp tín dụng	131.463	118.996	110%
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	<i>116.804</i>	<i>101.892</i>	<i>115%</i>
Tỷ lệ nợ xấu	2,7%	<3%	Đạt
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	3.096	2.500	124%

Đơn vị: tỷ đồng, %

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NỔI BẬT

VƯỢT XUẤT



SẢN PHẨM NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM

Giải thưởng được trao bởi tạp chí Global Banking and Finance Review cho Sản phẩm Thẻ trả trước Online VPBank Visa Smart Cash tháng 6/2015.

VPBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ra mắt sản phẩm thẻ trả trước quốc tế online, Visa Smart Cash giúp khách hàng lựa chọn mua các món hàng mình yêu thích và giao dịch thành công trên mọi website bán hàng nội địa và quốc tế chấp nhận thẻ Visa.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ

2015 đánh dấu thời điểm kết thúc nửa đầu giai đoạn 5 năm của VPBank trên hành trình trở thành một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017. Kết quả so bộ đối với các chỉ tiêu trọng yếu, bao gồm số lượng khách hàng hoạt động tăng 43% và doanh thu hoạt động tăng 39%, khẳng định những chuyển đổi lớn triển khai từ năm 2014 đã bắt đầu tạo ra những kết quả tích cực trong năm 2015, và quan trọng hơn là đã giúp xây dựng được nền tảng vững chắc để VPBank phát triển trong thị trường bán lẻ.

Tiếp nối thành công của năm 2014 trong việc tăng cơ sở khách hàng, VPBank đã triển khai những chiến dịch, sản phẩm và chính sách hiệu quả, qua đó số lượng tài khoản thanh toán của VPBank đã tăng 53%, đạt 1.100.000 tài khoản trong năm 2015. Nền tảng khách hàng được mở rộng cho thấy VPBank đã trở thành lựa chọn hàng đầu của ngày càng nhiều khách hàng trong nước. Hơn nữa, sự phát triển của VPBank không chỉ nằm ở quy mô mà còn ở chất lượng, với số dư cho vay và huy động tăng nhanh hơn nhiều so với tốc độ gia tăng số lượng khách hàng.

81% 

DU NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

2015 là năm thành công vượt trội của các sản phẩm cho vay cá nhân với dư nợ cuối kỳ tăng 81%. Thành công này có được chủ yếu nhờ việc đa dạng hóa các sản phẩm con, qua đó vừa đáp ứng hầu hết các nhu cầu khách hàng, vừa tăng tính cạnh tranh của VPBank trên thị trường. Việc hợp tác với các công ty bất động sản lớn nhất Việt Nam cũng như thành lập tổ công tác chuyên trách điều phối dự án trọng điểm đã mang lại kết quả tốt với sản phẩm cho vay mua nhà. Tăng cường hợp tác với các đại lý ở to lớn tiếp tục mang lại những kết quả tích cực, với việc giải ngân các khoản vay mua ô tô tăng gấp ba lần so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản vay tín chấp cũng cán đích 2015 với tổng dư nợ tăng cao, ở mức 136%. Ngoài ra, các chương trình mới về bán chéo sản phẩm cũng hứa hẹn mang lại những cách tiếp cận tốt hơn nhắm đến các phân khúc khách hàng hiện hữu khác nhau. Đồng thời, mô hình lợi nhuận theo từng sản phẩm (SAP) cũng được xây dựng nhằm đánh giá cụ thể từng tiêu chí tài chính đối với từng dòng sản phẩm. Mô hình này được xem như nền tảng phát triển các chính sách sản phẩm hiệu quả hơn trong tương lai.

Tương tự các sản phẩm cho vay, các sản phẩm huy động cũng có được một năm thành công với số dư cuối kỳ tăng 22% so với năm 2014. Điều đáng chú ý là số dư cuối kỳ của tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến tăng 600% nhờ vào ba loại sản phẩm tiền gửi trực tuyến mới cũng như các chương trình khuyến mại được thiết kế riêng cho kênh này. Các khoản tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cũng gặt hái được thành công đáng kể với mức tăng 100% so với năm 2014. Một điểm sáng nữa là VPBank đã xây dựng được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác bảo hiểm lớn và doanh thu về phí đã tăng 5 lần nhờ triển khai các chương trình đầy sáng tạo. Các quy trình mới cũng được triển khai, giúp cải thiện hiệu quả quy trình bán hàng. Ngoài ra, công tác nhập liệu và lưu trữ thông tin cũng như việc chi trả lương kinh doanh đã tạo ra động lực lớn cho đội ngũ bán hàng cũng như các đơn vị kinh doanh.

Sự tăng trưởng về cho vay và huy động nói trên có đóng góp

đáng kể từ phân khúc Khách hàng ưu tiên với việc mở rộng số lượng Trung tâm Khách hàng Ưu tiên từ 80 lên 90 vào cuối năm 2015. Trong năm qua, Phòng Phân khúc Khách hàng Ưu tiên đã nỗ lực quảng bá các sản phẩm chính như hợp tác bảo hiểm và tài khoản thanh toán. Khối Khách hàng cá nhân đã đặt ra sứ mệnh cải thiện chất lượng dịch vụ, phát triển các sản phẩm mới nhằm mang lại những trải nghiệm tốt hơn cho các khách hàng ưu tiên. Những kết quả ấn tượng đạt được trong năm 2015 bao gồm số thành viên Khách hàng ưu tiên (Gold Club) tăng 370%, tỷ trọng của phân khúc Khách hàng ưu tiên tăng trưởng đáng kể trong bảng cân đối, 91% khách hàng hài lòng với chất lượng dịch vụ của Chuyên viên Quan hệ khách hàng.

Trong năm 2015, Khối Khách hàng cá nhân cũng thực hiện một bước đi chiến lược thông qua việc điều chỉnh cấu trúc tổ chức của mình. Các đơn vị thuộc Khối được củng cố và được giao nhiều trọng trách hơn, một số đơn vị mới được thành lập nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đối tác liên kết, phát triển sản phẩm, cũng như giám sát và chuyển đổi kinh doanh. Ngoài ra, Khối cũng xây dựng và triển khai một chính sách khen thưởng mới, chú trọng hơn vào quy mô doanh số, đề ra lộ trình công danh rõ ràng và hấp dẫn hơn cho cán bộ kinh doanh. Vai trò quan trọng của bán chéo sản phẩm nhằm khai thác tối ưu số lượng khách hàng hiện hữu cũng liên tục được nhấn mạnh để nâng cao nhận thức và hiệu quả trong toàn Khối.

Nền tảng đạt được trong năm vừa qua sẽ giúp VPBank hiện thực hóa những mục tiêu đầy tham vọng trong mảng ngân hàng bán lẻ trong năm 2016 ở tất cả các kênh bán hàng và sản phẩm. Khối Khách hàng cá nhân sẽ thực hiện quyết liệt kế hoạch hành động 5 trọng tâm để tăng trưởng hơn nữa các sản phẩm tiềm năng với lợi nhuận cao; đẩy mạnh khai thác các kênh bán hàng mới như kênh phát triển đối tác, các ứng dụng và phê duyệt trực tuyến hoặc trên thiết bị di động; đồng thời thắt chặt quan hệ với khách hàng thông qua việc mở rộng các dịch vụ và sản phẩm nhằm hỗ trợ nhiều hơn cho cuộc sống và tham vọng của khách hàng. VPBank tin tưởng rằng tới cuối năm 2016, Ngân hàng sẽ có được bước tiến dài đến gần hơn mục tiêu trở thành một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

DỊCH VỤ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

2015 là năm đầu tiên Công ty Tài chính VPBank (VPBFC) vận hành hoàn toàn theo mô hình công ty con kể từ khi VPBank mua lại Công ty TNHH MTV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam và chuyển giao mảng hoạt động tài chính tiêu dùng của Ngân hàng sang cho công ty mới. 2015 cũng là năm đánh dấu nhiều cột mốc quan trọng của VPBFC với thương hiệu FE Credit.

Những điều kiện thuận lợi giúp FE Credit có được sự tăng trưởng vượt bậc trong năm qua chính là kinh tế Việt Nam phát triển nhanh và ổn định giúp gia tăng mức thu nhập của người dân, cơ cấu dân số trẻ cung cấp nguồn nhân lực dồi dào tham gia lần đầu vào lực lượng lao động. Niềm tin của người tiêu dùng cũng tăng theo hướng bền vững, và hiện được xếp trong nhóm cao nhất trên thế giới.

Kênh phân phối và sản phẩm

Trong năm 2015, FE Credit đã mở rộng mạng lưới phân phối thông qua việc gia tăng số lượng các điểm giao dịch từ 4.100 lên gần 5.500 điểm và giúp Công ty tiếp cận hơn 1,1 triệu khách hàng mới. Đây được xem như một bước tiến quan trọng

của FE Credit về trách nhiệm xã hội trong việc giúp ngày càng nhiều người Việt Nam cải thiện mức sống và thay đổi phong cách sống. Đây cũng là sự khẳng định về mức độ phổ cập của các sản phẩm mang tính sáng tạo cũng như chất lượng dịch vụ xuất sắc mà FE Credit mang đến cho khách hàng của mình.

1,1 triệu 

SỐ KHÁCH HÀNG MỚI TIẾP CẬN NĂM 2015

FE Credit cung cấp các giải pháp tài chính đa dạng cho các khách hàng không tiếp cận được sản phẩm và dịch vụ của các ngân hàng thương mại. Do đó, Công ty chủ yếu tập trung xây dựng các sản phẩm và dịch vụ dành cho phân khúc khách hàng này, đồng thời thiết lập mạng lưới phân phối rộng khắp và dễ tiếp cận. Các sản phẩm của FE Credit đều linh hoạt, thuận tiện trong việc tiếp cận và sử dụng và do đó ngày càng trở nên phổ biến trong phân khúc khách hàng mục tiêu.

Quản trị rủi ro

Ngoài việc tập trung thu hút thêm khách hàng mới, FE Credit cũng dành nhiều nguồn lực và sự quan tâm sát sao cho việc đạt và duy trì hiệu quả tín dụng cao nhất, song song với việc quản trị rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và rủi ro hệ thống. Công ty đã xây dựng một đội ngũ quản trị rủi ro mạnh với nhiều chuyên gia và nhân tài, cũng như đầu tư vào công nghệ để cải thiện các chính sách và hiệu quả quản trị rủi ro trong toàn Công ty. Bộ Thẻ điểm (scorecard) được áp dụng lần đầu tiên trong năm 2015 đã giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả lựa chọn khách hàng. Đội ngũ quản trị rủi ro cũng đã làm việc tận tụy để triển khai một dự án xây dựng chương trình đào tạo về quản trị rủi ro toàn diện nhằm cung cấp thêm kiến thức và kỹ năng không chỉ cho đội ngũ quản trị rủi ro mà còn cho toàn công ty.

Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin luôn đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình phát triển của FE Credit. Công ty đã triển khai một kế hoạch đầy tham vọng nhằm kiến tạo hệ thống CNTT cho cả bộ phận hỗ trợ cũng như các bộ phận tiếp xúc trực tiếp với khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Dự án đang mang lại những kết quả rất tích cực. Dự kiến sau khi được hoàn thiện trong năm 2016, dự án này sẽ tăng cường hiệu quả hỗ trợ cho các đơn vị và giúp Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh của năm 2016.

Phân tích kinh doanh

Ngoài việc xây dựng một lộ trình chuyển đổi hệ thống CNTT, nhiều nỗ lực cũng được triển khai nhằm xây dựng và vận hành Trung tâm Phân tích Kinh doanh (BICC) với trọng tâm là phục vụ nhu cầu quản lý thông tin ngày càng tăng của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã xây dựng một môi trường giúp đưa ra các quyết định quản trị với sự hỗ trợ từ phân tích thay vì chỉ dựa trên ý kiến chủ quan mà đôi khi không thật sự chuẩn xác. Các công cụ phân tích kinh doanh, lưu trữ dữ liệu tốt nhất và các ứng dụng phần mềm cần thiết khác cũng được đầu tư áp dụng với kỳ vọng sẽ hỗ trợ đáng kể cho quá trình vận hành cũng như sự phát triển của FE Credit trong tương lai.

Quản trị nhân sự

FE Credit đã tạo lập được nền tảng vững chắc trong việc quản

lý nguồn nhân lực thông qua không chỉ kênh thu hút nhân tài trên thị trường một cách hiệu quả, mà còn bằng những chính sách và chiến lược phù hợp trong việc đào tạo, phát triển, khuyến khích và khen thưởng. Kết quả là FE Credit đã thành công trong việc thu hút và giữ chân tài năng.

Những cột mốc chính trong năm 2015

Phần lớn thời gian trong nửa đầu năm 2015 được dành cho việc xây dựng các chính sách và quy trình kinh doanh phù hợp với khung pháp lý hiện tại của Việt Nam. Những nỗ lực này được khẳng định trong kỳ đánh giá tuân thủ đầu tiên sau khi VPBank mua lại Công ty TNHH MTV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam.

Sau khi kết thúc giai đoạn này, FE Credit bắt đầu phối hợp với công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey để phác thảo chiến lược và lộ trình hoạt động cho giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời thực hiện một số sáng kiến cần thiết để nâng tầm FE Credit trở thành công ty hàng đầu trong nước cũng như trong khu vực. Chiến lược này đã được Hội đồng Quản trị thông qua trong quý 4/2015.

Việc xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách này đã giúp Công ty thành công trong việc tập trung phát triển và giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, xây dựng mạng lưới phân phối hiệu quả, cũng như thu hút một lượng lớn khách hàng. Công ty hiện cũng đang tập trung vào việc quản trị rủi ro trong quá trình kinh doanh, đặc biệt là rủi ro tín dụng. FE Credit cũng bắt đầu chuyển đổi hệ thống CNTT và xây dựng cấu trúc hoạt động hiệu quả trong cả hiện tại và tương lai.

Kết quả của những nỗ lực và thành tựu đạt được chính là việc FE Credit được Tạp chí Global Finance bình chọn là Công ty tài chính tiêu dùng tốt nhất Việt Nam.

Với thế và lực ngày càng phát triển như hiện nay, FE Credit đang hướng đến việc củng cố vị trí hàng đầu của mình trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng, đồng thời tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai cả dưới góc độ Bảng cân đối tài sản và những thành tựu cũng như hiệu quả kinh doanh.

DỊCH VỤ TÍN DỤNG TIÊU THƯƠNG

Phân khúc khách hàng tự doanh (thường được gọi là "hộ kinh doanh") là một phân khúc bán lẻ quan trọng với dư nợ ước tính lên tới 10 tỷ USD trong vòng 5 năm tới. Sau khi tiến hành nghiên cứu chi tiết thị trường và triển khai một số dự án thí điểm nhằm xác thực cơ hội kinh doanh, VPBank đã bắt đầu những bước đầu tiên trong hành trình cung cấp giải pháp ngân hàng cho phân khúc này.

Hội đồng Quản trị VPBank chính thức phê duyệt việc thành lập Khối Tín dụng Tiêu thương (Household Banking Division) vào tháng 7/2015 với đối tượng phục vụ là khách hàng hộ kinh doanh. Với thương hiệu "CommCredit" (Community Credit – Tín dụng Cộng đồng), Khối Tín dụng Tiêu thương xác định rõ hướng tới khách hàng mục tiêu thông qua một mối quan hệ và cách tiếp cận cộng đồng.

Với mô hình kinh doanh mới này, VPBank sẽ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế riêng biệt cho phân khúc khách hàng mục tiêu, hỗ trợ các hộ kinh doanh gia đình tại Việt Nam nâng cao hiệu quả kinh doanh và chất lượng cuộc sống của mình. Triết lý kinh doanh của CommCredit dựa trên việc cung cấp các giải pháp tài chính trọn đời cho khách hàng, bao gồm các sản phẩm, dịch vụ ngắn hạn và trung hạn đáp ứng cả nhu

cầu cho vay và huy động nhằm hỗ trợ khách hàng ở tất cả các giai đoạn trong cuộc sống và kinh doanh. Các sản phẩm và dịch vụ của VPBank có thể được tiếp cận dễ dàng thông qua một mạng lưới rộng khắp với đội ngũ nhân viên bán hàng am hiểu và hết lòng hỗ trợ các hộ kinh doanh tại địa phương. Hơn nữa, các sản phẩm và dịch vụ được tích hợp thành những gói sản phẩm dễ hiểu với giá trị ưu việt kết hợp với quy trình đơn giản và thời gian xử lý tối ưu nhất trên thị trường sẽ luôn làm khách hàng hài lòng. Ngoài ra, việc trả nợ cũng rất dễ dàng và thuận tiện thông qua các kênh trực tiếp hoặc thay thế, giúp khách hàng yên tâm tập trung vào công việc kinh doanh của mình.

10 tỷ USD

DU NỢ ƯỚC TÍNH TRONG 5 NĂM TỚI

Sau sáu tháng hoạt động đầu tiên, CommCredit đã tuyển dụng và hình thành được một nhóm chuyên gia chủ chốt đủ năng lực để tập trung quản lý và phát triển kinh doanh một cách toàn diện. Tính đến cuối năm 2015, CommCredit đã thiết lập 35 đơn vị kinh doanh với tổng số 550 nhân viên, thu hút hơn 9.000 khách hàng, với tổng dư nợ đạt hơn 202 tỷ đồng.

Thành công đạt được trong năm 2015 là một khởi đầu thuận lợi đối với Khối Tín dụng Tiêu thụ. Khối đã có những tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng một nền tảng vững chắc và thực hiện thành công những mục tiêu kinh doanh của mình. Khối Tín dụng Tiêu thụ đã sẵn sàng đón nhận cơ hội tăng trưởng vượt bậc trong năm 2016 và các năm kế tiếp, góp phần đưa VPBank đến gần hơn nữa với mục tiêu trở thành một trong 3 ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Tuy phải đối mặt với môi trường kinh doanh đầy biến động cùng với nhiều xáo trộn trên thị trường tài chính, mảng dịch vụ ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của VPBank đã cán đích năm 2015 thành công. Danh mục cho vay tăng trưởng nhanh, chất lượng tín dụng tốt và chi phí hoạt động được kiểm soát tối ưu đã mang đến mức lợi nhuận cao hơn năm trước. Giải thưởng "Dịch vụ ngân hàng SME Tốt nhất" của Tạp chí Asian Banking and Finance (ABF) chính là sự ghi nhận đối với những kết quả đạt được cũng như những cam kết và nỗ lực không ngừng trong 5 năm chuyển đổi của mảng dịch vụ này với mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng có chất lượng dịch vụ SME hàng đầu Việt Nam.

Tuy phải chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường cũng như sự giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc, trong năm 2015 mảng dịch vụ SME vẫn tăng trưởng nhanh về mặt số lượng, kèm theo đó là việc cải tiến và tối ưu hóa chất lượng, đáp ứng kì vọng về tăng trưởng được đặt ra hồi đầu năm, với tốc độ tăng các chỉ số huy động và tín dụng lần lượt là 30% và 54%. Hoạt động cho vay luôn hướng đến việc đa dạng hóa sản phẩm, ngành nghề và liên tục cải thiện chất lượng khoản vay thông qua việc kiểm soát chất lượng nợ tốt hơn, nhờ đó mang lại lợi nhuận biên bình quân cao hơn năm trước. Bên cạnh đó, các hoạt động bán chéo hiệu quả cũng giúp thu nhập từ phí tăng 34% so với năm trước. Với lợi thế xây dựng quy trình phê

duyet tín dụng hiệu quả và duy trì danh mục cho vay ổn định, VPBank là ngân hàng đi đầu trong việc mở rộng sản phẩm cho vay tín chấp doanh nghiệp (BIL) để tăng khả năng tiếp cận vốn của phân khúc doanh nghiệp SME siêu nhỏ, phân khúc nhiều tiềm năng nhưng chưa nhận được sự chú ý tương xứng.

Sự đầu tư nghiêm túc và có định hướng vào hệ thống, quy trình quản trị rủi ro trong các năm trước đã mang lại hiệu quả cho mảng dịch vụ SME trong năm 2015, nhờ đó mảng này vừa đạt được mức tăng trưởng tín dụng cao, vừa giữ được chi phí dự phòng ở mức thấp và tỷ lệ nợ xấu luôn được đảm bảo dưới 3%. Các công cụ quản trị rủi ro như Thẻ điểm tín dụng (Scorecard) và bộ quy trình cảnh báo sớm vẫn sẽ tiếp tục được tăng cường cải tiến trong các năm tiếp theo để bảo đảm sự an toàn cho tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của mảng dịch vụ này.

Nhân lực luôn được xem là yếu tố then chốt mang lại giá trị khác biệt, là mắt xích liên kết với khách hàng và cộng đồng kinh doanh tại địa phương, và bởi vậy luôn nhận được sự quan tâm lớn trong ba năm qua. Các nhân viên kinh doanh tại 64 Trung tâm SME trên cả nước đều được tham gia quá trình đào tạo nền tảng, tiếp sau đó là các khóa đào tạo nâng cao để bảo đảm được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng chuyên biệt. Song song đó, lộ trình công danh và kế hoạch đào tạo lâu dài cũng được triển khai trong năm 2015 là minh chứng thiết thực nhất về cam kết đầu tư cho nguồn nhân lực của ban lãnh đạo khối đối với CBNV. Kết quả đạt được bước đầu khá tích cực, thể hiện ở sự tăng trưởng trong tất cả các chỉ tiêu năng suất chính.

Năm vừa qua, Khối SME đã tập trung cung cấp các giải pháp ngân hàng giao dịch đa dạng và ưu tiên cải thiện chất lượng dịch vụ theo hướng đơn giản và hiệu quả để tăng trưởng các sản phẩm huy động có giá trị cao và duy trì mức độ hoạt động tài khoản của khách hàng. Những sản phẩm mới ra đời và được cải tiến đều nhằm mục tiêu mang đến những sản phẩm đơn giản và tiện lợi nhất, vì thế những sản phẩm chủ đạo đều có doanh thu tăng trưởng ở mức hai chữ số. Điển hình là những dòng sản phẩm như sản phẩm tài trợ vốn lưu động Business Financing (BF) - Cho vay đảm bảo bằng bất động sản và Credit Program (CP) - Cho vay với tài sản đảm bảo đa dạng.

34% 

TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP TỪ PHÍ

2016 là năm thứ tư trong chiến lược chuyển đổi 5 năm của Khối SME với mục tiêu tăng trưởng đầy thách thức trong một môi trường kinh doanh ngày càng khó dự báo. Đối mặt với cạnh tranh, Khối SME sẽ vẫn tiếp tục tìm kiếm và cụ thể hóa các cơ hội tăng trưởng tại các phân khúc khách hàng tiềm năng chưa được đáp ứng nhu cầu. Các giải pháp và sản phẩm tài chính mới sẽ được phát triển để tăng cường định vị giá trị cho khách hàng. Thẻ điểm mới cũng sẽ được nghiên cứu và là một trong những sáng kiến quan trọng về quản trị rủi ro để đảm bảo sự an toàn cho danh mục tăng trưởng. Các chính sách chăm sóc khách hàng sẽ được mở rộng hơn nữa để tri ân những khách hàng gắn bó cùng Ngân hàng. Chính sách và quy trình sản phẩm sẽ tiếp tục được tinh giản để cải thiện trải nghiệm dịch vụ. Các hoạt động marketing sẽ tập trung vào việc nâng cao nhận diện và tăng cường liên kết với khách hàng và với cộng đồng doanh nghiệp trong cả nước. Với những cải tiến này, Khối SME tin tưởng rằng 2016 sẽ tiếp tục là một năm thành công.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

Mảng dịch vụ ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 400 – 1.600 tỷ đồng luôn đạt kết quả tốt kể từ khi được thành lập vào năm 2013. Trong năm 2015, mảng dịch vụ này tiếp tục đạt được những thành tựu kinh doanh nổi bật.

Tính tới cuối năm 2015, số khách hàng của Dịch vụ ngân hàng cho khách hàng doanh nghiệp (CMB) đã tăng hơn 30%, số dư huy động và cho vay cuối kỳ đều tăng hơn 170%, số dư bảo lãnh cuối kỳ tăng hơn 180% và số dư L/C cuối kỳ tăng hơn 250% so với năm 2014. Doanh thu từ phí dịch vụ và hoạt động ngoại hối cũng tăng 2-3 lần so với năm trước.

170%

TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY

Có được những kết quả ấn tượng này là nhờ trong năm 2015, CMB đã nỗ lực triển khai các chương trình hành động quyết liệt và có định hướng để phấn đấu hoàn thành mục tiêu chung. CMB tiếp tục tập trung vào các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân và địa phương và một số công ty nhà nước quy mô trung bình. Các khách hàng của CMB đều được phục vụ tối đa nhu cầu thông qua gói giải pháp tài chính tổng thể gồm dịch vụ cho vay, bảo lãnh, tài trợ thương mại, tiền gửi và thanh toán. Không dừng lại ở đó, CMB còn triển khai một số sản phẩm phức hợp như kết hợp tiền gửi/cho vay với sản phẩm ngoại hối, tài trợ thương mại quốc tế... nhằm gia tăng nguồn thu nhập cũng như đem đến cho khách hàng những tiện ích tối đa. Bên cạnh đó, CMB cũng đã tái cấu trúc danh mục cho vay theo hướng chọn lọc các khoản vay hiệu quả, triển khai chương trình thúc đẩy số dư huy động để gia tăng ổn định thanh khoản cho Ngân hàng. Ngoài ra, CMB còn đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ bảo lãnh, L/C, thanh toán xuất nhập khẩu, qua đó đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang lại nguồn thu từ phí cho Ngân hàng.

Nhằm liên tục cải tiến chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, trong năm 2015, CMB duy trì sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị kinh doanh và đơn vị hỗ trợ trong Ngân hàng, nhằm tối ưu hóa quy trình xử lý tín dụng, quy trình thanh toán... qua đó nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Với kết quả kinh doanh nổi bật, và quan trọng hơn là nền tảng tổ chức từng bước được củng cố và kiện toàn, VPBank tin tưởng CMB sẽ đạt được những thành tựu lớn hơn nữa trong năm 2016, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng và bền vững của Ngân hàng.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN VÀ ĐẦU TƯ

Năm 2015, mảng hoạt động Khách hàng doanh nghiệp lớn tiếp tục có những đóng góp đáng kể trong việc đẩy mạnh dịch vụ tài trợ thương mại, gia tăng doanh số bảo lãnh và LC. Đặc biệt, với việc phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch, mảng hoạt động này đã có những bước tiến đáng kể trong việc cung cấp dịch vụ tài

trợ chuỗi nhà phân phối cho các tập đoàn lớn như Carlsberg, HTC... qua đó đặt tiền đề cho việc phát triển dịch vụ tài chính cung ứng chuỗi nhà cung cấp/phân phối trong năm 2016.

Năm 2015 cũng là một năm thành công của mảng hoạt động Đầu tư và Tài trợ dự án (IPF) của VPBank. Với tính chuyên môn hóa và tập trung cao, IPF đã nâng cao được hiệu quả hoạt động của một đơn vị chuyên trách kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và tài trợ dự án, phục vụ các khách hàng phức hợp thông qua các sản phẩm tài chính, giải pháp tài chính trọn gói cho khách hàng của VPBank, qua đó mang lại lợi ích cho khách hàng và nâng cao uy tín của ngân hàng. Kết quả kinh doanh năm 2015 của IPF đã đạt được những con số hết sức khả quan, hoàn thành từ 110% đến 190% các chỉ tiêu tài chính quan trọng được giao.

20%

TỶ TRỌNG CIB HUY ĐỘNG VÀ CẤP TÍN DỤNG TRONG TOÀN HỆ THỐNG

Thực hiện chiến lược xây dựng cơ cấu tổ chức hướng tới tính linh hoạt và chuyên biệt hóa của VPBank, tháng 11/2015 Hội đồng Quản trị VPBank đã có quyết định thành lập Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư trên cơ sở sáp nhập Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn (CIB) với Khối Quản lý Đầu tư và Dự án (IPF). Đơn vị mới với hai Trung tâm Kinh doanh Phía Bắc và Phía Nam, hai phòng Kinh doanh là Quản lý Đầu tư và Tài trợ Dự án sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh của hai khối trước đây trong việc cung cấp những giải pháp tài chính toàn diện thông qua các gói sản phẩm phức hợp, các dịch vụ tiện ích, các chuỗi sản phẩm đa dạng tới không chỉ các khách hàng doanh nghiệp lớn mà còn tới cả các đại lý, nhà cung cấp của khách hàng, đồng thời không ngừng tăng cường tính an toàn, hiệu quả và chất lượng hoạt động. Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư sẽ là một đơn vị quan trọng của VPBank trong năm 2016 tới đây, với phần đóng góp trong năm 2015 vừa qua lên tới hơn 20% trong tổng số chỉ tiêu huy động và cấp tín dụng của toàn hệ thống.

190%

TỶ LỆ HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Năm 2016, bên cạnh việc tiếp tục tăng cường chất lượng các dịch vụ ngân hàng thương mại truyền thống, phục vụ các khách hàng doanh nghiệp lớn truyền thống như EVN, SCIC, Vinacomin, VEAM, Viettel, Mobifone... và các khách hàng doanh nghiệp lớn là doanh nghiệp FDI có tên tuổi như Yamaha, Uni President, Nippon Seiki... VPBank sẽ tiếp tục xây dựng cơ chế thúc đẩy bán chéo phối hợp với các đơn vị trong nội bộ để cung cấp các gói sản phẩm cấu trúc, các dịch vụ ngân hàng chuyên sâu với các chính sách ưu việt nhất, qua đó phục vụ tốt nhất lợi ích cho các khách hàng của VPBank, mang lại lợi thế cho các doanh nghiệp lớn của Việt Nam. Với

đội ngũ cán bộ trẻ, năng động và tâm huyết, VPBank tin rằng năm 2016 cũng sẽ củng cố thành công mảng đầu tư và tài trợ dự án thông qua việc chuyên môn hóa nhằm tăng cường hơn nữa tính an toàn, hiệu quả và chất lượng của các hoạt động. VPBank cũng sẽ đẩy mạnh mảng hoạt động dịch vụ tu vấn (tu vấn phát hành, tu vấn thu xếp tài chính dự án) để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp Việt Nam cũng như nâng cao tỷ lệ thu nhập từ phí của Ngân hàng.

DỊCH VỤ CHO CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG GIAO DỊCH

Đầu năm 2014, VPBank đã thành lập Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch nhằm tăng cường chuyên môn hóa và phát triển mảng nghiệp vụ liên quan đến những hoạt động này. Sau gần hai năm đi vào hoạt động, Trung tâm đã đẩy mạnh hoạt động tài trợ thương mại và triển khai thành công các chiến lược của nghiệp vụ ngân hàng giao dịch, đồng thời thiết lập và duy trì mối quan hệ bền vững với các định chế tài chính trong nước và quốc tế.

Trong năm 2015, nhiều sản phẩm trọng điểm đã được Trung tâm triển khai, bao gồm các sản phẩm Tài trợ thương mại (UPAS LC, tài trợ chuỗi phân phối, tài trợ kho hàng theo chuẩn quốc tế) và Quản lý tiền tệ (thuế điện tử, bảo lãnh online, dịch vụ thu chi hộ). Với những nỗ lực vượt bậc, năm 2015 VPBank đã đạt được những kết quả ấn tượng về doanh số ngoại bằng làm cơ sở để tăng nguồn thu nhập từ phí: doanh số bảo lãnh tăng 54%, doanh số thu tín dụng tăng 23% (trong đó doanh số UPAS LC tăng gấp 5 lần so với năm 2014). Nhờ đó, tổng thu phí thuần toàn hàng năm 2015 tăng gần gấp đôi so với năm 2014.

5 lần 

DOANH SỐ UPAS LC
TĂNG SO VỚI 2014

Trong phân khúc Định chế tài chính ngân hàng, VPBank đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về nguồn vốn và hạn mức từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài. Tổng hạn mức do các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng có vốn nhà nước cấp đã tăng 50% so với năm 2014, trong đó hạn mức do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cấp cho VPBank đã tăng 50% so với năm 2014 và Ngân hàng tiếp tục tham gia vào chương trình tài trợ uy tín là GSM-102. Trong năm 2015, VPBank tiếp tục là một trong các ngân hàng nhận vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức quốc tế như World Bank, JICA để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với tổng dư nợ tăng trưởng 180% so với 2014. Đồng thời, Ngân hàng đã tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế của Chính phủ như Chương trình cho vay hỗ trợ thu mua lúa gạo vụ đông xuân 2015, Chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay nhà ở xã hội.

Sản phẩm quản lý dòng tiền do VPBank triển khai đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của khách hàng là các định chế tài chính phi ngân hàng. Năm vừa qua, VPBank đã đạt được mức tăng trưởng khá ấn tượng về con số huy động, với số dư tăng 61% so với năm 2014.

Những thành quả nổi bật của VPBank trong mảng dịch vụ dành cho các định chế tài chính và ngân hàng giao dịch năm 2015 đã giúp khẳng định vị thế và uy tín của Ngân hàng trên

thị trường Việt Nam và quốc tế. Trong năm 2016, VPBank sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm tài trợ chuỗi và tài trợ ngành cũng như tăng cường hơn nữa các giải pháp về quản lý dòng tiền để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng, mở rộng quan hệ đại lý của VPBank với các định chế tài chính trong và ngoài nước, thúc đẩy hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế là IFC, FMO và triển khai một số dự án có nguồn vốn ODA để phục vụ cho định hướng chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.

DỊCH VỤ TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Năm 2015 là một năm có nhiều biến động lớn của thị trường tài chính Việt Nam cũng như thế giới. Trong bối cảnh đó, mảng dịch vụ trên thị trường tài chính bao gồm các hoạt động ngoại hối, tiền tệ, trái phiếu vẫn có những đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động chung của Ngân hàng; tạo tiền đề vững chắc cho chiến lược chuyển đổi mạnh mẽ và đầy tham vọng trong những năm tới, xây dựng nền tảng giá trị bền vững trong dài hạn.

Năm 2015, doanh thu thuần từ hoạt động và lợi nhuận của mảng dịch vụ này đều tăng 34% so với năm 2014. Chi số tăng trưởng của hầu hết các nghiệp vụ kinh doanh chính khá đều nhau, riêng mảng trái phiếu Chính phủ có kết quả nổi trội hơn cả. VPBank tiếp tục là một trong 5 đơn vị đứng đầu trên thị trường so cấp và một trong 3 đơn vị đứng đầu trên thị trường thứ cấp xét về thị phần hoạt động trái phiếu Chính phủ, tiếp tục được Bộ Tài chính chỉ định là thành viên đầu thầu trực tiếp (Primary Dealers) trong năm 2016.

34% 

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Với giá trị cốt lõi "Khách hàng là trọng tâm", trong năm qua, VPBank tiếp tục tập trung đầu tư đào tạo nguồn lực, chuyên nghiệp hóa đội ngũ bán sản phẩm của mảng dịch vụ Thị trường Tài chính, đồng thời không ngừng nghiên cứu sản phẩm mới với hai tiêu chí đột phá và sáng tạo. Năm qua cũng là năm chứng kiến quá trình tái cấu trúc Khối Thị trường tài chính một cách mạnh mẽ, với việc mở rộng nhiều mảng nghiệp vụ mới trên thị trường tài chính Việt Nam, đặc biệt là trên thị trường vốn, và mở rộng phục vụ đối tượng khách hàng là các định chế tài chính phi ngân hàng. Với hiểu biết sâu và rộng về thị trường, VPBank đã đưa ra những nhận định và dự đoán chuẩn xác, từ đó giúp khách hàng đưa ra những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, giúp tối ưu hóa lợi nhuận. Nhờ vậy, trong năm 2015 VPBank tiếp tục được khách hàng đặc biệt tin cậy và tăng cường giao dịch, qua đó đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng.

Dựa trên những kết quả đã đạt được trong năm qua và để đáp ứng những nhu cầu ngày một cao và đa dạng của khách hàng, hướng tới những chuẩn mực quốc tế và chuyên nghiệp về rủi ro theo Basel II cũng như phát triển các sản phẩm phái sinh phù hợp, năm 2016 VPBank sẽ đầu tư triển khai nền tảng hạ tầng công nghệ khép kín, áp dụng toàn diện cho các mảng nghiệp vụ thị trường tài chính, hoàn thiện các chuẩn mực và hạn mức quản lý rủi ro nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả, an toàn và phát triển bền vững của VPBank.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÔNG NGHỆ SỐ

Công nghệ số và các kênh trực tuyến đang ngày càng trở nên quan trọng và không thể thiếu đối với khách hàng khi giao dịch với ngân hàng. VPBank là đơn vị tiên phong trong việc đưa dịch vụ ngân hàng công nghệ số trở thành trọng tâm trong chiến lược phát triển của mình với hướng tiếp cận từ cả ba mặt:

- Tiếp tục số hóa cả chiều rộng và sâu toàn bộ các giao dịch và dịch vụ ngân hàng truyền thống;
- Đẩy mạnh hợp tác với các công ty phát triển công nghệ ngân hàng để song hành và kịp thời cập nhật các cuộc cách mạng ý tưởng táo bạo trong dịch vụ ngân hàng;
- Thành lập ngân hàng công nghệ số độc lập đáp ứng nhu cầu của các khách hàng yêu thích công nghệ số.

Đầu năm 2013, chiến lược số hóa ngân hàng chính thức khởi động với việc thành lập Ban dự án chuyên trách. Ban này có nhiệm vụ số hóa các sản phẩm, quy trình, kiểm soát và nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ của các kênh cung cấp dịch vụ ngân hàng qua internet và thiết bị di động, đồng thời thúc đẩy các giao dịch tài chính qua các kênh này, tạo ra hệ sinh thái phong phú và đa dạng trên nền tảng công nghệ số.

300% 

TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
INTERNET BANKING VÀ MOBILE BANKING

Đến cuối năm 2015, với sự tập trung và điều hành quyết liệt, số lượng khách hàng sử dụng internet banking và mobile banking của VPBank tăng lên tương ứng 90% và 220% so với cùng kỳ năm 2014. Số lượng và giá trị giao dịch cũng tăng hơn 300%, chiếm gần 21% tổng số giao dịch trên toàn hệ thống. Riêng trong năm 2015, việc cung cấp các sản phẩm mới trên

hai nền tảng internet và điện thoại thông minh đã chứng kiến sự đột phá khi số dư tiền gửi tiết kiệm trực tuyến có kỳ hạn tăng 6 lần và các sản phẩm cho vay trực tuyến nhận được sự đón nhận tích cực của khách hàng.

Tăng cường đẩy mạnh hợp tác với các đối tác công nghệ trong lĩnh vực tài chính là một chiến lược mới của VPBank trong việc mở rộng số hoá các dịch vụ ngân hàng cũng như mở ra những cơ hội tiếp cận khách hàng mới. Trong năm 2015, VPBank đã làm việc với nhiều công ty công nghệ tài chính trong các lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt, các phương tiện truyền thông xã hội, các đối tác trong lĩnh vực tiếp thị công nghệ số... tiếp cận nhóm đối tượng ưa thích công nghệ nhưng chưa sử dụng dịch vụ ngân hàng; tạo ra hệ sinh thái liên thông không giới hạn giữa người dùng, ngân hàng và các nhà cung cấp dịch vụ.

Tháng 1/2016, việc chính thức thành lập khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số một lần nữa khẳng định chiến lược mạnh mẽ hướng tới ngân hàng số của VPBank. Đây chính là kết quả của chiến lược và lộ trình đúng đắn nhằm cung cấp ra thị trường những sản phẩm và dịch vụ ngân hàng số ưu việt và thuận tiện nhất cho người dùng, tạo vị thế tiên phong của VPBank trong xu thế phát triển mạnh mẽ của công nghệ số.

6 lần 

TĂNG TRƯỞNG SỐ DƯ
TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRỰC TUYẾN

Giải thưởng Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam năm 2015 do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng là sự ghi nhận những nỗ lực và thành công của VPBank trong năm 2015. VPBank sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2016 nhằm nâng cao năng lực và vị thế của Ngân hàng trong lĩnh vực nhiều thách thức nhưng cũng đầy cơ hội này.

CÁC THÀNH TỰU VỀ XÂY DỰNG NỀN TẢNG VPBANK

CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP TỐT NHẤT

Giải thưởng được trao bởi tổ chức TDWI, Hoa Kỳ tháng 7/2015

Hệ thống Quản trị dữ liệu đạt chuẩn quốc tế giúp VPBank sát cánh cùng doanh nghiệp phân tích, đo lường hiệu quả kinh doanh, từ đó cung cấp sản phẩm, chuyên gia tư vấn tài chính phù hợp với từng giai đoạn hoạt động của khách hàng.



ĐỘT PHÁ



QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2015, VPBank đã có những chuyển biến mang tính chất bản lề trong việc chuyển đổi công tác quản trị rủi ro lên một tầm cao mới với hàng loạt sự thay đổi và cải tiến về mặt lượng và chất, về cơ cấu tổ chức của Khối Quản trị Rủi ro (QTRR), về chức năng cũng như hiệu quả hoạt động mang lại trên thực tế.

Dự án Basel II là một trong những dự án trọng điểm mà Khối QTRR đang triển khai, nhằm thay đổi toàn diện hệ thống QTRR, phục vụ hiệu quả nhất cho công tác phát triển kinh doanh, trên cơ sở chuẩn mực và thông lệ quốc tế cũng như yêu cầu tuân thủ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Dự án đáp ứng tốt tiến độ đề ra và cơ bản đưa hệ thống QTRR của VPBank đáp ứng phương pháp tiếp cận chuẩn hóa vào đầu năm 2016 và phương pháp tiếp cận nâng cao vào năm 2018.

Cơ cấu tổ chức và nhân sự

Năm 2015, Khối QTRR thành lập tổng cộng 5 Phòng ban mới, và trên cơ sở hai Phòng ban ban đầu Khối đã kết hợp các Phòng ban cùng chức năng để nâng cấp thành 2 Trung tâm. Cụ thể, thành lập mới 2 Phòng Mô hình và Quản trị vốn, kết hợp với Phòng Phân tích Rủi ro để nâng cấp thành Trung tâm Giám sát Rủi ro. Tiếp theo đó, 3 phòng chuyên sâu về rủi ro hoạt động cũng được thành lập mới, gồm Phòng Điều tra và Phòng Chống Gian lận, Phòng Rủi ro Thông tin, Phòng Quản trị Kinh doanh Liên tục. Ba phòng này kết hợp với Phòng Rủi ro Hoạt động được nâng cấp thành Trung tâm Rủi ro Hoạt động. Ngoài ra, nhằm nâng cao chất lượng và sự phối hợp về quản lý rủi ro thị trường, bên cạnh Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Rủi ro Hoạt động, năm 2015 VPBank cũng thành lập mới Tiểu ban Rủi ro Thị trường.

Số lượng nhân sự của Khối QTRR được tăng cường ở các mảng công việc quan trọng. Theo đó, mảng công tác thu hồi nợ, giám sát tín dụng tăng gần gấp đôi số lượng nhân sự; Tổng số nhân sự tuyển mới cho dự án Basel II gần 50 người; Lĩnh vực rủi ro tín dụng, mô hình, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và công tác thu hồi nợ chủ yếu tuyển dụng các chuyên gia nước ngoài nhằm tập trung phát triển chuyên môn sâu và theo các mô hình quốc tế.

Quản trị rủi ro tín dụng

Năm 2015, mặc dù kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ nhưng nhờ áp dụng nhiều biện pháp kiểm soát tín dụng tiên tiến nên chất lượng tín dụng của VPBank luôn được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu (NPL) luôn nằm trong giới hạn an toàn.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mô hình phê duyệt, thẩm định tín dụng tập trung toàn hệ thống;
- Áp dụng các thẻ điểm cho từng phân khúc khách hàng khác nhau và từng sản phẩm;
- Áp dụng Hệ thống Cảnh báo Rủi ro Tín dụng sớm (EWS) chuyên sâu hơn theo phân khúc khách hàng (EWS riêng cho SME và KHCCN) để đạt độ chính xác cao hơn và sẽ triển khai mạnh mẽ trong năm 2016;
- Tăng cường hệ thống tái cấu trúc và thu hồi nợ;
- Xây dựng các bộ phận chuyên trách về QTRR từng phân khúc khách hàng, từng sản phẩm riêng biệt.

Quản trị rủi ro thị trường

Với việc tuyển dụng chuyên gia giàu kinh nghiệm về QTRR thị trường, VPBank đã thành công trong việc xây dựng nền tảng QTRR thị trường theo mô hình chung của thế giới như áp dụng hệ thống EWS cho khách hàng định chế tài chính, xây dựng bộ quy tắc chính sách Khối Thị trường Tài chính, phân tích chuyên sâu các trạng thái FX mở, v.v.

Quản trị rủi ro hoạt động

Với việc nâng cấp thành Trung tâm Rủi ro Hoạt động với 04 Phòng chức năng chuyên sâu, công tác QTRR hoạt động của VPBank đã đạt được nhiều bước tiến đáng khích lệ:

- Phòng An ninh Thông tin: kiểm soát chặt chẽ về an ninh mạng, quy định về sử dụng email, truy cập Internet; Một số chính sách bản lề về an ninh thông tin đã được ban hành (chính sách rủi ro thông tin, quy định về việc sử dụng email/internet/USB), phần lớn các yêu cầu trong chính sách đã được đưa vào triển khai (ngăn chặn việc sử dụng internet không phục vụ cho công việc, kiểm soát việc sử dụng USB tại máy tính ngân hàng nhằm hạn chế rò rỉ thông tin và lây nhiễm virus máy tính).
- Phòng Quản trị Kinh doanh Liên tục: xây dựng chính sách, quy trình nhằm triển khai các kế hoạch kinh doanh liên tục trong trường hợp có sự cố, thảm họa; Hơn 50% số lượng các Phòng ban hội sở đã được xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP), kế hoạch kiểm thử BCP cho toàn Ngân hàng đã được xây dựng và dự kiến triển khai trong năm 2016.
- Phòng Điều tra và Phòng chống Gian lận: bắt đầu triển khai điều tra ngăn chặn các khách hàng có dấu hiệu giả mạo, gian lận và điều tra gian lận cũng được tiến hành thực hiện đối với nhân viên của VPBank; Hàng tỷ đồng đã được thu hồi về cho ngân hàng, trong đó văn hóa phòng chống gian lận bước đầu được truyền thông và đẩy mạnh đến cấp độ đơn vị kinh doanh.
- Phòng Rủi ro Hoạt động: 100% các văn bản quy trình của VPBank đều được xem xét dưới góc độ rủi ro hoạt động, từng bước xây dựng kho dữ liệu về rủi ro hoạt động. Rất nhiều buổi đào tạo, truyền thông đã được thực hiện trong năm 2015 nhằm nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng về rủi ro hoạt động. Rất nhiều tài liệu, quy trình về Phòng ngừa rủi ro hoạt động đã được chia sẻ, ban hành nhằm cung cấp những hướng dẫn cụ thể cho cán bộ nhân viên trong hoạt động chuyên môn, qua đó giảm thiểu thiệt hại cho Ngân hàng từ rủi ro hoạt động.

Thu hồi nợ

Năm 2015 được coi là một năm bản lề của Trung tâm Thu hồi nợ và Công ty Quản lý Tài sản (AMC), với những thay đổi và cột mốc lớn như: (1) hoàn thiện cơ cấu hoạt động của Trung tâm; (2) thay đổi chiến lược thu hồi nợ hiệu quả hơn trên cơ sở phân tích mức độ rủi ro của khách hàng và sản phẩm; và (3) đầu tư công nghệ vào công tác thu hồi nợ như: hệ thống quay số tự động, thành lập thêm trung tâm gọi điện thu hồi nợ miền Bắc, áp dụng kênh thu hồi nợ qua VNPOST và CITIBank, v.v.

BỘ MÁY VẬN HÀNH

2015 là một năm quan trọng đối với mảng Vận hành của VPBank trong lộ trình chuyển đổi 2012 – 2017. Ba yếu tố then chốt thúc đẩy kết quả và thành tựu cải tiến thông qua hoạt động của Khối Vận hành gồm: dịch vụ khách hàng, hiệu quả và kiểm soát.

Dịch vụ khách hàng

Một trong những cột mốc quan trọng của Khối Vận hành trong năm vừa qua là việc triển khai tập trung hóa quản lý dịch vụ khách hàng tại chi nhánh bắt đầu từ tháng 4/2015. Mục tiêu của sáng kiến trên gồm 2 phần: tạo ra các trải nghiệm dịch vụ khách hàng đỉnh cao theo hướng chuẩn hóa và nhất quán xuyên suốt mạng lưới chi nhánh; giải phóng các đơn vị tiếp xúc trực tiếp với khách hàng khỏi các nghiệp vụ vận hành và hành chính, tạo điều kiện cho đội ngũ bán hàng tập trung đẩy mạnh kinh doanh. Tính tới cuối năm 2015, VPBank đã tiến hành tập trung hóa dịch vụ khách hàng tại hơn 60% chi nhánh với hơn 900 cán bộ, đưa Khối Vận hành trở thành đơn vị có quy mô lớn thứ 2 tại Ngân hàng. Song song với việc quy tụ toàn bộ các cán bộ dịch vụ khách hàng tại chi nhánh về một mối, Khối Vận hành cũng trang bị các công cụ và hỗ trợ cần thiết để nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ tại các chi nhánh. Các công việc đã thực hiện trong năm qua gồm: xây dựng các chỉ số minh bạch giúp đánh giá hiệu quả làm việc để từ đó đưa ra các mục tiêu chuẩn mực cho từng cán bộ dịch vụ khách hàng, thiết kế lộ trình phát triển cá nhân rõ ràng cùng với lộ trình công danh hứa hẹn và triển khai các khóa đào tạo - huấn luyện nhằm nâng cao sự tự tin và năng lực cho các cán bộ. Lộ trình tập trung hóa sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2016 khi Khối Vận hành triển khai kế hoạch không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ.

Một trong những bước đi đầu tiên trong lộ trình nâng cao chất lượng dịch vụ của Khối Vận hành là tập trung củng cố Phòng Dịch vụ và Chăm sóc khách hàng qua điện thoại. VPBank đã tập trung nỗ lực xử lý các khiếu nại của khách hàng qua tổng đài, giảm số lượng các cuộc gọi nhỡ và cải thiện tốc độ tiếp nhận cuộc gọi. Khối cũng đã thiết lập bộ phận chuyên trách xử lý các khiếu nại của khách hàng, nhờ đó VPBank đã trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có một bộ phận tiếp nhận và xử lý khiếu nại tập trung nhằm hỗ trợ giải quyết mọi phàn nàn của khách hàng một cách kịp thời. Bộ phận trên sẽ thu thập và theo dõi chặt chẽ mọi khiếu nại của khách hàng nhằm đảm bảo khách hàng nhận được phản hồi nhanh chóng và thỏa đáng.

Kể từ năm 2015, mạng lưới ATM trên toàn quốc của VPBank đã chấp nhận thành công hầu hết các loại thẻ phổ biến, bao gồm thẻ VISA, Master và nhiều loại thẻ khác, mang lại cho khách hàng thêm nhiều sự lựa chọn về thẻ đồng thời tạo sự thuận tiện cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của VPBank.

Hiện nay, VPBank đã có khả năng cung cấp dịch vụ thu hộ tiền mặt cho các khách hàng doanh nghiệp khi họ có nhu cầu chuyển tiền an toàn giữa các khu vực nhưng lại không có nguồn lực thiết lập một nhóm vận chuyển riêng.

Hiệu quả

2015 là một năm thành công trong việc cải thiện năng suất cũng như đẩy mạnh hiệu quả của Khối Vận hành. Trong lĩnh vực xử lý tín dụng, hàng loạt các sáng kiến bao gồm tái thiết quy trình, nâng cao năng lực cán bộ và tinh giản hồ sơ đã được

triển khai nhằm cắt giảm thời gian phê duyệt và giải ngân các khoản vay hoặc các loại hình tín dụng khác.

Tự động hóa trong lĩnh vực thanh toán đã giúp VPBank nâng cao tỷ lệ điện chuẩn các giao dịch, đảm bảo tỷ lệ các giao dịch được xử lý hoàn toàn tự động tăng lên, đặc biệt đối với các giao dịch trong nước. Tỷ lệ điện chuẩn các giao dịch thanh toán trong nước đối với khách hàng cá nhân đạt 98% trong năm 2015.

Để hỗ trợ nhóm khách hàng tài trợ thương mại, Bộ phận Hỗ trợ nghiệp vụ tài trợ thương mại (Trade Desk) được thành lập nhằm cung cấp các thông tin minh bạch cũng như tư vấn hiệu quả cho khách hàng khi cần thiết. Đồng thời, VPBank cũng triển khai dự án Nâng cao năng lực vận hành tài trợ thương mại với các sáng kiến hỗ trợ tự động hóa các chức năng thủ công và nâng cấp hệ thống giao dịch thương mại, góp phần tăng hiệu quả vận hành và tiết kiệm chi phí.

Nhằm đạt mục tiêu trở thành một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2017, trong năm 2015, VPBank đã tiếp tục đẩy mạnh dịch vụ thẻ. Khối Vận hành đã nâng cấp thành công Hệ thống quản lý thẻ, góp phần tăng cường tính chính xác và hiệu quả. Khối Vận hành cũng đã giới thiệu và bước đầu triển khai một số công cụ và chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả của các đơn vị hỗ trợ, bao gồm: thời gian xử lý trung bình (APT), thời gian phản hồi dịch vụ (TAT), các mô hình lập kế hoạch năng suất và năng lực của nhân viên, các thỏa thuận cấp độ dịch vụ (SLA) và khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng nội bộ.

Bên cạnh đó, việc triển khai hệ thống lưu trữ văn bản tân tiến vào giữa năm 2015 đã tạo ra một công cụ tìm kiếm thuận tiện hơn, dễ dàng tiếp cận thu viện chính sách, quy định và văn bản hỗ trợ của VPBank. Mọi nhân viên đều có thể tìm kiếm những thông tin cần thiết một cách nhanh chóng, qua đó giúp cải thiện thời gian xử lý và nâng cao năng suất.

Tối ưu hóa chi phí và nguồn lực chính là kết quả tất yếu của những sáng kiến cải tiến năng suất và hiệu quả kể trên. Nhờ đó, Khối Vận hành đã có khả năng xử lý khối lượng giao dịch lớn hơn với chi phí thấp hơn.

Kiểm soát

Trong năm 2015, bộ phận kiểm soát rủi ro của Khối Vận hành đã tối ưu hóa chức năng này thông qua phương pháp tiếp cận dựa trên mức độ rủi ro trong các hoạt động của Khối. Phòng Kiểm soát sau vay đã được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị kinh doanh theo dõi và kiểm soát hoạt động sau giải ngân của khách hàng, và đưa ra cảnh báo về các trường hợp vi phạm điều kiện vay, nhờ đó đẩy mạnh khả năng quản trị rủi ro của Ngân hàng và đem lại cho VPBank thêm một lợi thế cạnh tranh khác. Một số sáng kiến cũng đã được thực hiện nhằm giúp Ngân hàng hạn chế thấp nhất lỗi vận hành và xây dựng môi trường làm việc ít rủi ro.

2016 được kỳ vọng sẽ là một năm then chốt đối với Khối Vận hành. Theo đó, Khối sẽ tập trung chủ yếu vào nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ xuyên suốt các kênh và các điểm tiếp xúc với khách hàng. Năng suất và hiệu quả sử dụng các nguồn lực sẽ được cải thiện nhiều hơn nữa với mục tiêu cắt giảm chi phí sản phẩm và dịch vụ. Khối Vận hành sẽ đạt được những mục tiêu kể trên thông qua việc tự động hóa và số hóa quy trình và xây dựng định hướng dịch vụ đối với mọi cán bộ tham gia vào chuỗi dịch vụ.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là một trong các yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược và sự thành công của VPBank trong các năm vừa qua. Năm 2015, VPBank tiếp tục hoàn thiện chính sách, triển khai các dự án trọng tâm nhằm cải tiến hệ thống, quy trình quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng, đồng thời triển khai các chương trình giúp VPBank thu hút và giữ chân nhân tài.

Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh, các tổ chức tin dụng muốn có được ưu thế trên thị trường bắt buộc phải trở nên khác biệt và không ngừng sáng tạo. Những rào cản mà các tổ chức tin dụng trong nước thường phải đối mặt là cấu trúc tổ chức phức tạp, nhiều tầng nấc gây cản trở cho sự sáng tạo và khả năng thích ứng, linh hoạt; Văn hóa doanh nghiệp kiểu truyền thống cũng gây không ít khó khăn cho công cuộc cải tiến. Hiểu được điều đó, năm 2015 VPBank tiếp tục có những bước chuyển đổi mạnh mẽ trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức tinh giản theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế nhằm hướng tới tối ưu hóa cơ cấu tổ chức nhân sự với các phân lớp phù hợp với nguồn lực bên trong và yêu cầu bên ngoài. Cùng với việc tinh giản cơ cấu tổ chức, VPBank đã triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các hợp phần của dự án Văn hóa doanh nghiệp nhằm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thú vị, văn hóa học tập chủ động, nhờ đó truyền cảm hứng, thu hút và giữ chân nhân tài. Đặc biệt, chương trình Bạn đồng hành (Mentoring) trong Dự án Văn hóa doanh nghiệp đã bước đầu hình thành nền tảng giúp VPBank phát triển nguồn lực lãnh đạo kế cận vững chắc. Văn hóa doanh nghiệp kết hợp với cơ cấu tổ chức tiên tiến, phù hợp giúp Ngân hàng từng bước vượt qua các rào cản để hướng đến sự cải tiến hiệu quả và ngày càng chiếm ưu thế trên thị trường.

Năm 2015 đồng thời được đánh dấu bằng việc xây dựng thành công hệ công việc, khung năng lực cốt lõi gắn kết theo họ công việc và theo đặc thù nghiệp vụ của đơn vị. VPBank đã xây dựng thành công hệ công việc theo tiêu chuẩn áp dụng cho các tổ chức tiên tiến trên thị trường, được xem như hệ thống xương sống nền tảng trong công tác quản trị nguồn nhân lực, đặc biệt trong các chương trình hành động về quản trị nhân tài và phát triển lực lượng kế cận của VPBank. Ngoài ra, công tác tự động hóa các quy trình quản trị nhân sự tiếp tục được triển khai và hoàn thiện nhằm củng cố nền tảng nhân sự và nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng. Một số chức năng của Hệ thống quản trị nhân sự (SAP HCM) lần lượt được triển khai thành công trong năm 2015 một cách nhanh chóng, cung cấp cho cán bộ nhân viên Ngân hàng nhiều tiện ích quan trọng về tuyển dụng và tiếp nhận công việc, quản lý thông tin cá nhân, quản lý thời gian làm việc... Theo kế hoạch, nhiều chức năng quan trọng khác sẽ tiếp tục được triển khai trong năm 2016. Bên cạnh đó, việc cập nhật các chính sách, văn bản, các quy định liên quan đến Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Xử lý vi phạm theo sửa đổi mới của Bộ luật Lao động cũng được hoàn thành trong năm 2015, bên cạnh một số quy định khác đã và đang được xây dựng, cập nhật nhằm ban hành trong thời gian tới.

Khi làn sóng dịch chuyển nhân sự trong ngành ngân hàng tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2015, VPBank đã chú trọng phát triển nguồn lực bên trong, ưu tiên tuyển dụng bên trong với quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp, rõ rệt và nhất quán. Các chính sách về phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp biệt phái khuyến khích chuyển chuyển nội bộ, giúp cán bộ nhân viên có kinh nghiệm và năng lực thử sức ở những vị trí cao hơn hoặc những môi trường nghiệp vụ khác. Lộ trình công danh cho các

vị trí bán hàng then chốt của các khối kinh doanh trọng yếu đã được xây dựng và cập nhật phù hợp. Chiến lược này giúp VPBank khai thác tối đa sự đa dạng về nguồn lực, văn hóa, phong cách làm việc để tạo ra những lợi thế đặc biệt cho Ngân hàng trong kinh doanh, hỗ trợ công tác tạo nguồn, tạo ra một môi trường làm việc mà ở đó nhân viên có thể phát triển sự nghiệp chứ không chỉ dừng lại ở một công việc.

Cũng trong năm 2015, VPBank đã tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc hoàn thiện các khung năng lực toàn hàng, tập trung đào tạo các kỹ năng quản lý bán hàng, bán chéo và phát triển lãnh đạo. Sự chuyển đổi thành công từ Trung tâm đào tạo thành Học Viện VPBank, trước hết hỗ trợ cho các đơn vị chủ chốt như Khối Khách hàng Cá nhân, Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), giúp Ngân hàng thực thi phương thức tiếp cận mới trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo phương châm khuyến khích văn hóa và tinh thần tự học của nhân viên, để nhân viên tự làm chủ kế hoạch phát triển bản thân trong công việc và sự nghiệp. Đồng thời, VPBank cũng đã xây dựng được phương pháp đào tạo bền vững cho toàn bộ mạng lưới chi nhánh của Ngân hàng. Với mục tiêu rõ ràng là xây dựng và phát triển đội ngũ lãnh đạo, Học Viện VPBank đã triển khai các sáng kiến, chương trình hành động giúp nâng cao kỹ năng quản lý của các cán bộ có trách nhiệm phát triển đội ngũ bán hàng.

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh trong chiến lược dài hạn hướng đến Văn hóa hiệu quả làm việc cao, VPBank đã căn cứ vào điều kiện và quy mô của mình để xây dựng các chế độ đãi ngộ tương xứng với khả năng, trình độ chuyên môn và mức độ đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Ngân hàng. Các vị trí chủ chốt, quan trọng và đóng góp cao (hot jobs và core-contributors) được xác định, phân loại và áp dụng chế độ đãi ngộ cạnh tranh. Chế độ nghỉ phép được cập nhật tăng cường phúc lợi cho cán bộ nhân viên toàn hàng.

Nhờ những sáng kiến và hoạt động chuyển đổi nêu trên, VPBank tiếp tục nâng cao cả số lượng và chất lượng nhân sự trong năm 2015 để trở thành một nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng của Ngân hàng. Trong năm 2016, VPBank sẽ tiếp tục triển khai nhiều dự án và chương trình hành động nhân sự để qua đó duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, hệ thống quản trị nguồn nhân lực hiệu quả và thương hiệu có sức thu hút cao của VPBank trên thị trường.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những nền tảng quan trọng hiện thực hóa mục tiêu đưa VPBank trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

Năm 2015, VPBank tiếp tục triển khai lộ trình tổng thể về CNTT đề ra từ năm 2014, qua đó góp phần quan trọng vào thành công của Ngân hàng thông qua việc phát triển hạ tầng công nghệ và duy trì ổn định hệ thống.

Trong các đề án, kế hoạch hành động về CNTT của VPBank, luôn luôn song hành hai định hướng nhằm đảm bảo các hoạt động của Ngân hàng phát triển bền vững:

- Chú trọng đến việc duy trì và bảo dưỡng các hệ thống hiện hữu, đảm bảo hệ thống luôn vận hành ổn định, an toàn, bền vững và hiệu quả, đáp ứng tốc độ tăng trưởng vượt trội của các hoạt động kinh doanh
- Đảm bảo sẵn sàng cho sự phát triển kinh doanh ngân

hàng trong tương lai, đón đầu các xu hướng phát triển về công nghệ thông tin nói chung và công nghệ thông tin cho ngành ngân hàng nói riêng, thông qua việc phát triển và xây dựng các hệ thống phục vụ cho mô hình kinh doanh và vận hành mục tiêu của VPBank.

Năm 2015, với định hướng lấy hiệu quả và chất lượng làm trọng tâm, nâng cao tính hợp tác, an toàn, bền vững, hệ thống CNTT của VPBank đã có những tiến bộ vượt bậc, góp phần quan trọng trong việc tăng trưởng mạnh mẽ số lượng giao dịch kinh doanh và triển khai thành công nhiều dự án quan trọng của Ngân hàng, cụ thể:

- Tạo đà và tăng tốc triển khai các dự án hỗ trợ những sáng kiến kinh doanh chủ đạo: hoàn thành giai đoạn I dự án Kho dữ liệu và Phân tích kinh doanh (DWH/BI), một trong những dự án CNTT quan trọng giúp đưa VPBank đến một tầm cao mới trong việc sử dụng dữ liệu và thông tin trong ngân hàng để có thể chuyển đổi mạnh mẽ hơn. Bên cạnh đó, các dự án mang tính chiến lược khác của CNTT cũng tiếp tục được thúc đẩy như dự án Ngân hàng điện tử (ESB/eBanking), dự án Tự động hóa các khối hỗ trợ (ERP), các hoạt động tiền đề cho Ngân hàng số (digital banking) cùng rất nhiều các hoạt động xây dựng và củng cố nền tảng khác;
- Thiết lập một cơ chế hỗ trợ dự án, giúp việc huy động và sử dụng nguồn lực tốt hơn trong bối cảnh các khối nghiệp vụ gặp nhiều khó khăn trong vấn đề nguồn lực chuyên môn trong lĩnh vực CNTT;
- Cải thiện rõ rệt khả năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ trong quá trình phát triển phần mềm và công tác vận hành, sẵn sàng hỗ trợ giao dịch tăng trưởng cao trên cơ sở phát triển nhiều tính năng nghiệp vụ mới, nâng cấp các hệ thống máy chủ tập trung, hệ thống mạng cốt lõi;
- Cải thiện rõ rệt về các chỉ số chất lượng dịch vụ (SLA) và an toàn (KRI) đối với các hoạt động tự chủ; nâng cao hiệu quả với các dịch vụ thuê ngoài: mở rộng hoạt động thuê ngoài đối với công tác phát triển, kiểm thử, so với hoạt động chủ yếu trong năm ngoái chỉ là công tác hỗ trợ vận hành.

Với những thành tựu đạt được trong năm vừa qua, dự kiến trong năm 2016 hoạt động CNTT của VPBank sẽ tiếp tục chuyển đổi, cải tiến theo hướng xây dựng nền tảng CNTT vững mạnh, củng cố sự tương tác và tái cơ cấu tổ chức theo hướng linh hoạt hơn, với mô hình hoạt động lấy hiệu quả và chất lượng phục vụ khách hàng làm trọng tâm.

PHÂN TÍCH KINH DOANH

Năng lực quản lý hiệu quả thông tin quy mô lớn và đa dạng của doanh nghiệp, khách hàng cũng như các thông tin kinh doanh khác được coi là nền tảng của những tổ chức dịch vụ tài chính lớn nhất và đang nhanh chóng trở thành mục tiêu cốt lõi đối với lãnh đạo của những tổ chức này, và VPBank cũng không phải là một ngoại lệ. Thông qua một chương trình quy mô toàn hàng, từ năm 2014 VPBank đã bắt đầu thực hiện một lộ trình nhằm chuyển đổi dữ liệu phân tán của mình trở về với đúng giá trị của nó là một tài sản mang tính chiến lược, đồng thời tái định hình VPBank như một doanh nghiệp lấy thông tin làm trọng tâm, trong đó việc đảm bảo chất lượng và tối ưu hóa việc khai thác hiệu quả dữ liệu đều được quản lý một cách chặt chẽ và nhất quán, trực tiếp bởi đội ngũ quản lý cấp cao

của Ngân hàng.

VPBank đã thành lập Ủy ban Dữ liệu vào cuối năm 2013 với mục đích quản lý chiến lược dữ liệu tổng thể của Ngân hàng. Và để thực hiện chiến lược này, Trung tâm Phân tích Kinh doanh (BICC) đã được thành lập và đi vào hoạt động dưới sự giám sát trực tiếp của Tổng Giám đốc kể từ đầu năm 2014.

Trong năm 2015, BICC đã được cấu trúc thành 5 phòng với 50 nhân sự và phát triển những năng lực nổi trội trong các lĩnh vực:

- Phễu xử lý hồ sơ tín dụng;
- Năng suất bán hàng và trước bán hàng;
- Năng suất vận hành;
- Thời gian phản hồi dịch vụ đối với các hồ sơ vay và thẻ tín dụng;
- Tình trạng tất toán các khoản vay;
- Phân tích khách hàng và quản lý chiến dịch;
- Chất lượng danh mục cho vay (bao gồm các chỉ số rủi ro và thu hồi nợ);
- Tỷ lệ nắm giữ sản phẩm và bán chéo;
- Hành vi giao dịch đối với tất cả các sản phẩm và dịch vụ;
- Hiệu quả của các chương trình khuyến khích bán;
- Phân tích sâu về khách hàng, sản phẩm và kênh;
- Quản lý chất lượng dữ liệu.

Với những năng lực nêu trên cùng với một đội ngũ nhân sự tận tâm, BICC đã cung cấp các thông tin và phân tích quan trọng cho các khối và đơn vị của VPBank trong năm 2015. Các dịch vụ của BICC đã giúp các khối đưa ra những quyết định kịp thời và hiệu quả, qua đó được các khối đánh giá cao. Năm 2015, BICC đã được bầu chọn là đơn vị có mức độ hài lòng nội bộ cao nhất của VPBank năm thứ hai liên tiếp. Không chỉ được đánh giá cao trong nội bộ Ngân hàng, sự chuyển đổi về dữ liệu và phân tích thông tin kinh doanh của VPBank còn được công nhận bởi các chuyên gia quốc tế. Chương trình Quản trị Dữ liệu của VPBank đã vinh dự nhận giải thưởng Chiến lược Quản lý dữ liệu Doanh nghiệp năm 2015 của tổ chức The Data Warehousing Institute (TDWI) trong năm 2015.

Những đánh giá trên cho thấy VPBank đang thực sự có những tiến triển tích cực trên lộ trình đã đặt ra. Theo lộ trình này, trong năm 2016 VPBank sẽ tập trung vào việc sử dụng kho dữ liệu và hạ tầng phân tích thông tin kinh doanh được hình thành trong năm 2015 để tự động hóa việc hoàn thành các báo cáo định kỳ, đưa ra những phân tích thấu đáo và khuyến nghị khả thi, từ đó mang lại giá trị hữu hình cho công việc kinh doanh, góp phần đưa VPBank trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam.

TRUYỀN THÔNG

Năm 2015, VPBank khẳng định một cách mạnh mẽ và ghi đậm dấu ấn là một tổ chức luôn nỗ lực mang lại cuộc sống thịnh vượng về cả tài chính và tinh thần cho CBNV, cho khách hàng và cho cộng đồng.

Truyền thông tới CBNV

VPBank tiếp tục khai thác tối đa hiệu quả các kênh truyền thông nội bộ tại VPBank bao gồm các Ấn phẩm thường kỳ (Bản tin giấy Thịnh vượng, Bản tin điện tử VPBank Today cho toàn hệ thống và các bản tin điện tử của các đơn vị), Hệ thống poster nội bộ, Màn hình nền máy tính cá nhân của cán bộ nhân viên (CBNV) và đẩy mạnh việc sử dụng nền tảng mạng xã hội doanh nghiệp Yammer để truyền thông một cách mạnh mẽ, nhanh chóng và đầy đủ tới CBNV.

Bên cạnh các hoạt động nội bộ quy mô toàn hàng đã được triển khai định kỳ, tạo sức hút ngày càng mạnh mẽ đối với CBNV như cuộc thi nghiệp vụ "Trạng Nguyên VPBank" hay chòm sự kiện thể thao, văn nghệ hướng tới đại tiệc sinh nhật đầy sức trẻ của Ngân hàng, trong năm 2015, nhiều sự kiện mới được tổ chức rất ấn tượng, phát huy tối đa tính sáng tạo và tài năng các CBNV như cuộc thi bơi kết hợp trình diễn với nước "Bikini Sports", cuộc thi tài năng văn nghệ dành cho con em CBNV "VPBank's Got Talent Kids".

Đặc biệt, các hoạt động nội bộ của VPBank trong năm 2015 đã được nâng lên một tầm cao mới với việc truyền lửa tới các đơn vị trên toàn hệ thống để chủ động triển khai các chương trình, sự kiện ở các quy mô khác nhau dành cho CBNV của đơn vị.

Truyền thông tới khách hàng, đối tác và cộng đồng

Trong năm 2015, VPBank tiếp tục ghi dấu ấn mạnh mẽ với việc liên tiếp tổ chức những sự kiện dành cho khách hàng, đối tác và cộng đồng, trong đó đặc biệt phải kể đến chuỗi các sự kiện âm nhạc quy mô lớn, có giá trị nghệ thuật cao, khẳng định vai trò tiên phong nổi bật trong việc định vị thương hiệu bằng âm nhạc của VPBank.

Chuỗi chương trình VPBank Concert thực sự trở thành một thương hiệu được đông đảo báo giới và công chúng thừa nhận về quy mô, chất lượng nghệ thuật và ý tưởng độc đáo.

Trước hết phải kể đến đêm nhạc "Kenny G live in Concert by VPBank". Sau sự kiện "Richard Clayderman in Concert by VPBank" năm 2014, đêm nhạc của huyền thoại Saxophonist người Mỹ đã trở thành một điểm nhấn quan trọng trong bức tranh toàn cảnh về âm nhạc và nghệ thuật tại Việt Nam trong

năm 2015, một lần nữa đưa VPBank trở thành biểu tượng của cộng đồng doanh nghiệp Việt trong cuộc chơi nghiêm túc với nghệ thuật đỉnh cao.

Những chương trình nghệ thuật với các nghệ sĩ hàng đầu trong nước như đêm nhạc tri ân báo giới "Phiêu bạt...trở về" với âm nhạc của Trần Tiến cùng các ca sĩ Trần Thu Hà, Uyên Linh và Dương Trần Nghĩa vào tháng 6/2015 cùng hai đêm nhạc tri ân khách hàng mang tên "Ngày xanh" với sự thể hiện của 4 Diva nhạc Việt tại Hà Nội và "Nơi tình yêu bắt đầu" với 2 ca sĩ Lệ Quyên và Tuấn Hưng tại TP HCM vào tháng 1/2016 đã vượt ra ngoài khuôn khổ của những chương trình tri ân khách hàng, đối tác để ghi dấu là những chương trình nghệ thuật thực thụ.

Trong đó, đêm nhạc "Ngày xanh" với sự quy tụ lần đầu tiên 4 giọng ca "vàng" của Việt Nam gồm Thanh Lam, Hồng Nhung, Mỹ Linh và Trần Thu Hà đã trở thành tâm điểm âm nhạc dịp đầu năm 2016 trên mặt báo cũng như trong lòng người hâm mộ cả nước.

Thời khắc đón chào năm mới 2016 một lần nữa khẳng định thương hiệu của VPBank đã sánh ngang với các thương hiệu quốc tế với Lễ hội đếm ngược VPBank Countdown tổ chức ngay tại Trung tâm Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của nửa triệu người. Điểm nhấn khác biệt của chương trình vẫn chính là ý tưởng nghệ thuật khi lồng ghép những giá trị âm nhạc truyền thống vào dòng chảy âm nhạc hiện đại EDM, góp phần đưa âm nhạc truyền thống đến gần hơn với giới trẻ.

Định vị là một ngân hàng bán lẻ, VPBank đang dành sự quan tâm lớn tới lớp người dùng trẻ và năng động thông qua các hoạt động sôi nổi trên internet và mạng xã hội.

Trang fanpage trên Facebook của VPBank năm qua đã có sự tăng trưởng nhanh về số lượng tương tác hữu cơ và duy trì vị trí số một trong số các ngân hàng trong năm 2015.

Có thể nói, VPBank là một trong những ngân hàng TMCP đang có sự đầu tư, quan tâm đáng kể đối với kênh truyền thông trực tuyến, bám sát những diễn biến về xu hướng hành vi của khách hàng hiện nay, qua đó tạo tiền đề cho việc tiếp cận và khai thác hiệu quả lượng khách hàng tiềm năng này.



THÀNH CÔNG

QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP



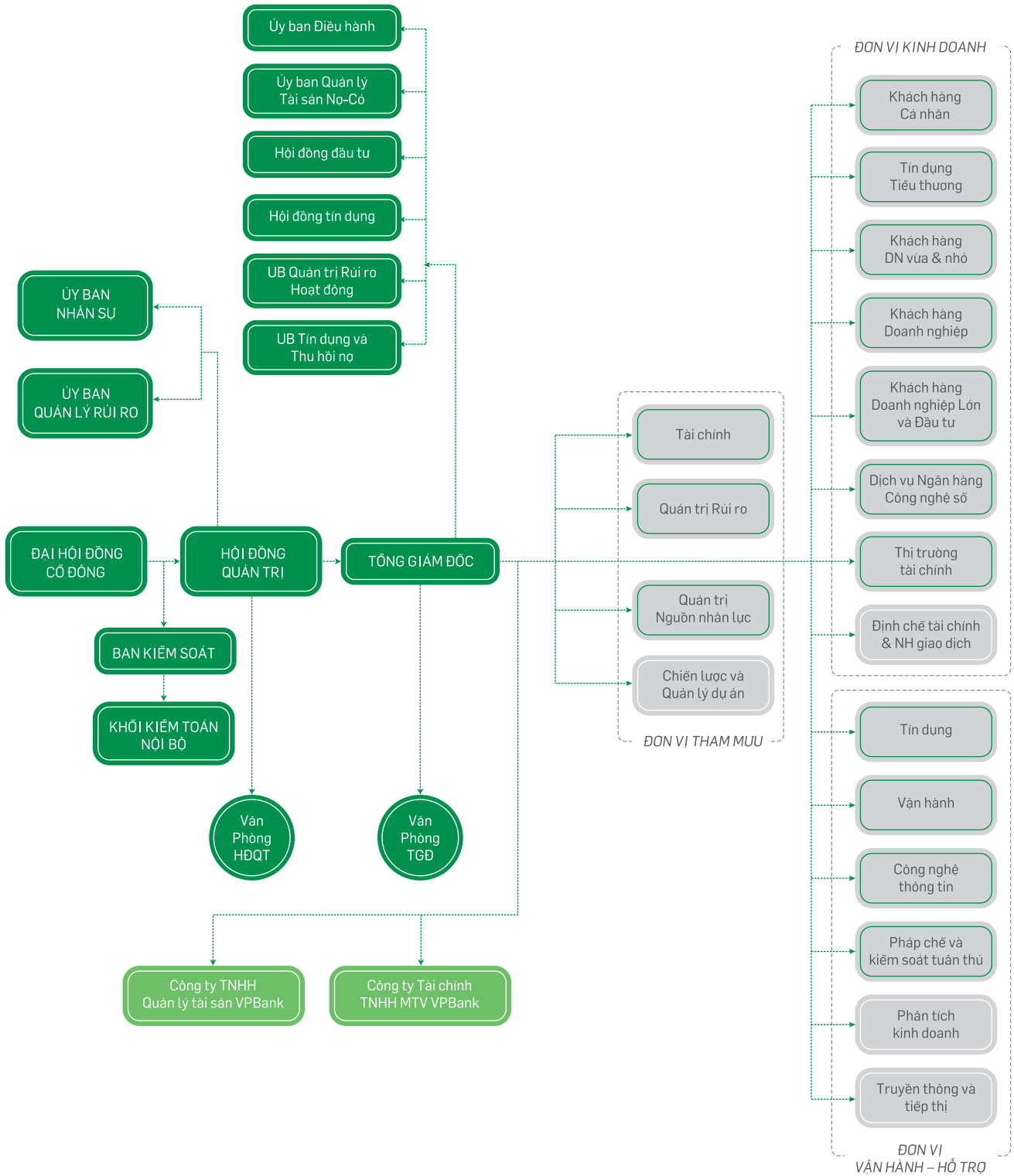
INTERNATIONAL
Banker
BANKING AWARDS 2015

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT VIỆT NAM

Giải thưởng do tạp chí Anh Quốc,
International Banker vinh danh tháng 8/2015.

Giải thưởng là sự ghi nhận của tổ chức quốc tế về
chất lượng hoạt động, tốc độ tăng trưởng bền
vững, uy tín và trách nhiệm xã hội của ngân hàng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT



1. ÔNG NGÔ CHÍ DŨNG
Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Đại học Thâm dò địa chất Matxcova năm 1992, năm 2002 ông Ngô Chí Dũng bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ Kinh tế của Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính trị Kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga. Từ năm 1996 đến 2004, ông là cố đồng sáng lập và được bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB). Từ năm 2005 đến 2010, ông Ngô Chí Dũng giữ cương vị Chủ tịch HĐQT của tập đoàn KBG (Liên bang Nga), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Ông tham gia HĐQT VPBank từ tháng 4/2010 và được bầu làm Chủ tịch HĐQT VPBank cho đến nay. Bên cạnh đó, ông còn là Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro và là tham gia làm thành viên biểu quyết của một số Hội đồng như Hội đồng đầu tư, Hội đồng tín dụng, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank.



2. ÔNG BÙI HẢI QUÂN
Phó Chủ tịch HĐQT

Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev (Ucraina) chuyên ngành Kinh tế, ông Bùi Hải Quân là thực tập sinh, cộng tác viên khoa học của trường từ năm 1991 đến năm 1993. Ông hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải, thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Hải. Từ tháng 4/2006, ông tham gia HĐQT VPBank và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2008. Ngoài ra, hiện nay ông cũng là Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro, thành viên của Ủy ban Nhân sự. Ông Quân cũng là thành viên của các Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Hội đồng Tín dụng cấp cao.



3. ÔNG LÔ BẰNG GIANG
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lô Bằng Giang tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế của trường Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev (Ucraina) năm 2002. Sau đó, ông hoàn thành học vị Cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Matxcova (MESI) (Liên bang Nga) vào năm 2010. Ông Lô Bằng Giang đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng BKS của Ngân hàng Delta Bank (Ucraina) và tham gia làm thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Hùng Vương từ năm 2008 đến nay. Ông Lô Bằng Giang là Phó Chủ tịch HĐQT VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Từ tháng 8/2014, Ông Giang cũng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty tài chính VPBank. Bên cạnh đó, ông Giang cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Ủy Ban Quản lý Rủi ro, và tham gia vào các Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Hội đồng tín dụng của Ngân hàng



4. ÔNG NGUYỄN VĂN HÀO
Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hào tốt nghiệp thạc sỹ ngôn ngữ của trường Sư phạm ngoại ngữ Pyatygorsk (Liên Bang Nga) năm 1980, tốt nghiệp cử nhân kinh tế trường Đại học Ngoại thương (Việt Nam) năm 1987. Trước khi đảm nhận chức vụ tại VPBank tháng 4/2015, Ông Hào đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý như: Giám đốc điều hành Japan Airlines tại Việt Nam từ 9/1994- 8/2005; Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam từ tháng 9/2005 đến tháng 8/2008; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Prudential Việt Nam từ tháng 10/2008 đến 10/2010; Cố vấn tài chính tiêu dùng Tập đoàn Prudential UK từ tháng 10/2010 đến tháng 8/2013. Từ tháng 4/2015 ông được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT VPBank, đồng thời là thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro.



5. ÔNG LƯƠNG PHAN SƠN
Thành viên HĐQT

Ông Lương Phan Sơn tốt nghiệp cử nhân Cơ khí của trường Đại học Bách Khoa Lvov (Liên Xô cũ). Từ năm 1988 đến năm 1993, ông công tác tại công ty Bechka, thành phố Lvov. Sau đó, ông về Việt Nam và đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Tân Hoàng Minh từ năm 1994 đến năm 1997. Từ năm 1998 đến nay, ông là Phó Giám đốc kiêm Trưởng đại diện Công ty INVESTLINK tại Liên bang Nga. Ông Lương Phan Sơn là thành viên HĐQT của VPBank từ tháng 4/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 4/2013 đến nay.



6. ÔNG NGUYỄN ĐỨC VINH
Thành viên HĐQT
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank. Ông Nguyễn Đức Vinh cũng là chủ tịch/ thành viên của các hội đồng, ủy ban như Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - có, Hội đồng Tín dụng và các hội đồng, ủy ban điều hành khác.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT



7. BÀ NGUYỄN QUỲNH ANH
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Anh tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tổng hợp Lê-nin, Matxcova năm 1994 với hai chuyên ngành tiếng Nga và Văn học. Bà là Thạc sỹ Khoa học Giáo dục và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Quản lý Cao cấp Liên bang Nga. Bà từng là Phó Tổng Biên tập Báo “Nhân Hòa” - tờ báo của Ủy ban Báo chí Nga - từ năm 1995 đến 2003. Sau đó, bà đảm nhiệm vị trí Kế toán, Trưởng phòng Cung ứng vật tư, Giám đốc Tài chính của Tập đoàn BeePack (Liên bang Nga) từ năm 2003 đến 2008. Bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Liên Minh từ năm 2009 đến tháng 2/2010, là thành viên BKS Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) từ năm 2008 đến tháng 3/2010 và Công ty Chứng khoán Euro Capital từ năm 2009 đến tháng 6/2010. Bà được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát của VPBank từ tháng 3/2010 đến nay, đồng thời cũng là thành viên chuyên trách của Ngân hàng.



8. BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY
Thành viên Chuyên trách
Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy tốt nghiệp Cử nhân Kế toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1994 và hoàn thành khóa học Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại trường Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà từng là Phó Phòng Nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Habubank. Từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2013, bà Nguyễn Thị Bích Thủy là Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khởi Nguồn vốn và Đầu tư. Tháng 4/2014, Đại hội đồng Cổ đông VPBank đã nhất trí bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Bích Thủy làm Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.



9. BÀ NGUYỄN THỊ MAI TRINH
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh tốt nghiệp Cử nhân khoa Kinh tế trường Đại học Tổng hợp Địa chất Matxcova, Cử nhân Luật Sở hữu Trí tuệ trường Đại học Luật Sở hữu Trí tuệ Liên bang Nga và là Tiến sỹ Khoa học Kinh tế của Học viện Thâm dò Địa chất Quốc gia Matxcova (Liên bang Nga). Bà từng trải qua nhiều vị trí công tác ở Matxcova như Kế toán tại Công ty Dominanta Service từ năm 1995 đến tháng 9/1998 và tại Công ty King Lion từ tháng 10/1998 đến tháng 12/2002, Giám đốc Tài chính Công ty Beepack từ tháng 8/2004 đến tháng 10/2008, chuyên viên kế toán tài chính tại Matxcova của Công ty Interlogo Business Corp - BVI chuyên về đầu tư tài chính quốc tế - từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2011. Bà giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn KBG từ tháng 10/2008 đến tháng 12/2011. Từ tháng 3/2012, bà Nguyễn Thị Mai Trinh là thành viên Ban Kiểm soát tại VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1. ÔNG NGUYỄN ĐỨC VINH Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

3. ÔNG RAJEEV DE ROY Giám đốc Khối Vận hành

Ông Rajeev De Roy tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế học tại Trường đại học Delhi, Ấn Độ năm 1977. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Ông từng giữ các vị trí chủ chốt tại Ngân hàng Thương mại Qatar, Ngân hàng American Express (Ấn Độ), Mashreqbank (Dubai) và Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ. Gần đây nhất, ông giữ vị trí Giám đốc Vận hành (COO) của Ngân hàng Techcombank. Từ tháng 11/2014 đến nay, Ông đảm nhiệm cương vị Giám đốc Khối Vận hành VPBank.

2. BÀ LƯU THỊ THẢO Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tài chính

Bà Lưu Thị Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Học viện Ngân hàng và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The ACCA UK) từ năm 2002. Bà từng làm việc tại Công ty TNHH Price- waterhouseCoopers Việt Nam, Công ty TNHH KPMG Việt Nam trước khi đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ chỉ nhánh ngân hàng ABN AMRO Việt Nam, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính của VPBank từ tháng 8/2011.

4. ÔNG DMYTRO KOLECHKO Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Dmytro Kolechko sở hữu bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc gia Kiev, Ukraine. Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó ông đã giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao trong hơn 10 năm như: Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Raiffeisenbank Ukraine, Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Alfabank Ukraine, Phó Giám đốc Quản trị Rủi ro của ngân hàng Raiffesen bank Aval... Trước khi gia nhập VPBank, ông là Giám đốc Quản trị Rủi ro toàn quốc của ngân hàng Hypo-Alpe-Adria tại Bosnia Herzegovina. Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro tại VPBank kể từ tháng 1/2015.

Thành VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



5. ÔNG IGOR MUSHAKOV Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

Ông Igor Mushakov mang quốc tịch Nga, là cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật, Kinh tế, Quản lý, Lãnh đạo và Quản trị Kinh doanh cấp cao, có kiến thức sâu rộng về định hướng chiến lược, phát triển nền tảng và quản lý, nâng cao các quy trình, dự án công nghệ thông tin với 18 năm hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn tại các tổ chức nước ngoài. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Giám đốc Công nghệ Thông tin (CIO) - thành viên Ban điều hành của Tập đoàn bán lẻ thực phẩm lớn thứ hai tại Nga X5, Giám đốc CNTT - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Uralsib (Nga), dẫn dắt phòng Sáng tạo và Phát triển CNTT tại Sberbank – Ngân hàng quốc doanh hàng đầu của Nga, Chuyên gia tư vấn kinh doanh thuộc tập đoàn IBM khu vực Đông Âu và Châu Phi – chi nhánh Nga, cùng các vị trí quản lý khác tại Alfabank – Ngân hàng tư nhân lớn thứ 2 ở Nga. Ông Igor Mushakov gia nhập VPBank từ tháng 1/2016 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin.

7. ÔNG FUNG KAI JIN Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và nhỏ

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Học viện Royal Melbourne Institute of Technology và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Curtin (Australia), ông FunG Kai Jin có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng tại Châu Á. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Thương mại trong 6 năm tại Ngân hàng Alliance (Malaysia). Trước đó, ông FunG Kai Jin đã trải qua những vị trí quản lý cao cấp khác như Giám đốc Thanh toán Quốc tế, Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp và Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ tại Ngân hàng Standard Chartered ở Malaysia. Ông gia nhập VPBank từ tháng 04/2013 với cương vị là Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ. Tháng 10/2014, ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

6. ÔNG SANDEEP MADHAV DEOBHAKTA Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Tốt nghiệp bằng Cử nhân tại Ấn Độ và có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Sloan School of Management, MIT (Hoa Kỳ), Ông Sandeep đã có 25 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, chủ yếu trong các mảng khách hàng cá nhân và quản lý tài sản (Wealth Management) tại các ngân hàng lớn như Citibank, Shinsei và Standard Bank, tại Châu Á, Châu Phi và Trung Đông. Từ tháng 05/2015, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân tại VPBank.

8. ÔNG KIRAN BABU KOSARAJU Giám đốc Khối Tín dụng Tiểu thương

Với hơn 24 năm kinh nghiệm, ông Kiran đã trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao và lãnh đạo ở Ấn Độ, Philipine và Việt Nam. Trước khi gia nhập VPBank, ông Kiran đã đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch và Giám đốc bán hàng khu vực của khối Ngân hàng Doanh nghiệp của Citibank Ấn Độ, và là thành viên sáng lập của Fullerton Ấn Độ, khối Thị trường Đại chúng. Ông cũng từng nắm giữ vị trí Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành của Tập đoàn TNHH CoOptions, và vị trí Phó Chủ tịch cao cấp, Giám đốc điều hành quốc gia của Firstsource Solutions tại Philipin. Ông Kiran được chính thức bổ nhiệm làm Giám đốc khối Tín dụng Tiểu thương tại VPBank vào tháng 7 năm 2015.



9. ÔNG PHAN NGỌC HÒA

**Phó Tổng Giám đốc,
Trưởng Văn phòng đại diện miền Nam kiêm Giám đốc
Khối Khách hàng doanh nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Tài chính trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, ông Phan Ngọc Hòa gia nhập VPBank. Ông từng đảm nhiệm các cương vị quản lý cấp cao tại VPBank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và VPBank Chi nhánh Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc VPBank, Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Hiện nay, ông đang giữ chức Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Văn phòng đại diện miền Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

10. BÀ DƯƠNG THỊ THU THÙY

**Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư**

Bà Dương Thị Thu Thủy tốt nghiệp Cử nhân trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Thạc sĩ Điều hành cao cấp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Từ năm 2002, bà gia nhập VPBank và trải qua nhiều cương vị lãnh đạo như: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc VPBank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Từ tháng 5/2014 đến 10/2015, Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Đầu tư và Dự án. Kể từ tháng 11/2015, Khối Quản lý Đầu tư và Dự án đã sáp nhập với Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và đổi tên thành Khối Khách hàng DN lớn và Đầu tư.

11. ÔNG PHẠM PHÚ KHÔI

**Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Thị trường Tài chính**

Ông Phạm Phú Khôi tốt nghiệp trường Wharton, Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ với bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, bằng Thạc sĩ Kinh tế Hàng không, Đại học Hàng không Dân dụng Riga, Latvia (Liên Xô cũ). Ông Khôi cũng đã hoàn tất khóa học International Executive của INSEAD Business School, Fontainebleau, Pháp.

Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc khu vực Đông Bắc Á Vietnam Airlines; Giám đốc Đầu tư giao dịch Tín dụng Quốc tế - khu vực Châu Á, Ngân hàng Standard Chartered (Singapore); Giám đốc Ngân hàng Đầu tư khu vực Việt Nam, Ngân hàng America Merrill Lynch (Singapore) và Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS). Kể từ tháng 07/2015, ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Thị trường Tài chính tại VPBank.

12. ÔNG VÕ TẤN LONG

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số

Ông Võ Tấn Long tốt nghiệp chuyên ngành Vật liệu và Thiết bị vi điện tử tại trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật điện St. Petersburg (Liên bang Nga) với bằng Kỹ sư điện tử (năm 1992) và bằng Tiến sĩ Toán - Vật lý (năm 1995). Với 16 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí khác nhau như Hỗ trợ kỹ thuật, Quản lý Dự án, cung cấp giải pháp công nghệ thông tin, Quản lý Kinh doanh và Tổng Giám đốc IBM Việt Nam, ông Võ Tấn Long gia nhập VPBank từ tháng 4/2013 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin. Tháng 1/2016 ông Võ Tấn Long chính thức được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



13. BÀ VÕ HẰNG PHƯƠNG

Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch.

Bà Võ Hằng Phương tốt nghiệp Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sỹ Kinh tế của Đại học Bang New York (Mỹ) theo chương trình Fulbright. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng ở các vị trí lãnh đạo cấp cao tại các bộ phận Định chế tài chính, Kinh doanh ngoại tệ, Tín dụng doanh nghiệp, Phê duyệt tín dụng và Quản trị rủi ro tại các ngân hàng nội địa và nước ngoài như Vietcombank, Standard Chartered Bank, HSBC, ANZ... Bà gia nhập VPBank từ tháng 6/2014 và hiện giữ cương vị Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch.



14. ÔNG NGUYỄN THANH BÌNH

**Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Tín dụng**

Ông Nguyễn Thanh Bình tham gia công tác trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1985 đến 1988 trước khi lấy bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Chính sách Công thuộc chương trình Fulbright Việt Nam. Gia nhập VPBank từ năm 1994, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại Phòng Tín dụng Hội sở, Phòng Nghiên cứu và Phát triển, Phòng Tổng hợp và Quản lý Chi nhánh... trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank năm 2002. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng.

15. ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG

**Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ**

Thạc sỹ Luật học Nguyễn Thành Long có 18 năm kinh nghiệm pháp luật ngân hàng, công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có 7 năm giữ cương vị Phó Vụ trưởng Vụ pháp chế, Ngân hàng Nhà nước. Từ năm 2007, ông Nguyễn Thành Long đã chuyển sang phụ trách mảng pháp chế và tuân thủ với vị trí là Phó tổng giám đốc của một Ngân hàng Thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam. Hiện ông Nguyễn Thành Long là Phó Tổng Giám đốc VPBank, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.



16. BÀ HUỲNH THỊ NGỌC TRÚC

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực

Bà Huỳnh Thị Ngọc Trúc tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Nhân lực tại Học viện Công nghệ Châu Á. Bà từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự tại các công ty đa quốc gia lớn. Trước khi gia nhập VPBank, bà làm việc tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với cương vị Giám đốc Nhân sự và Giám đốc quản lý dự án chiến lược. Bà giữ chức danh Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực của VPBank từ tháng 9/2014



17. ÔNG LÊ HOÀNG LÂN

Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án

Ông Lê Hoàng Lân tốt nghiệp Học viện Ngân hàng năm 1994. Ông có gần 10 năm làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chương trình, dự án ODA và hợp tác quốc tế. Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng Nhà nước, ông đã tốt nghiệp Thạc sỹ Chính sách Công tại Học viện Nghiên cứu Chính sách Công Nhật Bản (GRIPS). Từ năm 2004, ông là chuyên gia tư vấn cho Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trong lĩnh vực đào tạo chính sách công. Ông gia nhập VPBank từ tháng 11/2010 và hiện giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án.



18. ÔNG TRẦN TUẤN VIỆT

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, ông Trần Tuấn Việt có 20 năm kinh nghiệm về thương mại, marketing, truyền thông và quảng cáo. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Giám đốc Thương mại Bán lẻ tại các tập đoàn đa ngành như Tập đoàn FPT, Tập đoàn Ocean; Giám đốc Điều hành và Giám đốc Vận hành của các công ty truyền thông như FPT Media, Santa Vietnam và Ancom Communication. Ông Trần Tuấn Việt gia nhập VPBank vào tháng 7/2013 và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị.



19. ÔNG VIVEK BHANOT

Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh

Ông Vivek Bhanot có bằng Cử nhân Kỹ sư dân dụng của Học viện Kỹ thuật và Công nghệ Thapar (nay là Đại học Thapar), Ấn Độ và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hồng Kông. Ông từng là Kỹ sư thiết kế cấu trúc tại Công ty Punj Lloyd Limited (Ấn Độ) trong 3 năm. Từ năm 2009, ông Vivek Bhanot làm việc trong ngành ngân hàng tại Việt Nam ở nhiều cương vị, hỗ trợ ra quyết định chuyên sâu cho các lãnh đạo cấp cao và các đơn vị kinh doanh. Sau 3,5 năm làm việc ở Techcombank, ông Vivek Bhanot gia nhập VPBank từ tháng 01/2013 và hiện là Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHĐCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. Tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường tổ chức ít nhất 1 lần/năm, Cổ đông VPBank sẽ trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành để đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của Ngân hàng và định hướng hoạt động cho năm tài chính tiếp theo.

Tại thời điểm 31/12/2015, Ngân hàng có 3.539 cổ đông, trong đó chủ yếu là cổ đông cá nhân, chiếm 98% tổng số cổ đông và 45% số cổ phần của Ngân hàng.

Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ Ngân hàng. Bản điều lệ này được đăng tải trên website của Ngân hàng để tất cả các cổ đông và nhà đầu tư có thể tra cứu. Ngân hàng cũng sử dụng website như một phương tiện cung cấp thông tin chính thống, đầy đủ và cập nhật nhất về kết quả kinh doanh của Ngân hàng cũng như các thông tin bất thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông và công bố thông tin cho cổ đông được thực hiện bởi Văn phòng HĐQT. Các ý kiến đóng góp của cổ đông được Văn phòng HĐQT tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển cho người có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định. Ngoài ra, từ nhiều năm nay, Ngân hàng cũng đã thuê Công ty chứng khoán VPBank (VPBS) thực hiện dịch vụ quản lý cổ đông cho Ngân hàng. Theo đó, các dịch vụ cung cấp thông tin, xác nhận số cổ phần của từng cổ đông, các dịch vụ xác nhận chuyển nhượng cổ phần... được thực hiện qua VPBS.

Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ đã được thực hiện đầy đủ theo quy định chi tiết tại Điều lệ Ngân hàng. Ngoài ra, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, Ngân hàng cũng lập các Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết các nghị quyết tại Đại hội và Quy chế bầu cử các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) (trong trường hợp có các thủ tục bầu cử bổ sung/thay thế các thành viên) để các cổ đông thông qua làm căn cứ áp dụng tại cuộc họp. Các quy chế này đều được gửi kèm với tài liệu họp và công bố trên website của Ngân hàng tối thiểu 07 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp để các cổ đông có thời gian nghiên cứu và đóng góp ý kiến.

Theo thông lệ tại các cuộc họp và theo quy định của pháp luật về các nội dung cần phải được báo cáo/thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, các báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Điều hành và hoạt động của HĐQT, các ủy ban trực thuộc, các báo cáo của Tổng Giám đốc (TGD) về tình hình hoạt động của Ngân hàng, các đề xuất về phương án phân phối lợi nhuận, phương án tăng vốn, các kế hoạch hoạt động hàng năm của Ngân hàng đều được trình bày, thảo luận trước khi ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết.

Ngân hàng đã áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể giám sát tốt nhất các kết quả kiểm tra tư cách đại biểu và kết quả biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp cũng như rút ngắn thời gian thực hiện các công việc này.

Năm 2015, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên đã được tổ chức vào ngày 20/04/2015. Trong cuộc họp này, ĐHĐCĐ đã tiến hành bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 5 năm mới. Đồng thời, ĐHĐCĐ cũng đã thông qua các báo cáo của HĐQT, BKS, TGD; thông qua các phương án phân phối lợi nhuận, phương án tăng vốn và các nội dung khác theo thẩm quyền.

Ngoài việc định kỳ hàng năm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường và việc biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Các tài liệu trước khi tổ chức họp/xin ý kiến bằng văn bản được đăng tải trên website của Ngân hàng.

Các cổ đông không nhận được thư mời/thư xin ý kiến vẫn có thể tra cứu và in các tài liệu để biểu quyết. Thời gian để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thường từ 10-30 ngày, phù hợp với nội dung công việc và đủ để cổ đông có thể nghiên cứu và gửi lại ý kiến của mình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến của thành viên BKS và Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Ngân hàng trong vòng 24 giờ sau khi lập.

Trong năm 2015, ngoài việc đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ định kỳ, VPBank cũng đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản một số lần để thông qua phương án tăng vốn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thông qua chủ trương bán một phần vốn góp tại các công ty con VPBS, VPFC...

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. CƠ CẤU CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT VPBank bao gồm:

- Ông Ngô Chí Dũng: Chủ tịch HĐQT;
- Ông Bùi Hải Quán: Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Lò Bằng Giang: Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Lương Phan Sơn: Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Đức Vinh: Thành viên HĐQT (kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng);
- Ông Nguyễn Văn Hào: Thành viên độc lập HĐQT.

Năm 2015 là năm bầu lại nhiệm kỳ mới của HĐQT. Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 05 năm, các thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT VPBank bắt đầu từ năm 2015 và sẽ kết thúc vào năm 2020, trong đó có 5 thành viên trong tổng số 6 thành viên HĐQT nhiệm kỳ cũ đã tái đắc cử trong nhiệm kỳ mới này của HĐQT.

Cơ cấu của HĐQT nhiệm kỳ mới vẫn giữ nguyên như năm 2014 với 06 thành viên, trong đó bao gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên điều hành và 01 thành viên thông thường.

Số lượng thành viên và cơ cấu HĐQT như hiện nay đáp ứng đủ theo yêu cầu của pháp luật và phù hợp với quy mô của Ngân hàng. Các thành viên HĐQT VPBank đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của NHNN Việt Nam và VPBank. Các thành viên HĐQT hiện tại là những người có thể mạnh về kinh nghiệm quản lý điều hành các lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

Năm 2015, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ vào 04 quý. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, HĐQT cũng đã thực hiện việc cho ý kiến bằng văn bản để đáp ứng kịp thời các yêu cầu vận hành và phát triển của Ngân hàng. HĐQT đã thảo luận và thông qua các nghị quyết chính sau:

- Thông qua kế hoạch ngân sách và kinh doanh 2015;
- Các Nghị quyết về việc bổ nhiệm, cơ cấu nhân sự trong các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc;
- Phê duyệt các nội dung trình ĐHCĐ tháng 4/2015; thông qua/phê duyệt báo cáo thường niên 2014;
- Định hướng kế hoạch kinh doanh hàng quý; rà soát và điều chỉnh các chiến lược bộ phận về kinh doanh và vận hành; rà soát và điều chỉnh kế hoạch năm sau 6 tháng thực hiện;
- Kế hoạch cơ cấu lại hệ thống mạng lưới, kế hoạch mở rộng mạng lưới năm 2015;
- Tổ chức các cuộc họp thảo luận, thống nhất và truyền thông về chiến lược 5 năm tiếp theo của Ngân hàng cho các cán bộ quản lý cấp cao;
- Phê duyệt các đề xuất vượt thẩm quyền của TGD và các hội đồng, ủy ban như: Hội đồng Tín dụng, Ủy ban Điều hành, Hội đồng Đầu tư...
- Ban hành (điều chỉnh) các quy chế, chính sách về phân cấp ủy quyền tại Ngân hàng, quy định về nghiệp vụ chứng từ, phê duyệt tín dụng, chế độ tài chính của Ngân hàng;
- Ban hành (điều chỉnh) quy chế tổ chức hoạt động của các Khối Vận hành, Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư, Khối Dịch vụ Ngân hàng số, Khối Quản trị Nguồn nhân lực, Khối Khách hàng Doanh nghiệp...;
- Thảo luận và thông qua các định hướng về tăng trưởng vốn của Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu kinh doanh; các kế hoạch thoái vốn tại các công ty con, kế hoạch bán và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nước ngoài;
- Thông qua các kế hoạch tăng vốn cho Công ty Tài chính TNHH MTV VPBank;
- Thảo luận và thông qua các kế hoạch tăng trưởng tín dụng phù hợp với tình hình kinh doanh và định hướng chiến lược, trình NHNN phê duyệt các tỷ lệ tăng trưởng cụ thể trong mỗi thời kỳ;
- Thảo luận và thông qua các định hướng và kế hoạch bán nợ xấu của Ngân hàng cho VAMC và các định hướng triển khai thu hồi nợ xấu;
- Thống nhất các đề xuất về mua/bán tài sản của Ngân hàng, phục vụ cho nhu cầu sử dụng và xử lý nợ.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN TRỰC THUỘC

1. ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban Nhân sự có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT và BKS; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank; tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc (TGD); xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chỉ cho nhân viên trình HĐQT phê duyệt; tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng...; quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng. Ủy ban Nhân sự họp định kỳ hàng tháng.

Thành phần của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Thành viên

Trong năm 2015, Ủy ban Nhân sự đã tổ chức 12 cuộc họp và thông qua các nghị quyết cơ bản sau:

- ✓ Tư vấn đề HĐQT ban hành/sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của một số đơn vị trong Ngân hàng: Khối Quản trị Nguồn nhân lực, Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Khối Vận hành...
- ✓ Phê duyệt việc đầu tư các phần mềm chuyên dụng cho Khối Quản trị Nguồn nhân lực để việc quản trị nhân sự đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của Ngân hàng;
- ✓ Phê duyệt chương trình nâng cao phúc lợi của CBNV, bao gồm chính sách tăng số ngày nghỉ phép, chế độ nhà công vụ...
- ✓ Rà soát, phê duyệt một số chương trình thương mại số áp dụng cho các vị trí bán hàng của các Khối kinh doanh;
- ✓ Phê duyệt, tuyển dụng/ bổ nhiệm/ điều chuyển/ rà soát lương cho trên 1.500 vị trí quản lý của Ngân hàng và các Công ty con;
- ✓ Phê duyệt phương án rà soát lương toàn Ngân hàng nhằm đảm bảo tính thu hút và cạnh tranh trên thị trường; các giải pháp liên quan đến chế độ giữ chân nhân tài;
- ✓ Phê duyệt thực hiện dự án Văn hóa doanh nghiệp năm 2015, với các nội dung triển khai hướng vào các đối tượng là cấp báo cáo trực tiếp cho giám đốc khối và giám đốc trung tâm báo cáo trực tiếp cho TGD;
- ✓ Khởi động và thông qua chương trình tìm kiếm nhân tài, tìm kiếm các vị trí trọng yếu trong mô hình hoạt động của các khối; xác định danh sách các vị trí quan trọng của Ngân hàng và các chế độ lương thưởng tương ứng;
- ✓ Phê duyệt nguyên tắc cho dự án nhân sự kế cận và đội ngũ nhân tài của Ngân hàng;
- ✓ Rà soát và có ý kiến chỉ đạo về dự án Tối ưu hóa mô hình tổ chức hoạt động và cơ cấu nhân sự;
- ✓ Rà soát tiến độ các dự án, sáng kiến của Khối Quản trị Nguồn nhân lực đã và đang triển khai trong năm 2015 và các đề xuất cho năm 2016;
- ✓ Rà soát chiến lược và thông qua các định hướng hoạt động của Học viện VPBank;
- ✓ Phê duyệt kế hoạch sử dụng cộng tác viên và phương án quản lý, các chính sách áp dụng cho các nhóm công việc này;
- ✓ Phê duyệt báo cáo chi phí nhân sự năm 2015 (xem xét các chỉ tiêu liên quan đến năng suất lao động, so sánh lương với quá khứ và với thị trường, báo cáo chi tiết chi phí nhân sự của các Khối trọng yếu) để có các đánh giá về thực tế chi phí cho nhân sự của Ngân hàng để đánh giá tính hiệu quả của nhân sự của Ngân hàng; đánh giá và thông qua kế hoạch chi phí nhân sự cho năm 2016;
- ✓ Xem xét các phân tích và có các chỉ đạo kịp thời hàng tháng về các chỉ số nhân sự và hoạt động hàng tháng của Khối Quản trị Nguồn nhân lực và các công ty con;
- ✓ Thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc toàn hàng kỳ I năm 2015 và cả năm 2015.

2. ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Ủy ban Quản lý Rủi ro có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ

rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý; phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống ngân hàng... Ủy ban Quản lý Rủi ro tổ chức họp định kỳ 1- 2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

Thành phần của Ủy ban Quản lý Rủi ro bao gồm:

1	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
5	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	Thành viên
7	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Thành viên
8	Ông Dmytro Kolechko	Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro	Thành viên

Trong năm, Ủy ban Quản lý Rủi ro đã tổ chức 05 cuộc họp và thông qua các nghị quyết cơ bản sau:

- Điều chỉnh các hạn mức tín dụng theo ngành cho phù hợp với tình hình thị trường và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng; giao trách nhiệm cho các đơn vị liên quan trong việc quản lý, giám sát hạn mức;
- Thống nhất điều chỉnh lại quy trình phê duyệt sản phẩm đối với một số sản phẩm trọng yếu của Khối KHCN và SME để đảm bảo đánh giá được hiệu quả và rủi ro của sản phẩm được rõ ràng;
- Thông qua đề xuất của Khối Quản trị Rủi ro về điều chỉnh phương thức tính toán dự phòng cho Ngân hàng;
- Phê duyệt chủ trương ban hành quy trình thu hồi nợ, xử lý nợ mới (phân đoạn các khoản nợ quá hạn và trách nhiệm đầu mối xử lý của các đơn vị liên quan đối với từng nhóm nợ trong việc thu hồi, xử lý);
- Phê duyệt về chủ trương việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức và định biên nhân sự, ngân sách hoạt động của Trung tâm Thu hồi nợ; Phòng Quản trị Rủi ro Khách hàng Doanh nghiệp; Phòng Giám sát Tín dụng; Phòng Quản trị Rủi ro Hoạt động; Phòng Điều tra và Phòng chống Gian lận của Khối Quản trị Rủi ro phù hợp với chức năng nhiệm vụ và phạm vi công việc mới, trình Ủy ban Nhân sự, HĐQT phê duyệt;
- Phê duyệt chiến lược triển khai khung quản trị rủi ro hoạt động, mô hình hoạt động và nhân sự của bộ phận chuyên môn phụ trách rủi ro hoạt động;
- Phê duyệt chiến lược thực hiện quy trình khép kín cho phòng chống gian lận và xây dựng "văn hóa" không khoan nhượng với gian lận;
- Thành lập Ủy ban Scoring như là một tiểu ban của Ủy ban Quản trị Rủi ro, trong đó trưởng tiểu ban là Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên là TGD và Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, có chức năng xem xét và phê duyệt các vấn đề có liên quan đến thẻ điểm (scorecard) cho các sản phẩm của Ngân hàng;
- Xem xét, đánh giá rủi ro trên các sản phẩm và khuyến nghị các Hội đồng, ủy ban liên quan về tính rủi ro của các sản phẩm cho vay;
- Xem xét các đề xuất của Khối Quản trị Rủi ro và các đơn vị chuyên môn liên quan về phương pháp tính dự phòng mới theo chuẩn quốc tế, trình HĐQT xem xét phê duyệt phương pháp và lộ trình thực hiện.

■ CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN TRỰC THUỘC BAN ĐIỀU HÀNH CÓ SỰ THAM GIA CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

1. HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tín dụng vượt hạn mức quyết định của các Ban Tín dụng tại chi nhánh, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất của các bộ phận chuyên môn; xem xét việc miễn giảm lãi, phí liên quan đến tín dụng theo Quy chế miễn giảm lãi, phí của VPBank; khuyến nghị HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay, Hội đồng Tín dụng các cấp của VPBank đã gia tăng tần suất họp, tiến hành tổ chức họp hàng ngày giải quyết kịp thời nhu cầu xét duyệt các khoản tín dụng theo thẩm quyền. Thành phần của Hội đồng Tín dụng có thể bao gồm các thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc Khối Tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro và có thể có chuyên gia phê duyệt cấp cao của Ngân hàng.

Năm 2015, Hội đồng Tín dụng đã tổ chức gần 100 cuộc họp, xem xét 1.146 hồ sơ. Trong đó, Hội đồng đã thảo luận và thông qua hơn 1.000 nghị quyết phê duyệt các đề xuất cấp tín dụng, thay đổi điều kiện cấp tín dụng đối với các khoản vay có giá trị từ 50 tỷ

đồng trở lên hoặc các khoản vay có ngoại lệ khác biệt so với quy định của VPBank mà các ngoại lệ khác biệt đó được đánh giá là có rủi ro cao cho Ngân hàng.

Trong năm 2015, Hội đồng Tín dụng cũng đã đề xuất, tham vấn Hội đồng Quản trị thông qua việc sửa đổi một số nội dung trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Tín dụng và Quy định về phê duyệt tín dụng của VPBank cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ

Hội đồng có chức năng xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng có giá trị vượt hạn mức phê duyệt của Tổng Giám đốc, Hội đồng Thành viên các công ty con và các hạn mức cụ thể khác theo quy định tại Quy chế tài chính của Ngân hàng. Hội đồng Đầu tư VPBank cũng có vai trò quyết định các hạn mức kinh doanh đối với các tổ chức tín dụng và các đề xuất kinh doanh kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác. Hội đồng Đầu tư họp định kỳ hàng quý và cho ý kiến phê duyệt đối với các đề xuất phát sinh của Ngân hàng bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Năm 2015, Hội đồng đã thông qua gần 100 quyết định: phê duyệt các đề xuất đầu tư tài chính (các phương án mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, kỳ phiếu, các hạn mức giao dịch tài chính với các định chế tài chính...), và một số nội dung phê duyệt chi phí lớn vượt thẩm quyền của các cấp quản lý do TGD đề xuất (các dự án thuê/mua văn phòng làm trụ sở làm việc, các dự án mua mới hệ thống khởi tạo khoản vay, đầu tư các hệ thống phần cứng công nghệ thông tin, dự án dự phòng phục hồi thảm họa cho các hệ thống CNTT chủ chốt, đầu tư hệ thống quản lý thẻ mới, dự án eBanking và trực tích hợp doanh nghiệp...)

3. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - CÓ

Hội đồng có chức năng nghiên cứu và đề ra các chiến lược nhằm cơ cấu bảng cân đối tài sản, quản lý cấu trúc bảng cân đối tài sản của Ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro đối với Ngân hàng; xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do sự chênh lệch giữa Tài sản có và Tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất; quản lý rủi ro thị trường đối với các biến động về tỷ giá và lãi suất; chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị; quản lý vốn chủ sở hữu đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Trong năm 2015, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) đã tiến hành các cuộc họp định kỳ hàng tháng (tổng số 12 cuộc họp), và các cuộc họp Thường trực ALCO hàng tuần và đột xuất khi cần thiết nhằm trao đổi và quyết định các vấn đề về tối ưu hóa bảng cân đối tài sản, các chỉ số hiệu quả và các chỉ số an toàn tài chính căn cứ trên chiến lược phát triển của Ngân hàng, các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế và dựa trên tình hình thực tế của Ngân hàng (cân đối nguồn vốn và sử dụng nguồn...).

Trong năm 2015, bảng cân đối tài sản của Ngân hàng đã được cấu trúc lại một cách hiệu quả và an toàn hơn đối với cả huy động và sử dụng vốn. Tại mỗi thời điểm, ALCO đã có những khuyến nghị, yêu cầu, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và các khối kinh doanh phối hợp triển khai các nội dung phù hợp với tình hình thị trường, chính sách vĩ mô và những yêu cầu của Ban lãnh đạo Ngân hàng:

- Phân tích chi tiết khả năng sinh lời kết hợp với rủi ro của Tài sản có, chi tiết theo khối, sản phẩm, nhóm khách hàng nhằm xác định các phương án phân bổ nguồn vốn hiệu quả, tối ưu hóa bảng cân đối, cải thiện chỉ số an toàn vốn (CAR) của Ngân hàng;
- Thực hiện dự báo chi tiết tăng trưởng dư nợ (theo khách hàng, mục đích vay vốn, tài sản đảm bảo...) theo từng khối định kỳ hàng tuần nhằm kiểm soát chặt chẽ tín dụng, cấu trúc lại các khoản tín dụng có mức độ rủi ro cao, ảnh hưởng đến chỉ số an toàn vốn. Tập trung ưu tiên cho vay đối với các khối chiến lược của Ngân hàng là KHCN và SME, rà soát và chọn lọc các khoản vay có hệ số rủi ro thấp, có hiệu quả và mang lại thu nhập cao, thu hồi những khoản cho vay không hiệu quả...;
- Thực hiện phân tích các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng (stress test) đối với chỉ số CAR, rà soát các phương án nhằm cải thiện chỉ số và tình hình thực hiện các phương án này;
- Giám sát chỉ số Tổng dư nợ/Tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn; Thực hiện phân tích các kịch bản khác nhau về thị trường ngoại tệ đến hết năm 2015, từ đó có các đề xuất cụ thể cùng với những giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh, và các mục tiêu về: trạng thái ngoại tệ, tỷ lệ LDR... và định hướng thúc đẩy/hạn chế các sản phẩm liên quan đến ngoại tệ.

4. ỦY BAN ĐIỀU HÀNH

Ủy ban có chức năng xem xét, đề xuất HĐQT phê duyệt các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch hành động ngắn hạn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị; đưa ra các đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế trình HĐQT phê duyệt; xem xét và thảo luận đối với các đề xuất triển khai dự án quan trọng của Ngân hàng. Ủy ban Điều hành tiến hành họp định kỳ hàng tháng, có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT, BKS.

Thành phần của Ủy ban Điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT và có thể có các thành viên HĐQT khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT; TGD; Giám đốc các Khối, Giám đốc các Trung tâm trực thuộc TGD. TGD là Chủ tịch của Ủy ban Điều hành.

Năm 2015, Ủy ban Điều hành đã họp định kỳ 12 cuộc họp trong 12 tháng, một số nội dung đã thảo luận và thông qua trong các cuộc họp:

- Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2015 so với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, thảo luận những điểm đạt được, chưa hoàn thành và những khó khăn vướng mắc;
- Thảo luận các kế hoạch hành động 2016 theo định hướng hoạt động từ HĐQT;
- Thống nhất triển khai các chủ trương, định hướng kinh doanh trong từng giai đoạn: tăng tỷ trọng thu phí trên tổng doanh thu; các đơn vị kinh doanh phối hợp lập phương án nhằm tăng cường bán chéo sản phẩm và các dịch vụ chăm sóc khách hàng; các đơn vị kinh doanh rà soát lại danh mục dư nợ, tập trung vào đánh giá chất lượng, hiệu quả của từng khoản vay, kiểm soát tăng trưởng tín dụng trong mỗi giai đoạn; đẩy mạnh việc chăm sóc khách hàng tạo nên sự kết nối giữa các kênh dịch vụ tại quầy và kênh dịch vụ tập trung từ Hội sở;
- Thống nhất định hướng cho các Khối Khách hàng Cá nhân và SME trong việc rà soát và lập phương án cấu trúc lại các chi nhánh và trung tâm kinh doanh, ưu tiên tập trung vào các thành phố lớn, thị trường tiềm năng, có đánh giá cụ thể cho các trường hợp cần di dời hoặc đóng cửa các điểm kinh doanh nhỏ, không hiệu quả;
- Yêu cầu ban lãnh đạo & cấp quản lý của các khối đề cao công tác truyền thông chuyển đổi để đẩy mạnh tinh thần và ý thức cho toàn thể cán bộ nhân viên trong việc hướng ứng, thực hiện và triển khai các dự án chuyển đổi của Ngân hàng về văn hóa doanh nghiệp và mô hình kinh doanh, quản lý;
- Thảo luận và thống nhất chủ trương việc triển khai các dự án của Ngân hàng: dự án Tối ưu hóa chi phí, dự án Triển khai hệ thống thẻ mới, dự án về An toàn an ninh thông tin, dự án Đảm bảo Kinh doanh liên tục... trình các Hội đồng, Ủy ban phê duyệt theo thẩm quyền;
- Đề xuất HĐQT thành lập khối kinh doanh mới cho phân khúc khách hàng Hộ gia đình theo kết quả dự án thí điểm đã được triển khai từ năm trước;
- Chỉ đạo Khối Quản trị Rủi ro tổ chức hội thảo và đẩy mạnh truyền thông về Basel II, nâng cao nhận thức của các đơn vị liên quan về tầm quan trọng của việc thực hiện theo chuẩn Basel II đối với hoạt động của Ngân hàng và lộ trình thực hiện của Ngân hàng;
- Các đơn vị rà soát chương trình hành động cả năm 2015 và xây dựng chương trình hành động năm 2016; thống nhất ban định hướng hoạt động 2016 trình HĐQT phê duyệt và ban hành kế hoạch hành động 2016.

5. ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động (UB QTRRHĐ) có chức năng thực hiện quản trị các rủi ro hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tính hiệu quả của việc ban hành và giám sát thực hiện chính sách quản trị rủi ro hoạt động, chỉ đạo phổ biến kiến thức và văn hóa quản trị rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống.

UB QTRRHĐ có nhiệm vụ xem xét và phê duyệt chiến lược tổng thể về quản trị rủi ro hoạt động; khung quản trị rủi ro hoạt động; chính sách, quy định có liên quan đến rủi ro hoạt động, chiến lược về vốn cho quản trị rủi ro hoạt động; giám sát các công tác triển khai, thực thi và quản trị rủi ro hoạt động; báo cáo định kỳ và bất thường tới HĐQT và Ủy ban Quản lý Rủi ro những vấn đề phát sinh.

Thành phần của Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động bao gồm thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Giám đốc Khối Vận hành, Trưởng BKS, Trưởng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ.

Năm 2015, Ủy ban đã tiến hành 05 cuộc họp thông qua các nội dung liên quan đến định hướng quản trị rủi ro hoạt động của Ngân hàng:

- Theo dõi, đánh giá, thảo luận và thống nhất các giải pháp đối với các vấn đề, sự kiện/tôn thất liên quan đến rủi ro hoạt động;
- Tiếp tục theo dõi và thống nhất các giải pháp đối với phát hiện của Kiểm toán nội bộ (về các vấn đề rủi ro mang tính hệ thống);
- Đẩy mạnh các chủ trương về điều tra và phòng chống gian lận: Xây dựng các chiến lược truyền thông để nâng cao nhận thức về gian lận của cán bộ nhân viên, thành lập các đường dây nóng để tiếp nhận các sự vụ gian lận được nhanh chóng kịp thời. Đồng thời, phối hợp với các bên liên quan khác trong việc xây dựng cơ chế báo cáo cho các sự kiện rủi ro gian lận ngay khi phát hiện, đề xuất các biện pháp, hình thức chế tài, quy trình xử lý cho các trường hợp gian lận tới các cơ quan chức năng có thẩm quyền;
- Thành lập bộ phận điều phối bảo hiểm, đầu mối theo dõi, yêu cầu bồi thường với các hợp đồng bảo hiểm của Ngân hàng;
- Thống nhất việc triển khai trên toàn hàng các dự án an ninh thông tin, kinh doanh liên tục; thực hiện tuyên truyền và đào tạo trên toàn hệ thống.

IV. BAN KIỂM SOÁT

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Năm 2015, BKS được ĐHĐCĐ bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020 cùng nhiệm kỳ của HĐQT. Ba thành viên của BKS nhiệm kỳ cũ đã được bầu vào BKS nhiệm kỳ mới, trong đó có 02 thành viên chuyên trách (bao gồm Trưởng Ban), đại diện cho ĐHĐCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các báo cáo tài chính thường niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ ngân hàng; giám sát chức năng Kiểm toán Nội bộ thông qua việc quản lý trực tiếp Khối Kiểm toán Nội bộ (KTNB) của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, BKS thường xuyên làm việc với HĐQT và Ban Điều hành để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Thành phần BKS hiện nay bao gồm các thành viên:

1	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban, chuyên trách
2	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên, chuyên trách
3	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

2.1. Hoạt động chung:

- Các cuộc họp của BKS được tổ chức hàng quý. Tuy nhiên khi có các vấn đề đột xuất cần giải quyết, các thành viên BKS thường xuyên chủ động họp thảo luận, đưa ra các phương hướng giải quyết phù hợp.
- BKS duy trì việc tổ chức các cuộc họp hàng tháng giữa BKS, KTNB và Ban Điều hành nhằm thảo luận các vấn đề rủi ro hệ thống được phát hiện qua các đợt kiểm toán trong tháng, thống nhất đầu mối, phương án và thời hạn khắc phục các khuyến nghị. BKS, KTNB phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chuyên trách của Ban Điều hành như Kiểm soát Tuân thủ, Quản trị Rủi ro hoạt động để xử lý triệt để các kết quả, kiến nghị kiểm toán, theo dõi rõ ràng và có báo cáo đầy đủ trong các cuộc họp hàng tháng này.
- Các thành viên BKS cũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có, Ban Điều hành... để nắm rõ các thông tin định hướng chiến lược, các kế hoạch kinh doanh, các tình trạng tài chính, tin dụng của Ngân hàng, nhằm củng cố tốt hơn cho định hướng kiểm toán, giám sát hoạt động cho bộ phận KTNB.

2.2. Hoạt động kiểm toán nội bộ

Kế hoạch kiểm toán trực tiếp tại đơn vị và thực hiện thực tế của năm 2015

Theo kế hoạch kiểm toán đã được BKS phê duyệt từ đầu năm và kế hoạch điều chỉnh sáu tháng cuối năm (phù hợp với cập nhật đánh giá rủi ro giữa năm), KTNB đã thực hiện được 54 cuộc kiểm toán, so với 51 cuộc kiểm toán theo kế hoạch đầu năm, trong đó tập trung vào nhiều chuyên đề xuyên suốt để đưa ra các kiến nghị mang tính hệ thống và phù hợp với mô hình hoạt động tập trung hóa của Ngân hàng.

Những thay đổi của thực hiện so với kế hoạch đặt ra chủ yếu do việc cập nhật và đánh giá lại rủi ro trong kỳ, khi có những thay đổi trong mô hình, hoạt động của VPBank và kết quả kiểm toán trước đó.

Các cuộc kiểm toán thực hiện trên thực tế đã bao quát hết các rủi ro chính của các các phân khúc và các quy trình nghiệp vụ và hoạt động cơ bản của Ngân hàng. Ngoài ra, trong năm 2015, KTNB cũng thực hiện các cuộc kiểm toán thực hiện định kỳ theo yêu cầu của pháp luật như kiểm toán hoạt động phòng chống rửa tiền, quản lý thanh khoản...

Kết quả chính đạt được của hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2015

Với mục tiêu đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KTNB của Ngân hàng, trong năm 2015, việc củng cố và xây dựng bộ máy KTNB ngày một hoàn thiện, cập nhật các chính sách, kỹ thuật kiểm toán mới nhất vẫn được chú trọng. Các hoạt động KTNB cũng đã bắt kịp được xu hướng phát triển, thay đổi của mô hình hoạt động của Ngân hàng và tiếp tục áp dụng nâng cao phương pháp kiểm toán "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao. Do đó hoạt động kiểm toán đã bao phủ được toàn bộ các hoạt động, phân khúc, bộ phận, quy trình... có rủi ro cao; phát hiện nhiều vấn đề hệ thống và đưa ra các kiến nghị nhằm giảm thiểu rủi ro, có giá trị gia tăng và củng cố các lỗ hổng kiểm soát trong các hoạt động chính của Ngân hàng. Ngoài ra, cũng đã góp phần ngăn chặn và xử lý được nhiều trường hợp vi phạm, gian lận xảy ra trong các hoạt động của ngân hàng đặc biệt là hoạt động tín dụng.

Cụ thể:

- Thực hiện được 54 cuộc kiểm toán, đưa ra được nhiều phát hiện hệ thống nhằm cải thiện các hoạt động kiểm soát của Ngân hàng; Song song với các phát hiện hệ thống, KTNB cũng phát hiện các vi phạm của các cá nhân trong quá trình thực hiện tác nghiệp nhằm ngăn chặn các rủi ro, thất thoát cho Ngân hàng.

- Các phát hiện hệ thống và các kiến nghị cải thiện hệ thống KTNB liên quan đến các hoạt động chính sau:
 - ✓ Quản lý sản phẩm ở các phân khúc;
 - ✓ Hoạt động phân bổ hồ sơ, thẩm định và phê duyệt;
 - ✓ Quản lý tài sản bảo đảm (định giá, dữ liệu, bảo hiểm, kho hàng...);
 - ✓ Công tác kiểm soát tình hình hoạt động khách hàng sau giải ngân;
 - ✓ Hoạt động của các kênh bán và kênh thay thế;
 - ✓ Dịch vụ khách hàng;
 - ✓ Hoạt động quản trị rủi ro: quản trị các giới hạn, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường;
 - ✓ Hoạt động thuê ngoài (về quy trình, vận hành và hiệu quả...);
 - ✓ Chất lượng báo cáo và dữ liệu của Ngân hàng;
 - ✓ Hoạt động quản trị nguồn nhân lực (thẩm tra, tuyển dụng, tiếp nhận nhân sự...);
 - ✓ Hệ thống công nghệ thông tin và công tác quản lý dự án.
- Rà soát và cập nhật chính sách KTNB: Ban hành Sổ tay KTNB hướng dẫn phương pháp kiểm toán theo định hướng rủi ro; Ban hành Quy trình phối hợp xử lý kết quả kiểm toán nội bộ tại Khối KTNB;
- Hoàn thành và đưa vào thực hiện phần mềm Kiểm toán giai đoạn II với hai modules chính là: Thực hiện kiểm toán và Theo dõi khắc phục cho các cuộc kiểm toán trong tháng 1/2016. Dự kiến phần mềm giai đoạn 2 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng toàn bộ các modules vào cuối tháng 2/2016;
- Công tác đào tạo của Khối KTNB trong năm 2015 được phát triển mạnh mẽ hơn về hình thức và nội dung đào tạo: Nhân sự KTNB đã tham gia được 30 chủ đề đào tạo chủ đạo (đào tạo và hướng dẫn của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng: 18 chủ đề; đào tạo nội bộ: 11 chủ đề; đào tạo thuê ngoài 1 chủ đề và các chương trình hội thảo, diễn đàn khác);
- Công tác giám sát khắc phục các phát hiện hệ thống của KTNB cũng được đẩy mạnh và đôn đốc, khắc phục được triệt để trên 90% phát hiện trong thời hạn theo dõi. Trong năm 2015, VPBank đã khắc phục được 449 phát hiện hệ thống cần theo dõi;
- Hoàn thành tốt công tác hỗ trợ thanh tra, kiểm toán độc lập và các báo cáo NHNN và các chức năng, nhiệm vụ khác của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của BKS và của HĐQT.

Ngoài những báo cáo chính thức được gửi tới HĐQT, BKS, TGD kịp thời sau mỗi đợt kiểm toán, hàng tháng Kiểm toán nội bộ đều có cuộc họp định kỳ với Ban Điều hành để đưa ra các vấn đề chính cần cải thiện, khắc phục nhằm nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, cải thiện hệ thống quy trình, quy chế nhằm ngăn chặn các rủi ro, đảm bảo hoạt động Ngân hàng phát triển an toàn.

V. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo chính sách về Ngân sách, thù lao cho HĐQT, BKS VPBank đã được ĐHCĐ phê duyệt, tương ứng bằng 1% lợi nhuận hợp nhất trước thuế (chính sách này không thay đổi từ năm 2012). Như vậy, với kết quả hoạt động kinh doanh 2015 có mức lợi nhuận hợp nhất trước thuế là trên 3.000 tỷ đồng thì mức ngân sách chi thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát VPBank năm 2015 tương ứng khoảng 30 tỷ đồng.

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua và không thay đổi từ năm 2012, theo đó, đối với từng thành viên hàng tháng sẽ nhận mức thù lao bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT. Năm 2015, HĐQT quyết định điều chỉnh tăng lên gần 20% cho các mức thù lao cố định và thù lao theo phiên họp của các thành viên HĐQT.

Theo đó, năm 2015, tổng mức thù lao chi thực tế cho các thành viên HĐQT và BKS là khoảng 10,2 tỷ đồng.

VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Việc công khai lợi ích liên quan của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và thành viên Ban Điều hành (TGD và các Phó TGD) và kê khai người có liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm vào đầu năm và trong năm khi có phát sinh thay đổi so với bản đã công bố. Bộ phận Thư ký Công ty thuộc Văn phòng HĐQT gửi yêu cầu cho các thành viên và tập hợp các bản tài liệu này để công bố thông tin cho các đơn vị làm căn cứ xác định người có liên quan với Ngân hàng và thực hiện các thủ tục theo quy định khi ngân hàng có phát sinh giao dịch với những người này. Với các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Người có liên quan của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, định kỳ hàng tháng VPBank cũng lập báo cáo NHNN để giám sát và kiểm soát.

Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với Người có liên quan, trong quy định nội bộ của Ngân hàng, các hợp đồng, giao dịch được phép giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành và người có liên quan của các

thành viên này đều phải được HĐQT hoặc Hội đồng/Ủy ban trực thuộc HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, thành viên có liên quan không được tham gia biểu quyết. Các giao dịch đều được ký kết hợp đồng hoặc có chứng từ rõ ràng; được thẩm định, đánh giá, đề xuất theo quy trình minh bạch và rõ ràng như thực hiện với các hợp đồng khác.

Cũng theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Ngân hàng không được cấp tín dụng cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD và các chức danh tương đương cũng như cha, mẹ, vợ, chồng, con của các thành viên này. Trong năm qua VPBank đã tuân thủ nghiêm túc việc không cho vay những đối tượng này.

Theo kế hoạch năm 2016, VPBank dự kiến sẽ xây dựng quy định riêng cho Ngân hàng về Người có liên quan và giao dịch với Bên liên quan của Ngân hàng, nhằm nâng cao tính minh bạch và ngăn ngừa xung đột lợi ích trong hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng.

VII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

VPBank thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo quy định của NHNN và quy định áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn của Bộ Tài chính.

VPBank đã xây dựng một bộ phận chuyên trách thực hiện các báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm việc kết nối hệ thống chuyên tin báo cáo theo ngày, tháng, quý, năm định kỳ theo quy định. Số lượng báo cáo trung bình theo mẫu biểu yêu cầu khoảng 120 báo cáo/tháng; và hàng trăm các báo cáo truyền file theo quy định. Bên cạnh đó, với các vấn đề phát sinh theo các quy định và báo cáo theo chuyên đề, theo các mục tiêu giám sát/quản lý/đánh giá... đột xuất từ các cơ quan chức năng thì tùy nội dung, TGD sẽ phân công các đơn vị chuyên môn có liên quan để thực hiện.

Ngoài ra, với vai trò là công ty đại chúng quy mô lớn, VPBank cũng thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính. Theo đó, VPBank thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường của Ngân hàng thông qua phần mềm công bố thông tin theo quy định Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang tin điện tử của VPBank và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.

Hàng năm, các thông tin công bố chính bao gồm:

- Báo cáo tài chính:
 - _ Báo cáo tài chính năm, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán được chấp thuận và được công bố trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - _ Báo cáo tài chính bán niên, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và được công bố trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.
 - _ Báo cáo tài chính quý, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của ngân hàng, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- Báo cáo thường niên.
- Báo cáo quản trị công ty được công bố định kỳ 6 tháng và hàng năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- Các thông tin liên quan của cổ đông lớn cũng được công bố theo quy định.
- Các thông tin khác được công bố định kỳ hoặc bất thường khi có phát sinh theo quy định.

Ngoài các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật, Ngân hàng cũng chủ động công bố các thông tin về chiến lược của ngân hàng, các thông tin về sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại, các sự kiện lớn ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và các hoạt động an sinh, xã hội trên các phương tiện truyền thông và website của Ngân hàng.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy chế nội bộ của Ngân hàng về phát ngôn và công bố thông tin, do Trung tâm Truyền thông & Tiếp thị và Văn phòng HĐQT làm đầu mối cung cấp sau khi đã được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

VIII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31/12/2015 là 805.646.600 cổ phần (bằng chữ: tám trăm linh năm triệu sáu trăm bốn sáu ngàn sáu trăm cổ phần). Trong đó:

Cổ phần phổ thông : 732.427.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi cổ tức : 73.219.600 cổ phần

Toàn bộ số cổ phần này đều là loại đang lưu hành. Việc quản lý sổ cổ đông của toàn bộ số cổ phần được thực hiện tại Công ty Chứng khoán VPBank theo Hợp đồng ủy quyền quản lý sổ cổ đông từ năm 2008.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH11: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người

đại diện là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”. Và theo quy định tại theo Khoản 3 Điều 53 Luật các Tổ chức Tín dụng 47/2010/QH11: “Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý, điều hành khác của tổ chức tín dụng không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do tổ chức tín dụng đó phát hành”. Do vậy, các thành viên HĐQT, BKS, TGD VPBank không sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức và các cổ phần phổ thông do họ sở hữu đều là thuộc loại hạn chế chuyển nhượng.

Tại thời điểm 31/12/2015, sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và TGD của VPBank như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại VPBANK	Số cổ phần phổ thông sở hữu	Tỷ lệ SHCP phổ thông/VDL	Tỷ lệ SHCP ưu đãi cổ tức
1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	32.841.675	4,08%	Không có
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	11.343.240	1,41%	Không có
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	1.037.697	0,13%	Không có
4	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập HĐQT	-	Không có	Không có
5	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	3.025.670	0,38%	Không có
6	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng BKS	28.841.164	3,58%	Không có
7	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên BKS	35.985.640	4,47%	Không có
8	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên chuyên trách BKS	-	không có	Không có
9	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	-	không có	Không có

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi cổ tức	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông cá nhân	3.490	313.313.221	51.715.219	365.028.500	45,31%
2	Cổ đông pháp nhân	49	419.113.779	21.504.321	440.618.100	54,69%
3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.539	732.427.000	73.219.600	805.646.600	100,00%

3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2015, VPBank đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ từ 7.324.270.000.000 đồng lên thành 8.056.466.000.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phần ưu đãi cổ tức. Nội dung như sau:

- Số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức phát hành thêm: 73.219.600 cổ phần (bằng chữ: bảy mươi ba triệu hai trăm mười chín nghìn sáu trăm cổ phần).
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 732.196.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm ba mươi hai tỷ một trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn).
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 8.056.466.000.000 đồng (tám nghìn không trăm năm mươi sáu tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn).
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành: 805.646.600 cổ phần. Trong đó:
 - Cổ phần phổ thông : 732.427.000 cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi cổ tức : 73.219.600 cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức: 1.287.493.446.000 đồng (một nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Đợt tăng vốn điều lệ lần 2 trong năm 2015, dự kiến tăng từ 8.056.466.000.000 đồng lên 9.181.000.000.000 đồng từ chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông từ nguồn lợi nhuận giữ lại của năm 2014 và phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (chia cổ phiếu thưởng) cho các cổ đông. Tính đến 31/12/2015, VPBank đã có văn bản chấp thuận của NHNN cho nội dung này, nhưng còn phải hoàn thiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật nên chưa thể ghi nhận số vốn điều lệ này trong năm 2015. Dự kiến sẽ hoàn tất quy trình trong tháng 1/2016.

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

VPBank không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm báo cáo.

5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Theo quy định của pháp luật, Cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đương nhiệm. Do đó, trong năm không phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS và TGD.

Các Phó TGD được coi là các cán bộ quản lý của VPBank theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thu ký công ty là các cán bộ thuộc Văn phòng HĐQT. Trong năm, Ngân hàng không có giao dịch chuyển nhượng của các cổ đông này.

6. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI

Ngân hàng hiện không có cổ đông chiến lược nước ngoài.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2015

ĐƯỜNG ĐÀU



**BANKING & FINANCE
RETAIL BANKING
AWARDS 2015**

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SME) VIỆT NAM

Giải thưởng do tạp chí Asian Banking and Finance vinh danh.

VPBank tập trung cung cấp các giải pháp linh hoạt giúp doanh nghiệp SME thích ứng và vượt qua các tình huống đặc thù của thị trường tài chính Việt Nam với các sản phẩm như vay tín chấp, vay trả góp, thẻ tín dụng... Sau 2 năm gia nhập thị trường, VPBank đã được hơn 32.000 doanh nghiệp lựa chọn và gắn bó.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng	0042/NH-GP	ngày 12 tháng 8 năm 1993
	Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày cấp	
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233583	ngày 8 tháng 9 năm 1993
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó bản mới nhất được cấp ngày 06 tháng 03 năm 2015	

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ	Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.056.466 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6.347.410 triệu đồng).	
Mạng lưới hoạt động	Trụ sở chính đặt tại Tầng 1 – 7, Tòa nhà Thủ Đức, Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi tư (164) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) Công ty con.	
Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
	Ông Ngô Phương Chi	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên
	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên chuyên trách
Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Fung Kai Jin	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2015)
	Ông Vũ Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015)
Công ty kiểm toán	Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Công ty con	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp				
	Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%	
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2015	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	1.500 tỷ đồng Việt Nam	100%	

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và các công ty con ("Ngân hàng") được lập ngày 3 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 69, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 6 tháng 3 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2466-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02/TCTD-HN

		Thuyết minh	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.632.425	1.358.034
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	2.261.499	3.701.393
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	14.599.675	13.924.797
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		8.729.745	2.300.846
2	Cho vay các TCTD khác		5.870.661	11.630.402
3	Dự phòng rủi ro		(731)	(6.451)
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	2.043.647	4.243.718
1	Chứng khoán kinh doanh		2.046.735	4.260.016
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(3.088)	(16.298)
V	Cho vay khách hàng		115.062.473	77.255.692
1	Cho vay khách hàng	10	116.804.247	78.378.832
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(1.741.774)	(1.123.140)
VI	Chứng khoán đầu tư	12	47.729.481	47.960.783
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	43.950.621	44.189.329
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	4.520.639	4.022.686
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.3	(741.779)	(251.232)
VII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	322.511	71.831
4	Đầu tư dài hạn khác		322.984	72.304
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(473)	(473)
VIII	Tài sản cố định	14	509.574	602.947
1	Tài sản cố định hữu hình	14.1	325.013	291.025
a	Nguyên giá tài sản cố định		704.679	596.927
b	Khấu hao tài sản cố định		(379.666)	(305.902)
2	Tài sản cố định vô hình	14.2	184.561	311.922
a	Nguyên giá tài sản cố định		339.057	437.365
b	Hao mòn tài sản cố định		(154.496)	(125.443)
IX	Bất động sản đầu tư	15	27.600	28.175
1	Nguyên giá bất động sản đầu tư		29.965	29.965
2	Hao mòn bất động sản đầu tư		(2.365)	(1.790)
X	Tài sản Có khác	16	9.687.543	14.094.008
1	Các khoản phải thu	16.1	1.985.973	7.060.716
2	Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	4.133.763	4.114.405
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	-	-
4	Tài sản Có khác	16.3	3.799.869	3.174.284
	Trong đó: Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)		37.453	62.421
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.4	(232.062)	(255.397)
TỔNG TÀI SẢN			193.876.428	163.241.378
B	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	18	4.821.063	832.555
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	17.764.430	26.228.249
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	19.1	9.603.163	14.694.977
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	19.2	8.161.267	11.533.272

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

III	Tiền gửi của khách hàng	20	130.270.670	108.353.665
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	131.760	215.333
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	383.188	125.246
VI	Phát hành giấy tờ có giá	22	21.859.941	12.409.544
VII	Các khoản nợ phải trả khác	23	5.256.454	6.096.491
1	Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	2.804.740	2.038.490
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	-	264
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	2.451.714	4.057.737
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		180.487.506	154.261.083
C	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Vốn điều lệ	25	8.056.466	6.347.410
II	Thặng dư vốn cổ phần	25	1.288.863	1.369
III	Vốn khác	25	-	-
IV	Các quỹ dự trữ	25	1.324.775	541.381
V	Lợi nhuận chưa phân phối	25	2.718.818	2.090.130
VI	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	-	5
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.388.922	8.980.295
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		193.876.428	163.241.378

31/12/2015

31/12/2014

Triệu đồng

Triệu đồng

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
I	Cam kết bảo lãnh vay vốn		1.373.115	-
II	Cam kết giao dịch hối đoái		36.139.958	37.660.630
1	Cam kết mua ngoại tệ		-	924.626
2	Cam kết bán ngoại tệ		-	926.765
3	Cam kết giao dịch hoán đổi		36.139.958	35.809.239
III	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		6.326.988	2.610.856
IV	Bảo lãnh khác		8.550.490	6.464.718
V	Các cam kết khác		1.171.006	1.680.163
			53.561.557	48.416.367

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	18.758.801	12.404.218
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(8.405.364)	(7.113.131)
I Thu nhập lãi thuần		10.353.437	5.291.087
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.597.313	959.852
4 Chi phí hoạt động dịch vụ		(712.646)	(352.700)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	884.667	607.152
III Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	(290.472)	(89.905)
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	44.587	(4.607)
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	27.966	465.573
5 Thu nhập từ hoạt động khác		957.363	246.408
6 Chi phí hoạt động khác		(82.291)	(253.363)
VI Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	34	875.072	(6.955)
VII Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	33	171.054	8.716
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		12.066.311	6.271.061
7 Chi phí cho nhân viên		(3.183.691)	(1.925.033)
8 Chi phí khấu hao		(144.532)	(107.832)
9 Chi phí hoạt động khác		(2.364.246)	(1.650.119)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(5.692.469)	(3.682.984)
VIII Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		6.373.842	2.588.077
IX Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(3.277.640)	(979.474)
X TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		3.096.202	1.608.603
10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(700.598)	(355.102)
11 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	24.2	264	92
XI Tổng chi phí thuế TNDN		(700.334)	(355.010)
XII LỢI NHUẬN SAU THUẾ		2.395.868	1.253.593
XIII Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	3.072	1.712

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	18.535.899	11.436.872
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.536.405)	(7.182.728)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	891.088	606.685
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	(34.896)	280.556
05	Thu nhập khác	620.946	(77.183)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	251.519	69.994
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(5.065.782)	(3.427.249)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24.1	(502.603)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	7.156.848	1.204.344
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm/(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5.792.760	(1.747.926)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(22.989)	(9.354.176)
11	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(39.866.419)	(28.530.673)
12	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(2.024.786)	(707.090)
13	Giảm khác về tài sản hoạt động	2.616.599	3.641.010
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
14	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	3.988.508	(1.052.902)
15	(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	(8.463.820)	13.094.197
16	Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	21.837.894	24.481.553
17	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	11.530.397	4.808.789
18	Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	257.942	61.509
19	(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(83.573)	164.482
20	Giảm khác về công nợ hoạt động	(1.540.974)	(929.975)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.178.387	5.133.142
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(222.114)	(96.945)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	155.911	1.895
03	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(185.276)	(1.222.817)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	382.702	-
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	2.344	8.716
II	Lưu chuyển tiền từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư	133.567	(1.309.151)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Thuyết minh	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	25.1	-
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.019.690	-
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.331.644	3.823.991
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	9.292.025	5.468.034
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	9.292.025
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM			
	Phát hành cổ phiếu thường từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	44.350	27.526
	Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	932.510	549.884

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

Người kiểm soát:



Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 34 ngày 8 tháng 7 năm 2015. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.056.466 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6.347.410 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tầng 1 – 7, Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi tư (164) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) Công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2015	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	1.500 tỷ đồng Việt Nam	100%

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.927 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.501 nhân viên).

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”). Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam, tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được trình bày theo đơn vị triệu đồng, được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3. Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Trong trường hợp Ngân hàng thoái một phần vốn đầu tư vào công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát và khoản đầu tư vào công ty con trở thành một khoản đầu tư thông thường, Ngân hàng chỉ hợp nhất kết quả kinh doanh từ đầu kỳ đến thời điểm thoái vốn mà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

không hợp nhất toàn bộ tài sản thuần của công ty con. Ngoài ra, trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Ngân hàng điều chỉnh ảnh hưởng gián tiếp của các giao dịch bán công ty con đến các luồng tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và phương thức trình bày báo cáo tài chính liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Phân loại nợ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09")

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Đồng thời, Khoản 3a Điều 10 của Thông tư 02 chính thức hết hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Theo đó, Ngân hàng không được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Khoản 3a, Điều 10.

Thông tư số 49/2014/TT-NHNN - Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc NHNN ("Thông tư 49")

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thống đốc NHNN Việt Nam đã ban hành Thông tư số 49/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015, nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc NHNN. Theo đó, mẫu biểu báo cáo tài chính của Ngân hàng sẽ có một số thay đổi chủ yếu như sau:

- Bổ sung các mẫu biểu bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo các sửa đổi bổ sung tại Thông tư 02, Thông tư 09 và Thông tư 10;
- Bổ sung một số thuyết minh báo cáo tài chính phù hợp với việc sửa đổi báo cáo tài chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202")

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ngân hàng áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Thay thế Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ("Thông tư 200")

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư áp dụng cho báo cáo tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Dưới đây là một số thay đổi của Thông tư 200 so với Quyết định 15 có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính của Ngân hàng:

- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:
 - Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tuong tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).
- Trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Thu nhập khác và chi phí khác: Khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa khoản phải thu từ hoạt động này với giá trị còn lại và chi phí thanh lý được trình bày theo số thuần;
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: Trong trường hợp quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định sau khi trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.
- Các lưu ý về phân phối lợi nhuận:
 - Ngân hàng được phân phối lợi nhuận cho cổ đông không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và nếu số lợi nhuận được phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng, Ngân hàng chỉ thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về Ngân hàng;
 - Khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Ngân hàng.

Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("Thông tư 14")

Theo quy định của Thông tư 14, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt theo thời hạn của trái phiếu. Công thức tính toán dự phòng cụ thể cũng được quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Thông tư. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.4. Dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nhóm nợ	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
3	<p>Nợ dưới tiêu chuẩn</p> <p>(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc</p> <p>(b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc</p> <p>(c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc</p> <p>(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ■ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ■ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. <p>(e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.</p>	20%
4	<p>Nợ nghi ngờ</p> <p>(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc</p> <p>(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</p> <p>(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc</p> <p>(d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</p> <p>(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.</p>	50%
5	<p>Nợ có khả năng mất vốn</p> <p>(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc</p> <p>(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</p> <p>(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc</p> <p>(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc</p> <p>(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</p> <p>(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc</p> <p>(g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.</p>	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Theo Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện kinh doanh;
- Ngân hàng đáp ứng được quy định của NHNN về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chi khi các điều kiện trên được đáp ứng, Ngân hàng có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay khách hàng và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay khách hàng như đã được phân loại hiện tại. Đối với một khoản nợ, việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chỉ được thực hiện 01 (một) lần. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 09 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 02.

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2015 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Các khoản mua nợ từ các tổ chức tín dụng khác và công ty mua bán nợ khác của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản được thực hiện trích lập theo quy định của Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm tài chính.

4.5. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và Ngân hàng có ý định nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Ngân hàng đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

4.6. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/ dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

4.7. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

$X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m ;

X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ $m-1$;

Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;

n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);

m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;

Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ($X_{(m)}$) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh số 4.6*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.8. Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.9. Các khoản phải thu

4.9.1. Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

4.9.2. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.10. Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.12. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5–40 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc thiết bị	3–10 năm
Phần mềm máy vi tính	3–7 năm

4.13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.14. Thuế hoạt động

Các khoản tiền thuế theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.15. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và Thông tư 09 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN của NHNN về việc ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng. Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015, doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Quyết định 59/2006/QĐ-NHNN và Thông tư 09/2015/TT-NHNN, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của Ngân hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 47). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VNĐ trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.17. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.20. Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng chi thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.21. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.22. Các công cụ phái sinh

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

4.23. Lợi ích của nhân viên

4.23.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.23.2. Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.23.3. Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.24. Các quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng:

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh riêng vào cuối năm tài chính.

Các quỹ dự trữ của công ty con:

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB AMC") trích lập các quỹ được thực hiện tương tự như Ngân hàng.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính. VPB AMC ra quyết định kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012, thay thế Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.25. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	850.227	709.463
Tiền mặt bằng ngoại tệ	756.702	555.826
Vàng tiền tệ	25.496	92.745
	1.632.425	1.358.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	2.261.499	3.701.393

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1,20%/năm và 0,05%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc. Trong tháng 12 năm 2015, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3,00% và 8,00% (2014: 3,00% và 8,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ và ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, và tỷ lệ tương ứng là 1,00% và 6,00% (2014: 1,00% và 6,00%) đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ và ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

7.1. Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	843.579	1.057.896
Bằng VNĐ	128.905	223.591
Bằng ngoại tệ	714.674	834.305
Tiền gửi có kỳ hạn	7.886.166	1.242.950
Bằng VNĐ	4.815.000	807.407
Bằng ngoại tệ	3.071.166	435.543
	8.729.745	2.300.846
Dự phòng rủi ro	-	(5.720)
	8.729.745	2.295.126

7.2. Cho vay các TCTD khác

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Bằng VNĐ	5.060.731	8.086.357
Bằng ngoại tệ	809.930	3.544.045
	5.870.661	11.630.402
Dự phòng rủi ro	(731)	(731)
	5.869.930	11.629.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mức lãi suất tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 %/năm	31/12/2014 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,30% - 7,13%	4,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 2,50%	0,10% - 1,70%
Cho vay bằng VND	4,50% - 6,20%	3,00% - 8,20%
Cho vay bằng ngoại tệ	0,50% - 1,50%	1,19% - 4,50%

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.599.675	13.924.797
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	731	6.451
	14.600.406	13.931.248

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

8.1. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	2.046.735	4.026.941
Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương	1.324.317	1.590.990
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác phát hành	722.418	361.346
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	529.214	175.766
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được Chính phủ bảo lãnh	-	2.074.605
Chứng khoán vốn	-	233.075
Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành	-	115.497
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	117.578
	2.046.735	4.260.016
Dự phòng rủi ro và giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.088)	(16.298)
	2.043.647	4.243.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.2. Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	2.046.735	4.026.941
Đã niêm yết	2.046.735	3.839.440
Chưa niêm yết	-	187.501
Chứng khoán vốn	-	233.075
Đã niêm yết	-	5.922
Chưa niêm yết	-	227.153
	2.046.735	4.260.016

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		Giá trị thuần
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	30.504.434	29.872.496	(30.006.656)	(134.160)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.191.830	11.919.271	(12.040.579)	(121.308)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.312.604	17.953.225	(17.966.077)	(12.852)
Công cụ tài chính phái sinh khác	107.050	109.450	(107.050)	2.400
	30.611.484	29.981.946	(30.113.706)	(131.760)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	43.226.798	11.191.967	(11.407.300)	(215.333)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	25.178.021	7.549.617	(7.748.089)	(198.472)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.048.777	3.642.350	(3.659.211)	(16.861)

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 Triệu đồng	%	31/12/2014 Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	116.166.919	99,46	78.128.770	99,67
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	22.893	0,02	20.925	0,03
Các khoản trả thay khách hàng	3.522	-	4.679	0,01
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	564.143	0,48	216.506	0,28
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	46.770	0,04	7.952	0,01
	116.804.247	100	78.378.832	100

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 %/năm	31/12/2014 %/năm
Cho vay thương mại bằng VNĐ	3,00% - 14,00%	3,00% - 14,00%
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	1,60% - 5,00%	1,70% - 5,50%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	106.713.646	74.230.191
Nợ cần chú ý	6.945.556	2.159.699
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.268.015	766.633
Nợ nghi ngờ	523.016	706.443
Nợ có khả năng mất vốn	1.354.014	515.866
	116.804.247	78.378.832

10.2. Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	32.497.945	24.914.040
Nợ trung hạn	56.545.821	37.350.268
Nợ dài hạn	27.760.481	16.114.524
	116.804.247	78.378.832

10.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2015 Triệu đồng	%	31/12/2014 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	1.547.766	1,32	1.836.557	2,35
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	630.928	0,54	1.413.413	1,80
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chỉ phối	414.632	0,35	65.747	0,08
Công ty TNHH khác	28.712.712	24,58	18.564.862	23,69
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chỉ phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	860.868	0,74	697.745	0,89
Công ty cổ phần khác	20.976.352	17,96	18.022.059	22,99
Công ty hợp danh	-	-	752	-
Doanh nghiệp tư nhân	624.926	0,54	466.298	0,59
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	573.459	0,49	593.212	0,76
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	100.609	0,09	79.897	0,10
Hộ kinh doanh, cá nhân	62.234.822	53,28	36.307.720	46,32
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	125.469	0,11	326.284	0,42
Khác	1.704	-	4.286	0,01
	116.804.247	100	78.378.832	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2015 Triệu đồng	%	31/12/2014 Triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4.584.262	3,94	2.386.837	3,04
Khai khoáng	214.216	0,18	171.886	0,22
Công nghiệp chế biến, chế tạo	9.643.927	8,26	7.923.647	10,11
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2.569.617	2,20	2.616.678	3,34
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	620.461	0,53	297.484	0,38
Xây dựng	6.368.949	5,45	4.186.335	5,34
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	7.755.952	6,64	6.336.297	8,08
Vận tải kho bãi	2.687.377	2,30	1.972.396	2,52
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.170.540	1,00	417.437	0,53
Thông tin và truyền thông	1.558.204	1,33	1.525.186	1,95
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.851.196	2,44	1.597.153	2,04
Hoạt động kinh doanh bất động sản	19.078.633	16,33	13.711.398	17,49
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1.115.272	0,95	470.304	0,60
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.738.015	1,49	1.631.780	2,08
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	141.667	0,12	87.812	0,11
Giáo dục và đào tạo	532.416	0,46	287.057	0,37
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	211.920	0,18	171.049	0,22
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	989.411	0,85	878.040	1,12
Hoạt động dịch vụ khác	7.888.924	6,75	9.940.445	12,68
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình	45.070.221	38,59	21.763.499	27,77
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	13.067	0,01	6.112	0,01
	116.804.247	100	78.378.832	100

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 10 của Thông tư 02 và Thông tư 09 của Ngân hàng Nhà nước.

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Dự phòng chung	813.948	573.535
Dự phòng cụ thể	927.826	549.605
	1.741.774	1.123.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Theo Điều 8 của Thông tư 02, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu dự phòng và phân loại nợ của Ngân hàng được lập dựa trên số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2015.

Kết quả phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2015 như sau:

	Số dư (*) Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	100.395.225	752.965	-	752.965
Nợ cần chú ý	6.357.453	47.681	204.524	252.205
Nợ dưới tiêu chuẩn	605.737	4.543	60.812	65.355
Nợ nghi ngờ	1.167.927	8.759	506.132	514.891
Nợ có khả năng mất vốn	1.483.092	-	156.358	156.358
	110.009.434	813.948	927.826	1.741.774

(*) Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2015

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	573.535	549.605	1.123.140
Trích lập trong năm	240.413	2.592.866	2.833.279
Ghi nhận dự phòng do mua nợ VAMC	-	9.522	9.522
Giảm dự phòng do bán nợ cho VAMC	-	(263.984)	(263.984)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	-	(1.960.183)	(1.960.183)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	813.948	927.826	1.741.774

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	43.950.621	44.180.929
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	-	2.385.203
Tín phiếu Kho bạc	-	1.892.890
Trái phiếu Chính phủ	21.024.986	17.279.638
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	12.787.075	11.541.583
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	<i>9.736.500</i>	<i>8.618.211</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	10.138.560	11.081.615
Chứng khoán vốn	-	8.400
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	8.400
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(174.833)	(70.007)
Dự phòng chung	(107.133)	(70.007)
Dự phòng cụ thể	(67.700)	-
	43.775.788	44.119.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 8 tháng đến 15 năm và lãi suất từ 5% đến 13,2%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: có kỳ hạn từ 1 tháng đến 15 năm và lãi suất từ 5,4% đến 13,2%/năm).

Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành có thời hạn từ 7 tháng đến 10 năm và lãi suất từ 5,9% đến 12,7%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 7 tháng đến 10 năm và lãi suất từ 6,1% đến 12,6%/năm).

Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ 1 năm đến 5 năm và lãi suất từ 6,0% đến 15,0%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 1 năm đến 5 năm và lãi suất từ 6% đến 13,5%/năm).

Tổng mệnh giá của các trái phiếu mang đi cầm cố để đảm bảo cho các hợp đồng huy động vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.166.032 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.159.000 triệu đồng).

12.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	4.520.639	3.956.097
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	-	66.589
Dự phòng đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(566.946)	(181.225)
<i>Dự phòng cho trái phiếu do TCKT trong nước phát hành</i>	-	(53.886)
<i>Dự phòng trái phiếu đặc biệt</i>	(566.946)	(127.339)
	3.953.693	3.841.461

12.3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán Triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	70.007	181.225	251.232
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	71.951	450.324	522.275
<i>Trong đó:</i>			
<i>Chứng khoán VAMC (Thuyết minh số 12.2)</i>	-	439.607	439.607
Chứng khoán khác	71.951	10.717	82.668
Ghi tăng lại dự phòng do mua lại trái phiếu từ VAMC	32.875	-	32.875
Sử dụng dự phòng rủi ro trong năm	-	(64.603)	(64.603)
Số dư cuối năm	174.833	566.946	741.779

12.4. Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	12.500.396	11.081.615
Nợ cần chú ý	561.577	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	13.061.973	11.081.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu
Đầu tư vào tổ chức tín dụng				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	38.366	0,08%
Đầu tư vào tổ chức kinh tế				
Công ty CP Vận tải ITRACO	21	0,64%	21	0,64%
Công ty CP Đồng Xuân	5.000	10,00%	5.000	10,00%
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Ngân hàng (BTC)	371	4,78%	371	4,78%
Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Hồ Chí Minh (FIDECO)	15.357	1,67%	15.357	1,67%
Công ty CP Thông tin tín dụng (PCB)	3.934	3,28%	3.934	3,28%
Công ty CP Cảng Sài Gòn	185.276	7,44%	-	-
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS)	104.770	11,00%	-	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	7.705	5,50%	7.705	5,50%
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Thịnh An	550	11,00%	550	11,00%
Công ty TNHH Thịnh Điền	-	-	1.000	10,00%
	322.984		72.304	
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(473)		(473)	
	322.511		71.831	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triều đồng	Máy móc thiết bị Triều đồng	Phương tiện vận tải Triều đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triều đồng	Tài sản cố định khác Triều đồng	Tổng cộng Triều đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	123.314	273.276	86.490	74.852	38.995	596.927
Mua trong năm	301	124.286	20.978	20.342	17.664	183.571
Tặng khác	4.444	1.201	2.551	-	-	8.196
Giảm do phân loại lại tài sản	-	(1.336)	(613)	(786)	(80)	(2.815)
Thanh lý, nhượng bán	(33.553)	(1.571)	(97)	(3.290)	(8.026)	(46.537)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(867)	(2.462)	(31.055)	(279)	(34.663)
Số dư cuối năm	94.506	394.989	106.847	60.063	48.274	704.679
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	16.479	176.160	42.736	49.054	21.473	305.902
Khấu hao trong năm	7.756	54.330	14.747	14.270	9.849	100.952
Tặng khác	4.444	1.201	2.551	-	-	8.196
Tặng/(giảm) do phân loại lại	-	40	207	(152)	(95)	-
Thanh lý, nhượng bán	(5.122)	(1.347)	(87)	(3.228)	(5.965)	(15.749)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(757)	(1.412)	(17.230)	(236)	(19.635)
Số dư cuối năm	23.557	229.627	58.742	42.714	25.026	379.666
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	106.835	97.116	43.754	25.798	17.522	291.025
Số dư cuối năm	70.949	165.362	48.105	17.349	23.248	325.013

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 177.787 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14.2. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	213.012	224.353	437.365
Mua trong năm	-	38.543	38.543
Tặng khác	-	3.482	3.482
Thanh lý, nhượng bán	(122.880)	-	(122.880)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(17.453)	(17.453)
Số dư cuối năm	90.132	248.925	339.057
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	124.575	125.443
Hao mòn trong năm	-	43.005	43.005
Tặng khác	-	3.482	3.482
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(17.434)	(17.434)
Số dư cuối năm	868	153.628	154.496
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	212.144	99.778	311.922
Số dư cuối năm	89.264	95.297	184.561

Trong năm, Ngân hàng đã thanh lý hai tài sản cố định trong đó nguyên giá quyền sử dụng đất lần lượt là 120.558 triệu đồng và 2.322 triệu đồng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 78.426 triệu đồng.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.075	9.890	29.965
Tặng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.075	9.890	29.965
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.790	1.790
Khấu hao trong năm	-	575	575
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.365	2.365
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	20.075	8.100	28.175
Số dư cuối năm	20.075	7.525	27.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

16.1. Các khoản phải thu

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	46.104	50.722
Các khoản phải thu bên ngoài (*)	1.918.724	7.009.743
Xây dựng cơ bản dở dang	21.145	251
	1.985.973	7.060.716

(*) Các khoản phải thu bên ngoài bao gồm đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế, các khoản tiền gửi quá hạn được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và các khoản phải thu bên ngoài khác.

16.2. Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	11.904	26.178
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.675.724	2.098.055
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	2.276.522	1.642.960
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	163.048	331.602
Lãi phải thu ủy thác đầu tư	6.565	13.721
Phí phải thu	-	1.889
	4.133.763	4.114.405

16.3. Tài sản Có khác

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Vật liệu	10.332	10.782
Chi phí trả trước chờ phân bổ	928.885	602.781
Tài sản nhận gán nợ (i)	1.934.353	1.606.192
<i>Bất động sản</i>	<i>1.934.353</i>	<i>1.606.192</i>
Phải thu các hợp đồng ủy thác đầu tư (ii)	887.150	887.150
Lợi thế thương mại	37.453	62.421
Tài sản Có khác	1.696	4.958
	3.799.869	3.174.284

(i) Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gán nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

(ii) Trong đó có 750.150 triệu đồng ủy thác đầu tư cho một công ty quản lý quỹ để mua trái phiếu với kỳ hạn hợp đồng là 62 tháng và hưởng lợi tức theo kết quả kinh doanh thực tế, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.4 . Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác bao gồm dự phòng phải thu hoạt động mua bán nợ, dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng chung cho danh mục ủy thác đầu tư. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Số dư đầu năm	255.397	606.560
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	10.474	(351.163)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 36)</i>	<i>(30)</i>	<i>(80.086)</i>
<i>Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh số 36)</i>	<i>10.504</i>	<i>(271.077)</i>
Giảm do thoái vốn đầu tư tại công ty con	(33.809)	-
Số dư cuối năm	232.062	255.397

Chi tiết dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng	230.411	219.907
<i>Dự phòng chung(i)</i>	<i>5.626</i>	<i>15.405</i>
<i>Dự phòng cụ thể(ii)</i>	<i>224.785</i>	<i>204.502</i>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	838	34.677
Dự phòng rủi ro khác	813	813
	232.062	255.397

- (i) Dự phòng chung trích lập cho số tiền ủy thác đầu tư để mua trái phiếu chưa niêm yết.
- (ii) Dự phòng cụ thể trích lập năm 2015 cho khoản tiền gửi quá hạn được phân loại sang tài sản có rủi ro tín dụng

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	74.905	74.905
Thời gian phân bổ	3 năm	3 năm
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	(12.484)	-
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	62.421	-
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	74.905
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	74.905
Điều chỉnh do sự thay đổi giá trị của tài sản và công nợ có thể xác định được	-	-
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(24.968)	(12.484)
LTTM giảm do thanh lý, nhượng bán một phần hoặc toàn bộ TCTD	-	-
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(24.968)	(12.484)
Các điều chỉnh giảm khác của LTTM	-	-
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	37.453	62.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	4.819.153	832.555
Vay khác	1.910	-
	4.821.063	832.555

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

19.1. Tiền gửi của các TCTD khác

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	44.501	51.943
Bảng VND	43.400	47.458
Bảng ngoại tệ	1.101	4.485
Tiền gửi có kỳ hạn	9.558.662	14.643.034
Bảng VND	8.775.000	8.568.000
Bảng ngoại tệ	783.662	6.075.034
	9.603.163	14.694.977

19.2. Vay các TCTD khác

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Bảng VND	7.776.807	6.817.732
<i>Trong đó: Vay chiết khấu giấy tờ có giá bằng VND</i>	3.375.026	5.513.585
Bảng ngoại tệ	384.460	4.715.540
	8.161.267	11.533.272

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 %/năm	31/12/2014 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	3,70%-8,70%	3,00%-5,40%
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,10%-1,00%	0,50%-1,20%
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	4,30% - 5,95%	3,20% - 7,10%
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,75% - 2,09%	0,70% - 2,80%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	12.568.456	7.869.933
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	11.824.753	7.056.913
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	743.703	813.020
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	117.162.064	98.689.035
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	106.514.016	89.831.886
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	10.648.048	8.857.149
Tiền gửi vốn chuyên dùng	122.541	1.439.197
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	110.247	1.430.685
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	12.294	8.512
Tiền ký quỹ	417.609	355.500
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	378.453	257.428
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	39.156	98.072
	130.270.670	108.353.665

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	%	31/12/2014 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	6.087.819	4,69	6.646.023	6,12
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	2.569.185	1,97	5.191.812	4,79
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	245.475	0,19	222.673	0,21
Công ty TNHH khác	13.722.842	10,53	11.990.837	11,07
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.519.106	1,17	940.621	0,87
Công ty cổ phần khác	20.911.579	16,05	14.202.653	13,11
Công ty hợp danh	804	-	3.763	-
Doanh nghiệp tư nhân	83.890	0,06	47.176	0,04
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	225.972	0,17	854.034	0,79
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	4.990	-	8.908	0,01
Hộ kinh doanh, cá nhân	77.290.266	59,33	63.371.776	58,49
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.741.099	1,34	1.977.937	1,83
Khác	5.867.643	4,50	2.895.452	2,67
	130.270.670	100	108.353.665	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mức lãi suất tiền gửi khách hàng tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2015 %/năm	31/12/2014 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,50%	0,50%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 10,25%	1,00% - 9,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 2,00%	0,20% - 2,00%

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	383.188	125.246

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Dưới 12 tháng	3.010.175	-
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	14.869.766	7.429.544
Từ 5 năm trở lên	3.980.000	4.980.000
	21.859.941	12.409.544

Giấy tờ có giá bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu thường có lãi suất từ 5,0% đến 12,75%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 7,08% đến 11,2%/năm).

23. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ KHÁC

23.1. Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	748.249	549.006
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	1.217.873	992.441
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	630.356	295.510
Lãi phải trả từ vay các tổ chức khác	75.081	23.270
Lãi phải trả từ vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	76	57
Lãi phải trả từ các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	118.815	176.626
Phí phải trả	14.290	1.580
	2.804.740	2.038.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.2. Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	764.054	306.867
Phải trả nhân viên	764.054	306.867
Các khoản phải trả bên ngoài	1.687.660	3.750.870
Doanh thu chờ phân bổ	28.779	31.246
Các khoản treo chờ chuyển tiền	36.567	43.798
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (Thuyết minh số 24)	301.576	118.035
Các khoản phải trả khác (*)	1.320.738	3.557.791
	2.451.714	4.057.737

(*) Phải trả khác bao gồm số tiền vay khách hàng trả trước và các khoản phải trả khác.

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm Triệu đồng	Phát sinh trong năm		Điều chỉnh do thoái vốn đầu tư vào công ty con Triệu đồng	Số dư cuối năm Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng		
Thuế và các khoản phải thu	(5.852)	7.026	(1.542)	368	-
Thuế TNDN	(5.142)	5.142	-	-	-
Thuế GTGT	(710)	1.884	(1.542)	368	-
Thuế và các khoản phải trả	118.035	962.540	(776.718)	(2.281)	301.576
Thuế TNDN	78.621	695.456	(505.521)	-	268.556
Thuế GTGT	12.062	91.370	(89.859)	-	13.573
Thuế khác	27.352	175.714	(181.338)	(2.281)	19.447
	112.183	969.566	(778.260)	(1.913)	301.576

24.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Dự phòng chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Lợi nhuận thuần trước thuế	3.096.202	1.608.603
<i>Cộng/(Trừ)</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(9.982)	(8.716)
Chi phí không được khấu trừ	41.229	13.669
Các khoản làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	(372)	-
Chi phí thực hiện trong năm	57.235	-
Các điều chỉnh khác	(304)	-
Điều chỉnh thu nhập tính thuế năm nay theo biên bản quyết toán thuế các năm trước	-	15
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	3.184.008	1.613.571
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	700.482	354.986
Điều chỉnh số thuế phải nộp năm trước	116	24
Chi phí thuế TNDN trong năm	700.598	355.010
Thuế TNDN phải trả đầu năm	73.479	219.926
Phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	-	1.054
Thuế TNDN đã trả trong năm	(505.521)	(502.603)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	268.556	73.387

24.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đầu năm	(264)	-
Chi phí thực hiện trong năm	264	92
Doanh thu chưa thực hiện	-	(356)
Công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cuối năm	-	(264)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ

25.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Vốn khác Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.770.000	1.369	-	53.944	274.316	35	1.627.033	-	7.726.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.253.593	-	1.253.593
Phát hành cổ phiếu thương	27.526	-	-	(27.526)	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	549.884	-	-	-	-	-	(549.884)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	81.046	159.552	-	(240.598)	-	-
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	5	5
Khác	-	-	-	7	7	-	(14)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.347.410	1.369	-	107.471	433.875	35	2.090.130	5	8.980.295
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.395.868	-	2.395.868
Phát hành cổ phiếu thương (i)	44.350	-	-	(44.350)	-	-	-	-	-
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại (i)	932.510	-	17.543	(17.543)	-	-	(932.510)	-	-
Phát hành cổ phiếu ưu đãi (ii)	732.196	1.287.494	-	-	-	-	-	-	2.019.690
Trích lập các quỹ	-	-	-	152.751	301.376	408.703	(862.830)	-	-
Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	-	(28.750)	28.750	-	-	-
Điều chỉnh do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	(17.543)	-	(17.543)	-	28.160	(5)	(6.931)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.056.466	1.288.863	-	198.329	688.958	437.488	2.718.818	-	13.388.922

(i) Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 6.347.410.000 đồng lên 7.324.270.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và trả cổ phiếu thường từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định số 1112/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 6 năm 2015 của NHNN, Công văn số 2125/UBCK-QLPH ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 33 ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

(ii) Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 7.324.270.000 đồng lên 8.056.466.000 đồng theo Quyết định số 1261/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2015 của NHNN, Công văn số 3598/UBCK-QLPH ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 34 ngày 8 tháng 7 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

(iii) Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính. VPB AMC ra quyết định kết chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25.2. Vốn cổ phần

	31/12/2015		31/12/2014	
	Cổ phiếu	Triệu đồng	Cổ phiếu	Triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	805.646.600	8.056.466	634.741.000	6.347.410
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	805.646.600	8.056.466	634.741.000	6.347.410
Cổ phiếu phổ thông	732.427.000	7.324.270	634.741.000	6.347.410
Cổ phiếu ưu đãi	73.219.600	732.196	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	805.646.600	8.056.466	634.741.000	6.347.410
Cổ phiếu phổ thông	732.427.000	7.324.270	634.741.000	6.347.410
Cổ phiếu ưu đãi	73.219.600	732.196	-	-

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

Cổ phiếu ưu đãi do Ngân hàng phát hành là cổ phiếu ưu đãi cố tức, trong đó mức cố tức được ổn định hàng năm và không có các quyền liên quan đến quản trị Ngân hàng. Dự kiến sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành, Ngân hàng sẽ mua lại cổ phần ưu đãi làm cổ phiếu quỹ hoặc thực hiện chi định bên thứ ba mua lại cổ phần ưu đãi này.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (Triệu đồng) (i)	2.249.429	1.253.593
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (Cổ phiếu) (ii)	732.427.000	732.427.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	3.072	1.712

(i) Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận hợp nhất trừ đi (-) cố tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi.

(ii) Tổng số cổ phiếu bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được điều chỉnh do việc phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cố tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong tháng 6 năm 2015.

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	230.783	199.763
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	14.872.500	8.399.420
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	3.308.140	3.338.733
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	104.033	89.004
Thu khác từ hoạt động tín dụng	243.345	377.298
	18.758.801	12.404.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	6.420.360	5.637.244
Trả lãi tiền vay	418.793	561.334
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.523.461	750.923
Chi phí hoạt động tín dụng khác	42.750	163.630
	8.405.364	7.113.131

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.597.313	959.852
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	189.163	120.027
Thu từ dịch vụ tư vấn	72.910	80.772
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	75.604	83.464
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	993.805	454.910
Thu khác	265.831	220.679
Chi phí hoạt động dịch vụ	(712.646)	(352.700)
Chi về dịch vụ thanh toán	(112.224)	(68.529)
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	(663)	(3.742)
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(2.557)	(14.869)
Dịch vụ tư vấn	(6.877)	(33.045)
Hoa hồng môi giới	(257.933)	(144.857)
Chi khác	(332.392)	(87.658)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	884.667	607.152

30. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.244.005	5.601.115
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	330.463	700.310
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	5.913.542	4.900.805
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(6.534.477)	(5.691.020)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(5.843.662)	(4.801.580)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(690.815)	(889.440)
	(290.472)	(89.905)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	100.758	85.177
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(66.561)	(90.008)
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh	10.390	224
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán kinh doanh	44.587	(4.607)

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	251.560	526.684
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(140.926)	(61.111)
Chi phí giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 12.3)	(82.668)	-
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	27.966	465.573

33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập thanh lý, thoái vốn đầu tư vào đơn vị khác (*)	168.710	-
Thu từ cổ tức	2.344	8.716
	171.054	8.716

(*) Trong đó, có 164.276 triệu đồng thu nhập từ việc thoái 89% cổ phần tại VPBS. Trên báo cáo tài chính hợp nhất, lãi từ việc thoái vốn tại công ty con được tính bằng giá trị thu được từ việc thoái vốn trừ đi phần tài sản thuần của công ty con được Ngân hàng chuyển giao cho các bên khác.

34. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	957.363	246.408
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	6.833	23.944
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	251.519	69.994
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.606	7.132
Thu từ hoạt động mua bán nợ	622.222	3.218
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	39.025	114.028
Thu khác	35.158	28.092
Chi phí hoạt động khác	(82.291)	(253.363)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(21.737)	(21.906)
Chi từ hoạt động mua bán nợ	(46.093)	(18.655)
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	-	(10.435)
Lỗ thanh lý hợp đồng mua tài sản	-	(189.494)
Chi khác	(14.461)	(12.873)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	875.072	(6.955)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Chi phí thuế, lệ phí và phí	70.654	5.125
Chi phí cho nhân viên	3.183.691	1.925.033
<i>Trong đó:</i>		
Chi lương và phụ cấp	2.843.791	1.713.532
Các khoản chi đóng góp theo lương	165.835	116.658
Chi trợ cấp	115.564	61.464
Chi khác	58.501	33.379
Chi về tài sản	740.327	291.891
<i>Trong đó:</i> khấu hao tài sản cố định	144.532	107.832
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	670.510	857.417
<i>Trong đó:</i>		
Chi công tác phí	39.942	29.979
Chi các hoạt động đoàn thể của TCTD	16.834	6.322
Chi bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	95.507	75.234
Chi phí hoạt động khác	931.780	528.284
	5.692.469	3.682.984

36. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh số 11)	2.833.279	1.183.399
Hoàn nhập dự phòng tiền gửi tại và cho vay TCTD	(5.720)	(54.236)
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (Thuyết minh số 16.4)	10.474	(351.163)
Hoàn nhập dự phòng cam kết ngoại bảng	-	(43.726)
Chi phí dự phòng VAMC (Thuyết minh số 12.3)	439.607	127.339
Chi phí dự phòng chứng khoán kinh doanh	-	14.979
Chi phí dự phòng chứng khoán đầu tư	-	102.882
	3.277.640	979.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quý	1.632.425	1.358.034
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.261.499	3.701.393
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	843.579	1.057.896
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	7.886.166	639.043
Chứng khoán có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	2.535.659
	12.623.669	9.292.025

38. MUA MỚI VÀ THOẢI VỐN CÔNG TY CON

	Số liệu liên quan đến giao dịch mua mới, thoái vốn công ty con		Số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất	
	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng	2015(i) Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Tổng giá trị mua hoặc thanh lý (1)	1.068.000	1.224.035	1.068.000	1.224.035
Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền	1.068.000	1.224.035	1.068.000	1.224.035
Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý (ii) (2)	718.282	1.218	718.282	1.218
Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong năm (ii) (3)	185.442	1.147.912	-	1.147.912
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời hạn trên 90 ngày	614.889	283.738	-	283.738
Chứng khoán kinh doanh	548.853	-	-	-
Cho vay khách hàng	-	760.027	-	760.027
Chứng khoán đầu tư	7.476	-	-	-
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tài sản cố định	13.390	57.654	-	57.654
Tài sản Có khác	1.649.403	152.546	-	152.546
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-
Tiền gửi khách hàng	-	(28.332)	-	(28.332)
Phát hành giấy tờ có giá	(1.958.000)	-	-	-
Các khoản nợ phải trả khác	(690.569)	(77.721)	-	(77.721)
Tổng ((1)-(2)-(3))	164.276	74.905	349.718	74.905

(i) Do sau khi Ngân hàng thoái vốn, VPBS không còn là công ty con của Ngân hàng, các khoản mục tài sản và công nợ của VPBS không xuất hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Số liệu tài sản và công nợ liên quan đến giao dịch thoái vốn công ty con trong năm 2015 được nhân với tỷ lệ thoái vốn (89%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
I Tổng số nhân viên bình quân (người) (Chỉ bao gồm các nhân viên chính thức)	11.066	8.148
II Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1 Tổng quỹ lương	2.352.722	1.614.377
2 Thuởng	-	-
3 Thu nhập khác	152.793	58.222
4 Tổng thu nhập (1+2+3)	2.505.515	1.672.599
5 Tiền lương bình quân tháng	17,72	16,50
6 Thu nhập bình quân tháng	18,87	17,08

40. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG VAY

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thể chấp của khách hàng tại thời điểm cuối kỳ:

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Bất động sản	136.759.382	121.670.767
Động sản	21.046.244	14.422.896
Giấy tờ có giá	77.312.889	47.453.887
Các tài sản đảm bảo khác	89.346.542	51.033.278
	324.465.057	234.580.828

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Ngân hàng có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng thành viên hoặc Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Ngân hàng không có các giao dịch lớn và các khoản phải thu, phải trả trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với các bên liên quan. Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm là 30.369 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tổng dư nợ cho vay	122.628.138	46.770	122.674.908
Tổng tiền gửi	174.576.996	522.296	175.099.292
Các cam kết tín dụng	53.561.557	-	53.561.557
Các công cụ tài chính phái sinh	131.760	-	131.760
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	50.517.995	-	50.517.995

43. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

43.1. Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu đồng	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu đồng	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	14.599.675	-	731	14.600.406
Tiền gửi tại TCTD khác	8.729.745	-	-	8.729.745
Cho vay các TCTD khác	5.869.930	-	731	5.870.661
Chứng khoán kinh doanh	2.046.735	-	-	2.046.735
Cho vay khách hàng	105.787.548	3.183.775	7.832.924	116.804.247
Chứng khoán đầu tư	47.909.683	-	561.577	48.471.260
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	43.389.044	-	561.577	43.950.621
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.520.639	-	-	4.520.639
Tài sản Có khác	9.693.170	-	226.435	9.919.605
Tổng cộng	180.036.811	3.183.775	8.621.667	191.842.253

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1, không bao gồm các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày, theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là do Ngân hàng đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của Ngân hàng do những biến động bất lợi của các mức giá, giá trị có liên quan trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Quản trị rủi ro thị trường thuộc Khối Quản trị rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro thị trường chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng.

Từ năm 2012, chính sách quản lý rủi ro thị trường ban hành đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ, giới hạn rủi ro thị trường kiểm soát hoạt động kinh doanh (trading book) và các trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (banking book). Với các công cụ sử dụng kiểm soát như hạn mức trạng thái ngoại tệ rỗng, hạn mức thay đổi của danh mục đầu tư trên một điểm cơ bản (Present value of a basis point - PV01), hạn mức chênh lệch dòng tiền, kỳ hạn và đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại).

Trong tương lai, khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng và mức độ sẵn có của dữ liệu đã sẵn sàng, Ngân hàng sẽ áp dụng các phương pháp ưu việt hơn như Value at Risk (VaR), Mô phỏng Monte Carlo... để đo lường chính xác mức độ rủi ro và xác định mức phân bổ vốn cần thiết để bù đắp rủi ro thị trường theo các chuẩn mực của Basel 2.

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận Quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, Ngân hàng có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

Trong thời gian tới, Ngân hàng sẽ chủ động nghiên cứu các mô hình đo lường rủi ro đối với các công cụ phái sinh để đảm bảo sẵn sàng kiểm soát các loại rủi ro này khi Ngân hàng quyết định cung ứng những sản phẩm này trên thị trường Việt Nam.

(a) Rủi ro lãi suất

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 20.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn Triều đồng	Không chịu lãi Triều đồng	Thời hạn định lại lãi suất						Tổng cộng Triều đồng
			Đến 1 tháng Triều đồng	Từ 1 - 3 tháng Triều đồng	Từ 3 - 6 tháng Triều đồng	Từ 6 - 12 tháng Triều đồng	Từ 1 - 5 năm Triều đồng	Trên 5 năm Triều đồng	
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.632.425	-	-	-	-	-	-	1.632.425
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.261.499	-	-	-	-	-	2.261.499
Tiền gửi tại các TCTD khác - góp	731	-	9.768.368	521.857	809.450	3.500.000	-	-	14.600.406
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	159.120	421.473	735.176	110.770	298.621	321.575	2.046.735
Cho vay khách hàng - góp	8.867.759	-	50.042.122	18.593.190	8.783.495	11.506.072	18.396.487	615.122	116.804.247
Chứng khoán đầu tư - góp	561.577	4.520.639	4.554.224	8.581.999	4.009.246	1.178.460	18.641.115	6.424.000	48.471.260
Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	322.984	-	-	-	-	-	-	322.984
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	537.174	-	-	-	-	-	-	537.174
Tài sản Có khác - góp	226.435	8.806.020	137.000	-	-	-	750.150	-	9.919.605
Tổng tài sản	9.656.502	15.819.242	66.922.333	28.118.519	14.337.367	16.295.302	38.086.373	7.360.697	196.596.335
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN	-	-	4.821.063	-	-	-	-	-	4.821.063
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	-	8.658.183	6.869.916	1.862.005	204.750	165.991	3.585	17.764.430
Tiền gửi của khách hàng	-	-	45.068.471	30.722.888	33.391.667	17.784.100	3.301.799	1.745	130.270.670
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	134.160	-	-	-	-	(2.400)	-	131.760
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	383.188	-	-	-	-	-	383.188
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	256.825	1.845.557	6.199.128	8.984.204	4.574.227	-	21.859.941
Các khoản nợ khác	-	5.256.454	-	-	-	-	-	-	5.256.454
Tổng nợ phải trả	-	5.390.614	59.187.730	39.438.361	41.452.800	26.973.054	8.039.617	5.330	180.487.506
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	9.656.502	10.428.628	7.734.603	(11.319.842)	(27.115.433)	(10.677.752)	30.046.756	7.355.367	16.108.829
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	9.656.502	10.428.628	7.734.603	(11.319.842)	(27.115.433)	(10.677.752)	30.046.756	7.355.367	16.108.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng đến	
		Lợi nhuận trước thuế Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
USD	1,50%	(65.674)	(51.225)
VND	3,00%	39.859	31.090
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
USD	1,50%	(108.681)	(84.771)
VND	3,00%	61.788	48.195

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác ngoài VNĐ và Đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 47. Theo dự báo của Ngân hàng, trong năm 2016 tỷ giá USD/VND sẽ tăng trong khoảng từ 4% đến 6% so với tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
USD	2,00%	(665)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
USD	2,00%	4.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(b) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Vàng được quy đổi Triệu đồng	Các loại ngoại tệ khác quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	246.409	309.047	25.496	201.246	782.198
Tiền gửi tại NHNN	-	249.345	-	-	249.345
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	415.436	4.139.353	-	40.981	4.595.770
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng	-	3.123.868	-	-	3.123.868
Tài sản Có khác	-	255.927	-	-	255.927
Tổng tài sản	661.845	8.077.540	25.496	242.227	9.007.108
Nợ phải trả					
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	1.169.223	-	-	1.169.223
Tiền gửi của khách hàng	818.190	10.060.811	-	564.200	11.443.201
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(149.000)	(3.181.490)	-	(329.028)	(3.659.518)
Các khoản nợ khác	6.732	70.762	-	2.581	80.075
Vốn và các quỹ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	675.922	8.119.306	-	237.753	9.032.981
Trang thái tiền tệ nội bảng	(14.077)	(41.766)	25.496	4.474	(25.873)
Trang thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-	-
Trang thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(14.077)	(41.766)	25.496	4.474	(25.873)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Hỗ trợ ALCO thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43.2. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Quá hạn			Thời hạn					Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng		
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.632.425	-	-	-	-	-	1.632.425
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.261.499	-	-	-	-	-	2.261.499
Tiền gửi tại các TCTD khác - góp	731	-	9.768.368	521.857	4.309.450	-	-	-	14.600.406
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	2.046.735	-	-	-	-	-	2.046.735
Cho vay khách hàng - góp	4.184.404	4.683.355	9.092.030	10.293.907	24.031.849	41.753.254	22.765.448		116.804.247
Chứng khoán đầu tư - góp	-	561.577	1.001.163	3.294.530	6.172.227	30.801.846	6.639.917		48.471.260
Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	-	322.984		322.984
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	120.405	416.769		537.174
Tài sản Có khác - góp	226.435	1.285	8.229.491	137.917	509.532	814.790	155		9.919.605
Tổng tài sản	4.411.570	5.246.217	34.031.711	14.248.211	35.023.058	73.490.295	30.145.273		196.596.335
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN	-	-	-	4.819.153	1.910	-	-		4.821.063
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	-	8.658.182	6.869.917	2.066.755	165.991	3.585		17.764.430
Tiền gửi của khách hàng	-	-	45.068.471	30.722.888	51.175.767	3.301.799	1.745		130.270.670
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	127.765	-	3.995	-	-		131.760
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	2.656	337.536	42.996		383.188
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	256.825	1.845.557	12.683.332	4.574.227	2.500.000		21.859.941
Các khoản nợ khác	-	-	5.239.938	16.516	-	-	-		5.256.454
Tổng nợ phải trả	-	-	59.351.181	44.274.031	65.934.415	8.379.553	2.548.326		180.487.506
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	4.411.570	5.246.217	(25.319.470)	(30.025.820)	(30.911.357)	65.110.742	27.596.947		16.108.829

(d) Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Giá trị ghi sổ							Giá trị hợp lý Triều đồng
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Triều đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triều đồng	Cho vay và phải thu Triều đồng	Sản sàng để bán Triều đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triều đồng	Tổng công giá trị ghi sổ Triều đồng		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.632.425	-	-	-	1.632.425	1.632.425
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.261.499	-	-	-	2.261.499	(*)
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác – góp	-	-	14.600.406	-	-	-	14.600.406	(*)
Chứng khoán kinh doanh	2.046.735	-	-	-	-	-	2.046.735	(*)
Cho vay khách hàng – góp	-	-	11.680.427	-	-	-	11.680.427	(*)
Chứng khoán sản sàng để bán – góp	-	-	-	43.950.621	-	-	43.950.621	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn – góp	-	4.520.639	-	-	-	-	4.520.639	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	8.765.936	322.984	-	-	9.088.920	(*)
	2.046.735	4.520.639	144.064.513	44.273.605	-	-	194.905.492	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	22.585.493	-	-	-	22.585.493	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	130.270.670	-	-	-	130.270.670	(*)
Công cụ tài chính phái sinh	131.760	-	-	-	-	-	131.760	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	383.188	-	-	-	383.188	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	21.859.941	-	-	-	21.859.941	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	4.954.878	-	-	-	4.954.878	(*)
	131.760	-	180.054.170	-	-	-	180.185.930	(*)

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
Trong vòng một năm	37.155	6.806
Từ hai đến năm năm	10.872	10.194
	48.027	17.000

46. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

47. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	31/12/2015 Triệu đồng	31/12/2014 Triệu đồng
AUD	16.290	17.319
CAD	16.041	18.242
CHF	22.471	21.420
CNY	3.389	3.408
DKK	3.160	3.160
EUR	24.340	25.807
GBP	33.193	33.066
JPY	186	178
NZD	17.122	17.122
SEK	3.078	3.078
SGD	15.758	16.027
TWD	30	30
USD	21.890	21.246
XAU	324.500	349.000

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 2 năm 2016

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016

Kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, chủ yếu là do thương mại toàn cầu suy giảm; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối.

Đối với kinh tế trong nước, năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (2016-2020), nhờ những động lực phát triển kinh tế, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện, các chính sách hỗ trợ tăng trưởng, tham gia các hiệp định tự do thương mại,... nền kinh tế sẽ phục hồi và phát triển mạnh trong trung hạn. Các hiệp định thương mại có hiệu lực trong năm 2016 giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là đối với mặt hàng dệt may, giày dép, nông, lâm, thủy sản. Một số chỉ tiêu vĩ mô được dự báo tích cực: tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 khoảng 6,7%, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dưới 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP khoảng 31%. Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu kế hoạch năm 2016 khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%.

Với ngành ngân hàng, dự báo 2016 sẽ tiếp tục ổn định và tích cực hơn: dư nợ tín dụng tăng khoảng 18-20% so với cuối năm 2015, tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%. Ngành ngân hàng tiếp tục có cơ hội để phát triển mạnh mẽ với số lượng cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận được sản phẩm dịch vụ ngân hàng tăng lên nhanh chóng.

Đối với VPBank, năm 2016 bước vào năm thứ 4 triển khai chiến lược 5 năm 2012 -2017, sau 3 năm (2013-2015) tập trung xây dựng và củng cố các hệ thống nền tảng để chuẩn bị cho phát triển quy mô lớn, năm 2016 là năm thứ hai của chương trình chuyển đổi toàn diện, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy tăng trưởng quyết liệt để đạt được các mục tiêu về quy mô và các mục tiêu tham vọng trở thành một trong những ngân hàng cổ phần hàng đầu vào năm 2017. Trước áp lực cạnh tranh trong ngành ngân hàng ngày càng gia tăng, đồng thời kiên định với định hướng chiến lược dài hạn, trong năm 2016, VPBank tập trung vào 2 mục tiêu cơ bản:

- **Thúc đẩy tăng trưởng quyết liệt tập trung vào các phân khúc khách hàng trọng tâm của chiến lược và các khu vực thị trường chọn lọc.** Cụ thể, tăng trưởng tín dụng, huy động và cơ sở khách hàng sẽ được đẩy mạnh tại hai phân khúc khách hàng chủ chốt là Khách hàng cá nhân và SME thông qua việc nâng cao năng suất bán hàng và chất lượng đội ngũ bán hàng đã được đầu tư mạnh. Đối với các khối khách hàng tổ chức lớn CMB&CIB, tập trung vào việc tái cấu trúc danh mục cho vay, đẩy mạnh bán chéo và cung cấp các sản phẩm chuyên sâu. Các khối kinh doanh còn lại sẽ đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tối ưu hóa bảng cân đối.
- **Tiếp tục củng cố các hệ thống nền tảng theo hướng tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động ở mọi khâu mấu chốt.** Cụ thể VPBank sẽ tiếp tục đặt trọng tâm vào hệ thống quản trị rủi ro, củng cố hệ thống phê duyệt; củng cố hệ thống quản lý, xử lý và thu hồi nợ có vấn đề; triển khai và hoàn thiện hệ thống mô hình tổ chức hệ thống bán hàng và dịch vụ; phát triển nhân sự; và tăng cường hệ thống công nghệ tiên tiến đảm bảo phục vụ tốt quá trình phát triển nhanh của các hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ.

Một số chỉ tiêu kinh doanh, tài chính hợp nhất trong năm 2016

STT	Chỉ tiêu (Tỷ đồng,%)	Kế hoạch 2016
1	Tổng tài sản	246.223
2	Huy động khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá	188.326
3	Dư nợ cấp tín dụng	171.017
	Trong đó: Cho vay khách hàng	156.358
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%
5	LN trước thuế	3.200

*Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng dư nợ cấp tín dụng được xây dựng trên cơ sở dự kiến của VPBank và sẽ trình NHNN phê duyệt .

Với nền tảng vững chắc từ con người, hệ thống, công nghệ trên tinh thần luôn cải tiến, sáng tạo, cùng phương châm hướng tới kinh doanh bền vững, VPBank tin tưởng vào khả năng hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh – tài chính của kế hoạch 2016 đầy thách thức trên.



208

ĐIỂM GIAO DỊCH CỦA VPBANK
TRÊN TOÀN QUỐC

AN GIANG	02	ĐỒNG THÁP	01	KIÊN GIANG	01	QUẢNG TRỊ	02
BẮC GIANG	04	GIA LAI	01	LONG AN	02	THANH HÓA	07
BẮC NINH	02	HÀ NỘI	62	NAM ĐỊNH	05	THÁI BÌNH	04
BÌNH ĐỊNH	02	HÀ TĨNH	05	NHA TRANG	02	THÁI NGUYÊN	02
BÌNH THUẬN	02	HẢI DƯƠNG	03	NGHỆ AN	06	VĨNH LONG	01
BÌNH DƯƠNG	01	HẢI PHÒNG	09	PHÚ THỌ	02	VĨNH PHÚC	03
CẦN THƠ	04	HÒA BÌNH	02	QUẢNG BÌNH	04	VŨNG TÀU	01
ĐỒNG NAI	03	HỒ CHÍ MINH	42	QUẢNG NAM	01		
ĐÀ NẴNG	10	HUẾ	06	QUẢNG NINH	04		

NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Trụ sở: 72 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 043.9268880 / Fax: 043.9288867 / Website: www.vpbank.com.vn

Dịch vụ chăm sóc khách hàng: 043.9288880 hoặc 1900545415